

Nguyễn Ngọc Tư



ngày mai
của những
ngày mai

TẠP VĂN

Tái bản có bổ sung

ANTIEMBOOKS   NXB PHỤ NỮ

Ngày Mai Của Những Ngày Mai...

Tác giả: Nguyễn Ngọc Tư

Thể loại: Tạp văn

NXB Phụ Nữ, 2009

Mục lục

1. Chân không
2. Thăm thăm chốn về...
3. Vài mùa đông lẻ...
4. Bài hát nào cho Bạc...
5. A Tép – ...km ký sự
6. Bên sông
7. Buồn buồn nói chuyện... buồn chơi
8. Chi tiết
9. Còn gì khi vẫy chào nhau?!
10. Đất cháy
11. Ván cờ
12. Đường chân trời thì xa
13. Giữa bầy đàn
14. Hạt gửi mùa sau
15. Mẹ
16. Người mới chân chưa
17. Khúc ba mươi
18. Làm sông
19. Láng giếng một thuở
20. Mẹ giàu, mẹ nghèo
21. Ngày mai của những ngày mai
22. Nhớ bèo mây
23. Cửa người, cửa mình
24. Người giàu cũng...giấu
25. Những cây gòn lặc

26. Ngồi buồn nhớ ngoại ta xưa
27. Tiền bối, thầy và bạn
28. Ở trọ
29. Về một từ hay dùng trong năm
30. Vườn cũ
31. Đãi bạn
32. Xin lỗi lục bình
33. Nước chảy về đâu
34. Mờ mờ nhân ảnh
35. Xe đêm

Chân Không



ứ như là bạn sắp vướng vào chuyện động trời nào đó khi cứ nằng nặc hỏi tôi, T làm sao vượt qua những tháng ngày khó khăn của cái gọi là “sự cố tháng Tư” hay còn có cái tên khác là “sự cố cánh đồng...”. Tôi nói ờ ờ, để coi để coi, và suy nghĩ rất lâu. Trong bụng tự dưng... quạu khi bạn mình hỏi về một việc đã cũ, đã xa, đã khép.

Và đã tạnh nguội rồi. Kẹt quá, buộc phải nhớ về nó, tôi có cảm giác đang đứng ngó nghiêng, trầm trồ tai nạn, vết thương một ai đó.

Cảm giác như xem một đoạn phim rời. Rất hài hước. Trong phim có một đứa con gái tung tăng nhảy chân sáo trên con đường nhiều hoa cỏ, hai bên đường đâu đó người ta bày những “nỗi đau”, “niềm vui”. Con nhỏ thông thả đi qua, dáng nó lớn tồng ngồng nhưng tâm hồn chưa kịp lớn theo, chẳng chịu dăm thắm, dịu dàng gì cả. Và hơi hoang dã, đầu trần dang nắng, chân chẳng mang giày dép, ngộ cái là nó có vẻ chẳng ý thức được điều đó, nó tự tin và hồn nhiên, bước đi nhẹ nhõm và dứt khoát như thể nó không biết mình đang chân trần. Nhỡn như được một đoạn đường, thì nó vấp cái... rễ cây, té nhào. Nó nhăn mặt, rõ ràng là đau. Móng chân bị xước một mảng, máu ứa ra. Người đi đường xúm lại. Họ tranh cãi xem vết thương kia là tại vì cái rễ cây hay tại con bé không chịu mang giày như người ta. Vấn đề là cả thế giới đều mang giày, tại sao có một thiếu số chân không? Mang giày là đúng đắn, là xu thế chung thì tại sao không chịu mang giày? Con bé bệu bạo, khờ khạo, “em tưởng

không có rễ cây". Mọi người lại bàn cãi, tại sao con đường này lại có rễ cây? Tại sao rễ cây nằm đây mà con bé không thấy.

Người ta bắt đầu phân tích cái rễ cây. Rõ ràng nó nằm đây đã lâu, tồn tại như điều tự nhiên của trời đất. Dầm sương dãi nắng, cái rễ gân guốc vắt ngang đường, seó vít chi chít, chứng tích của cuộc tranh đấu vì sự vững vàng của cây. Rễ cây phải nằm đây, điều đó là hợp lý, nhưng con bé này đâu đáng bị thương, nó ngây thơ và tội nghiệp quá chừng. Mọi người tranh luận. Con bé ngơ ngác, nó quên đi hoàn cảnh của mình mới vừa đo đất. Nó ngó quanh, rưng rưng nhìn cái cách người đời quan tâm tới mình. Họ ôm lấy nó, an ủi nó, đau đớn như vết thương tuôn máu kia là của họ, giận dữ như cái rễ cây kia vừa khiến họ bật ngửa. Con bé nhìn thấy nhiều người có vết seó đã khô, dấu vết của những lần vấp rễ cây, nó đọc được nỗi đau của họ khi vấp té mà không người đỡ dậy. Và họ thương con bé vì họ đã ngấm được cái đau trơ trọi đó, ngấm được sự mạnh mẽ, vô tình của rễ cây.

Con bé nhẹ nhõm hẳn, có lẽ nó thấy chân mình chẳng còn đau, vết thương chẳng là gì với những biến cố của cuộc đời, hồi nhỏ, nó cũng bị vỏ ốc cắt đứt chân hoài, mà nó vẫn chân không ngạo nghễ đấy thôi. Nó đứng lên, tiếp tục đi. Rồi khi ngó lại, thấy chơi vơi, thấy trong lòng người đời nó vẫn còn nằm bẹp kia. Người ta vẫn đang nói về vết thương của nó, gọi tên nó nhưng tất cả đang xúm quanh một con bé nào đó, giống nó. Hèn chi, mà nó cảm thấy trống rỗng, cái rễ cây đấy cũng có làm chân nó đau đâu, cái rễ cây trong cơn nắng hè căc cố làm ngã con bé nào giống nó. Và con bé ra khỏi màn hình, một mình lủi thủi.

Bây giờ thì nó đứng nhìn tôi, xa vắng, háo hức như nhìn một nhân vật ảo. Bởi vì tôi đã lột tuốt vô phim, lại đi trên con đường đầy hoa cỏ, đầy niềm vui và nỗi đau mà con bé đã từng đi. Bộ vó tôi cũng rất ngạo đời, tung tẩy, và dù nụ cười khá kỳ dị, héo hắt, thiu thiu nhưng tôi rất hay cười, cho có vẻ là mình cũng vui như con bé đó. Tôi vẫn chưa chịu mang giày, vẫn chân không. Nhưng chẳng như con bé kia không biết mình chân không, tôi chân không mà nghĩ mình đang chân không. Nghĩa là tôi-chẳng-chân-không.

Và tôi nhận ra tại sao lại đổ quạu với bạn khi phải nhớ về “sự cố tháng Tư”. Tôi chưa ra khỏi nó, chưa khép lòng. Và trong lúc mọi người (cả bạn nữa) đang chăm chăm vào vết thương thấy được bằng mắt thường thì tôi đau quặn, đau buốt vì một vết thương khác, đó là sự cô đơn khi đi giữa đám đông mà đám đông chẳng thấy mình, chẳng hiểu mình. Đó là sự phản chiếu ám ảnh của những tấm gương (sau sự cố) đã vỡ rồi.

“Sự cố cánh đồng...” chỉ có thể tóm gọn lại, bóng tôi vấp vào rễ cây vắng vào giữa biển người. Họ tưởng là tôi, họ gọi tên và mỉm cười với tôi. Nhưng tôi thì chẳng còn lòng dạ nào, bởi tim nghẹn lại, đau đáu nhớ về con bé chân không thuở trước.

Thăm Thăm Chôn Về ...

C

ô gái về quê vì đang có vụ đình công ở công ty cô đang làm việc. Và đôi vợ chồng đứng ngồi thấp thỏm nhai cái bánh mì khô khốc kia vừa ra khỏi bệnh viện sau cuộc kiểm tra tổng quát. Một bà cụ khác ngồi cạnh tôi đã ở chơi với con được mấy ngày. Ngồi chờ xe, chỉ cần năm phút thôi cũng đủ mỗi người khỏa ra một khoảng đời mình.

Bãi xe buổi trưa nắng quánh quéo những bóng người. Khói nắng trôi lên từng lát mỏng gợn gợn. Những cái bến xe mà tôi biết hầu như không thay đổi mấy, kể từ ngày tập tành đi rong. Chúng luôn có mùi giống nhau, khăm khăm mùi nước tiểu, mùi của những bãi nôn vì say xe, mùi nhiên liệu cháy khét... Chúng ngập nước rùng rùng vào mùa mưa, cùng bao nhiêu rác nổi rác chìm. Chưa bao giờ trong đầu tôi thôi nghĩ, bến xe là một cái bẫy của bọn ma cô lừa đảo, bọn trộm cắp giật giở, móc túi. Một thứ sa mạc. Sau này đi nhiều, thấy người ta đúng là xây dựng bến xe theo kiểu sa mạc, không bóng cây, không bãi cỏ, càng không có hoa. Một cú choáng váng của cuộc xa nhà. Ngồi chờ xe trên một băng đá cũ kỹ tróc lở nào đó, chen chúc giữa những người xa lạ, chìm lẫn giữa những tiếng rao hàng, gió bụi và rác... tôi bắt đầu hình dung một cách rõ ràng chặng đường mình sẽ đi, những va chạm mà mình sẽ gặp, những cô độc lạc lõng mình sẽ nếm trải. Cái xô bồ xô bộn, náo nhiệt, sự mời gọi nồng nặc của bến xe luôn gây cảm giác, ta đã rời khỏi mái ấm.

Ở đó, dù để ra đi hay trở về, trên những gương mặt người cũng phảng phất hoang mang. Cô công nhân bất an, liên tục xoay điện thoại di động trong tay, nhắn tin và liên tục thở dài, “em sợ bị đuổi quá. Thất nghiệp về nhà làm ruộng, buồn chết luôn...”. Đôi vợ chồng bất an, sẫm soi lục lọi hồ sơ bệnh án, rồi thở dài thở vắn. Bà cụ bất an, hỏi tôi, sao lâu quá mà xe chưa chạy, mấy đứa cháu ngoại ở dưới quê chắc đang trông dữ lắm.

Bà cụ không điện thoại di động nên chẳng ai gọi với theo. Người con trai tiễn bà đến đây đã quày quả bỏ về, “chiều nay con phải họp...”. Bà nhìn theo bóng con, rưng rưng. Bà hỏi tôi có biết công ty X lớn thiệt lớn ở Sài Gòn này không, thằng Hai bà đang làm ở đó. Nó giàu lắm, bà tự hào, mua nhà xong rồi, cuối năm này mua xe hơi. Tôi hỏi sao bác không ở chơi, bà hơi cúi mặt, “ờ, thì nhớ nhỏ con út dưới quê, nên về...”.

Xe vẫn chưa chạy. Bà cụ lại bắt chuyện, bà kể mấy hôm trước gặp chuyện hú vía, định mở đèn, nhấn nhầm cái còi báo cháy gì đó, làm con cháu nửa đêm nháo nhác. Bác đâm ra sợ mấy cái nút tròn tròn vuông vuông, nên đi vệ sinh không xả nước, rốt cuộc lại phiền phức. Chân tay mạnh giỏi, mà đi đâu làm gì cũng chờ mấy đứa nhỏ dẫn, tức mình quá. Tới lui một mình thì sợ con chó bực bội rồi nó... cắn. Mà, con chó đó cao lớn như con bò, ăn toàn đồ ngon, tới bữa cơm đồ ăn trên bếp chia ra, chó một đĩa, người một đĩa...

Tôi im lặng để lắng nghe câu chuyện về một người quê đi lạc, nhưng bà cụ đã thôi kể. Bà lúi húi xốc mớ đồ trong hai cái giỏ xách đặt dưới chân, rồi xếp lại y như cũ, như thể nếu bà không làm gì, bà sẽ khóc mất. Hồi lâu, bà ngẩng lên hỏi

tôi, “cái nón này tầm ba ngoài tuổi đội hợp không con? Bác mua cho con Út, tội nghiệp, hồi đó nó nghỉ học, đi mần mướn để kiếm tiền phụ lo cho anh nó. Giờ có chồng rồi, chồng nó cũng nghèo, xấu trai mà tử tế lắm...”.

Xe bắt đầu chậm rãi lăn bánh. Lên đường. Những hành khách ngồi thưa thớt, thở hắt ra, về nhà. Hành trình dài bảy giờ đồng hồ, sẽ đến một cái bến khác.

Bảy giờ nữa, chúng tôi được nằm duỗi dài trên chiếc giường thân thuộc, ủi thẳng cái lưng đau sau chặng đường thăm thăm xa. Bà cụ, đôi vợ chồng và cô công nhân ở huyện sẽ mất thêm một đoạn đường vài chục cây số, rồi cũng sẽ đến nhà. Chúng tôi sẽ gặp lại bộ vạc, cái ngạch cửa, gian bếp, căn buồng, chiếc võng quen. Đến nỗi nhắm mắt, dò dẫm cũng có thể tìm và chạm tay vào chúng, lu nước, hũ gạo, tủ chén, giàn củi...

Nhưng mỗi chúng tôi, dường như không bao giờ về được đúng nơi mình đã ra đi. Cô công nhân không về được cái ngày cô còn là thôn nữ, quanh quẩn với ruộng vườn, lặng lẽ làm những công việc bếp núc, đồng áng, thuở cô không mơ mộng vì chưa hề biết có một thành phố rục rĩ phía chân trời. Đôi vợ chồng mệt mỏi kia không trở về được nơi họ vẫn còn thanh thản, chưa âu lo, chưa bị phiếu xét nghiệm, tiền thuốc, bệnh tật ám ảnh giày vò. Bà cụ không về được một bờ sông, có người mẹ hồn hậu hay tha thẩn nhớ thương con, với một tình thương dạt dào, tin rằng giờ này, ở cái thành phố xa xôi đó, thằng nhỏ chắc cũng nhớ mình. Lòng mẹ bao dung có làm bà quên vẻ mặt đứa con nhẹ nhõm như một cái phôi bụi trên vai áo khi tiễn bà đi, khi để bà ở lại chơ vơ giữa một bến xe chao chác những người đứng?

Và tôi nữa...

Người ta làm sao để bỏ lại bên ngoài cửa những bài học đại khôn sau khi đi một ngày đường...

Vài Mùa Đông Lẻ...

M

gày mai, khu vực Bắc Bộ trở lạnh. Không hiểu sao cái tin nhỏ trên trang báo làm mình nhớ chị. Nhớ căn hộ chung cư ngút ngất trên cao mà bọn bạn bè miền Tây Nam Bộ của chị thường tá túc mỗi khi có việc ra Hà Nội.

Chị sống ở đó, với những đứa em trai em gái. Và gió. Thỉnh thoảng bạn bè loẹt xoẹt ghé qua, quẳng ba lô vào một góc phòng, năm mười phút vừa giũ bụi đường xa vừa hỏi thăm chị vài câu qua quýt, xong quảy túi đi chơi mất. Tụi nó cũng như gió, khác gì.

Nên chị thường một mình, sau thời gian quần quật với đám học trò ở trường. Ngay cả khi ngồi với những đứa em bên bữa cơm cuối ngày, ngay cả khi tham gia vào những câu chuyện rời rạc, xăng lên giá, vụ tai nạn xe ở một vòng xoay, một người quen ở dưới quê vừa mất... chị vẫn lẻ. Chị chỉ có vài mối liên lạc nhỏ để kết nối với cuộc đời, quanh quẩn thì cũng trường học, siêu thị, bếp, và văn chương. Chị viết truyện ngắn in báo, in sách, và những tờ báo cuốn sách đó được chị cất vào ngăn kéo. Âm thầm. Chị em thương nhau, nhưng văn chương với em là một trò chơi xa lạ. Em đi theo một vòng tròn khác, công ty, lớp sinh ngữ, phim cuối ngày...

Việc viết làm chị có nhiều bạn bè, thí dụ như tụi miền Tây chúng tôi. Nhưng những lần gặp nhau chốc lát rồi tan, khiến chị càng bị ấn sâu hơn về phía lẻ loi. Chị đọc sách, say mê sách, cuối cùng, những cuốn sách đã từng cứu rỗi bao nhiêu tâm hồn, cũng làm cái sự cô độc của chị nhói hơn một chút.

Một cuốn sách hay đăm hay đuối, làm ta sướng mê dại đi mà không có người để chia sẻ cũng là một nỗi buồn lớn. Tôi từng thèm được dúi vào tay ai đó một cuốn sách mới, rồi chờ đợi, để tìm sự đồng cảm, hay tranh luận cho những cảm giác của mình đã có cùng nó. Khi ra khỏi thế giới sách, bỗng chệnh choáng nhớ người, tìm người.

Nhưng buồn cười, đôi khi không tìm được ai trong số bấy người (thương yêu ta và ta thương yêu) nheo nhóc, để làm một việc giản dị là chia ra một tác phẩm hay tình cờ, bảo đọc đi, ngộ lắm đó, hay "xem phim này đi, cũng lạ...", hay "nghe bài nhạc này thử coi, buồn dễ sợ...". Giống như tôi, chị một mình.

Và giống như chị, tôi còn nhiều bạn lẻ khác. Có người một mình trong căn nhà nhỏ ngó ra hồ, chiều tối chơi thấy chị lum khum quét lá, ngồi chơi một chút, chị hỏi hỏi sáng này có coi cái phim zx trên kênh 9 không, có xem truyền hình trực tiếp chung kết hoa hậu không, rồi thất vọng nhận lại cái lắc đầu. Có người một mình trong bếp loay hoay nấu những món ngon, mời mọn trông con về, trông khách tới, trông hàng xóm mở cửa để... đem cho. Ở một căn nhà gỗ khác, cũng có người một mình đưa vống ngó mấy con chim treo trong lồng, nghe chúng nói tiếng người bằng giọng của chính mình. Có người tới Tết là lủi thủi ra biển vì không thể kẹt lại trong mùa sum họp. Ai đó cô đơn do hoàn cảnh trở trêu, cũng ai đó tự lựa chọn cách sống này mà không biết trước, đôi lúc ta thèm con người chết được. Không biết cũng có lúc ta thấy chật bụng chỉ vì một bài hát hay, một món ăn ngon, một bức ảnh đẹp... Nên thành phố thì nắng ấm quanh năm, vẫn thấy ủ ê những mùa đông lẻ.

Nhiều lúc, chạy chơi với người này, xong chạy đằng kia uống miếng trà, gọi điện cho người bạn xa hỏi những câu ơ hờ, chú khỏe không, lúc này làm gì cho đỡ chán, hay nhắn tin cà rớn cho cái chị ở giữa cao cao Hà Nội, “mùa đông này có ai tình nguyện làm chăn cho chị hay chưa?”... Tự thấy, việc chạy chơi lãng xảng như một hành động lau nước mắt cho bạn, cho mình, như đốt lên đồng lửa nhỏ vừa đủ hơi nóng mặt và tay, sau lưng vẫn đang lạnh cóng.

Đôi khi nghĩ, nếu những người bạn cô độc mà gặp nhau thì vui biết mấy. Một mối tình, ôi, điều đó là lớn lao, nhưng giản dị như một cuộc cờ, cũng cần đến hai người.

Bài Hát Nào Cho Bạc

B

ạc là tên của thằng nhỏ sẽ trở thành thợ mộc. Tôi thích một cái tủ sách lớn đặt ở trên gác nhưng sợ cầu thang hẹp, di chuyển khó nên rước thợ về nhà. Tốp thợ có bốn người, thằng Bạc đang học việc, lủn tủn chạy đi lấy cái bào này, cây thước kia cho mấy anh. Nó hay lục lọi đồng sách của tôi nằm ngổn ngang trên sàn nhà, gập cuốn dày, nó xoay đi xoay lại, chắc lười, “trời ơi, cầm cuốn sách này là thấy buồn ngủ rồi. Toàn là chữ, không có hình gì hết vậy chị Hai?”. Cũng may, không có hình mà nó không chổng ngược sách xuống, chứng tỏ nó cũng biết chữ, chút ít.

Lúc đó tôi đang đọc Rừng Na-Uy, chính xác là đọc lại lần thứ hai, hít thở lần nữa cái không khí u sầu, buồn bã của một mối tình. Thằng Bạc thấy tôi dán vào cuốn sách, nó hỏi sách viết gì vậy chị Hai. Tôi đáp ơ hờ, ờ thì tình yêu và cái chết. Thằng Bạc trề cái môi thâm sì của nó dài thượt, “ai mà rảnh quá vậy, viết mấy chuyện tầm phào không. Chị Hai có truyện vụ án, hay truyện ma không?” Tôi lắc đầu, thằng Bạc ỉu xìu. Tôi mắc cười quá, nói, sách nói về cái chết cũng hay mà, sao không thích. Thằng Bạc nguýt ngoáy, “hay gì, chết là hết trơn...”.

Chết là hết trơn. Đó là quan điểm của thằng Bạc-thợ-mộc, nó chỉ cần gọn lỏn bốn từ. Còn triết gia, văn sỹ, đạo giáo thì nói về chuyện này hàng ngàn năm nay, vẫn chưa muốn dừng lại ở bờ bến nào. Thằng Bạc kể, hồi má nó chết rồi thì chị Hai là má nó, chăm sóc mấy đứa em, nấu cơm, giặt giũ, đi làm kiếm tiền... Má nó trở thành ma rồi, đâu còn nhúng

tay vô mấy chuyện đó. Nghĩa là hết rồi. Chấm dứt rồi. Những người sống mắc đi làm để có cơm ăn.

Thế còn nỗi nhớ? Sự tuyệt vọng? Sự tồn tại ở một thế giới khác? Sự ám ảnh miên viễn của nỗi mất mát? Nhưng tôi đi cãi nhau với thằng nhóc này thì tôi uống công. Có lẽ tất cả điều đó vô nghĩa trước việc "đi làm để có cơm ăn...". Tôi đành cười trừ.

Tủ sách đóng xong, thợ chính không tới nữa, phần đánh bóng, sơn, lau chùi kính... tóm lại, phần "hậu kỳ" giao cho thằng Bạc. Tôi nhin nghe nhạc mấy bữa, cũng thèm. Ai ngờ thằng Bạc rất lầy làm phiền, nghe "Đố ai" của Phạm Duy, nó cắn nhần, "Cái ông này quờn thiệt quờn, biểu người ta đếm lá, đếm sao trên trời, sống kiểu vậy không đói chết mới lạ...". Thái Thanh hát "Tìm nhau" thằng Bạc không mấy hài lòng, "khó hiểu quá, tìm nhau mà tìm trong hoa nở, tìm trong gió... sao mà có, trời? Sao không đăng tin trên đài cho gọn?". Cho tới "Giết người trong mộng" nhạc sỹ phổ theo thơ của Hàn Mặc Tử thì thằng Bạc bực bội thật sự, "Có giỏi thì đi giết mấy người ác đang sống sờ sờ, nhờn nhờ kìa. Thương người này không được thì thôi, đi thương người khác, hơi sức đâu hăm he lãng nhách ...". Tôi tức anh ách, nhưng cố nhin, cãi với thằng nhỏ này thì tôi cũng giống như con nít.

Cổ nuốt cục tức, hỏi, vậy chứ nhạc gì hay? Nó cười, chị Hai có *Đám cưới nghèo*? Có *Hoa sứ nhà nàng* hông? Có *Chuyến xe lam chiều* hông? *Thói đời*? Sao gì cũng hông có vậy trời? Mấy bài đó nghe hay lắm, vậy nghe, "*đường thương đau đày ải nhân gian ai chưa qua chưa phải là người, trông thói đời, cười ra nước mắt...*", vậy nghe, "*phố buồn mình tôi bước*

chân lẻ loi. Ray rút trời mưa bỗng nghe mặt môi...”, vầy nghe “đừng nói xa nhau, cho tâm hồn đau khổ, đừng nói xa nhau, cho mắt lệ hoen mờ...”, vầy nghe, “Em qua sông gió thổi bên lòng, gió lạnh lòng đưa hoa tím long đong, nước lạnh lòng trôi...”

Thằng Bạc nhắc tới bài nào là hồn nhiên hát luôn bài đó. Giọng nó không tẻ, ngọt và nhừa nhựa, tưởng nó đã uống vài ly rượu rồi. Những bài hát nửa lạ nửa quen, tôi nghe suốt từ thời thơ ấu, giờ vẫn gặp lại trong quán cafe, quán nhậu, trên đường phố... Tôi không mang về nhà thì thằng Bạc đem về, như thế nó biết tôi đã để quên, đã đánh rơi bên đường, như thế tất cả chúng là của tôi. Chỉ có bài hát “mèo hoang” nào đó mà thằng nhỏ nhắc, tôi thấy hơi xa lạ. Bạc tỏ ra thất vọng ghê gớm, bài đó hay lắm. Hát cho mấy người làm nghề bán bia ôm, mà hay, *“có phải em về trong đêm nay, bước thấp bước cao ngã nghiêng trên đời này...”*

Bỗng dưng thằng Bạc rưng rưng, chị Hai tui nghe lần nào cũng khóc hết. Rồi bỗng dưng nó sợ tôi đoán ra điều gì đó, nó đột ngột gượng cười, “hông biết chừng nào người ta mới viết bài hát về thợ mộc như tui hen?”.

Tôi không biết. Tôi cũng chưa biết bài hát làm rơi nước mắt những chị cave, những người đàn bà sương gió. Nhưng giờ trở đi, tôi sẽ lắng nghe...

“...đời còn nhiều bể dâu, người hỡi có thương nhau, thì xin chớ buồn...”, tạm thời chưa tìm ra bài nhạc nào viết về anh thợ mộc, tôi gửi mấy câu hát này đến Bạc, một người từng gặp...

A Tép -... Km Ký Sự

D

ã từng háo hức. Hồ hởi. Hứng khởi. Nôn nao. Nhưng tất cả những cảm giác ấy tiêu tan, biến mất theo từng km đường đèo uốn lượn ngoắt ngoéo. Những biển báo khúc quanh nguy hiểm cong queo như cái cù nèo làm ai cũng thót tim. Điện thoại dặt rỏ gì cũng biến thành cục sắt vô duyên khi không có một cột sóng nào. Đi ba giờ đồng hồ mới gặp chiếc xe ngược chiều, hai bên đường miên man, mãi miết những vách đá, vực sâu, những rừng cây bạt ngàn. Vắng rợn. Không một bóng người, trâu bò cũng không. Mấy bữa trước chán người bỗng bây giờ thêm người da diết.

Người trên xe không biết làm gì cho qua cơn hoang mang mệt mỏi này, đành ngó ra cột cây số với một niềm hy vọng mãnh liệt nào đó. Và cái bệ bê tông lùn beo lùn bít được trân trọng thái quá, qua được một cột cây số, vài ba người lại reo lên như gặp bạn cũ, gặp má đi chợ mua bánh ú về. A Tép – 50km. trưa xế rồi, xe chao lắt liên tục nên ai cũng đói, hai tiếng A Tép là niềm hy vọng lớn. Đã chuẩn bị trước tinh thần là đường vắng, người thưa, ít hàng quán nên lúc trưa dừng chân lại quán xôi định mua xôi hộp, chị chủ quán nói bằng giọng Quảng Trị đặc sệt, hết xôi gà rồi, chỉ còn xôi trộn thôi. Mình nghe thế nào mà thành xôi... chồn, thấy hơi... dã man, chạy ra xe xin ý kiến tập thể, “Xôi chồn, dám ăn không?” Mọi người hơi hoảng, bảo xôi gì ghê vậy, thôi, đi. Bây giờ thì hối hận, bây giờ thì đang đói và hoang mang, A Tép – 46km.

Bỗng dưng, A Tép là nỗi thương mong lớn, nghe dịu dàng, dễ thương như nhà mình ở đó, con mình ở đó, má mình ở đó. Ít văn chương mơ mộng hơn thì cũng hy vọng một thị trấn nhỏ, đông người, nhiều quán cà phê bên đường có mắc võng, những quán ăn sẽ có cháo gà, loại gà rừng thịt ngọt lừ, chắc nụi. Mấy cô chủ quán xinh đẹp sẽ mang ra một đĩa khăn ướt thơm tho, chườm nước đá mát lạnh. A Tép 39km.

Cảm giác nôn nao như ai đó đang đứng ở A Tép lạ hoắc, A Tép xa xôi chờ mình. Nếu tẻ lắm thì sẽ có cái quán nhỏ với những gói mì tôm trung trong nước nóng. Và dòng suối nhỏ sau nhà nước trong vắt, lạnh ngắt ngai ngái mùi lá mục và hoa rừng. Những cột cây số vun vút lùi lại đằng sau. Chẳng ai thèm reo lên khi thấy những dòng suối mùa khô chảy vòng vèo dưới thung sâu, chẳng ai thèm chỉ trỏ mỗi khi thấy một loài hoa rừng đỏ rực trên vách núi. Bây giờ thì mọi người ngóng trông A Tép.

Nghĩ mông lung, nhớ lại hồi đi Sài Gòn, mỗi khi ngán ngẫm, mỗi khi mong tới nơi, mình hay trông ra cột cây số, một liệu pháp chống buồn chán rất hiệu quả. Đi qua mỗi cột cây số, thấy cuộc hành trình của mình lưng đi một ít, nỗi ngán ngẫm cũng vơi theo. Cái cách mình đi đường giống cách mình leo núi, chống một gậy để thấy mình lên cao một chút, lại giống như cách mình sống, vịn vào thành tích gì đó, dù là bé xíu (thí dụ như tấm bằng công nhận “nữ hai giỏi”) để thấy những ngày tháng đã qua không quá vô nghĩa, để thấy mình đã bước thêm một bước đời, phía trước bớt dài, bớt mù mịt, chông chênh.

Những cột cây số ở quốc lộ mà mình quen thuộc luôn báo cho mình biết khi nào, còn bao xa nữa thì đến đích, thì kết

thúc cuộc hành trình. Bao giờ cũng xuất hiện trên đó những cái tên mình đã thuộc lòng, Sóc Trăng - ...km, Trung Lương - ...km, và mỗi lần xe ra khỏi Tp Hồ Chí Minh, cột cây số trong lòng mình là Nhà Minh - 320km, kèm theo đó là cảm giác xao xuyến, bồn chồn. Nhưng trên con đường Hồ Chí Minh xa lạ này, đoàn lữ hành đi trong trạng thái vô vọng, chẳng biết cái gì chờ mình phía trước, càng không biết bao giờ mới đến đoạn cuối cuộc hành trình, lúc nào mới được ngã lưng trên chiếc giường chần nệm ấm. Quảng Trị chắc đang lo lắng, cứ mỗi lần qua thị trấn lớn, điện thoại xuất hiện một cột sóng hiếm hoi, lại nghe người Quảng Trị lại gọi vói theo thăm hỏi. Mới gặp chỉ nửa buổi, trò chuyện vài câu mà như ruột thịt trong nhà, ấm lòng, cảm động. Bây giờ cục sắt vô duyên mang tên điện thoại cũng không thể reo lên. Bây giờ mới thấy mình giống bèo, giống lục bình vì cái sự vô định miên man tận chân trời. 1 km nữa đến A Tép của tôi.

Cả đoàn người dựng thẳng lưng dậy, hăng hái bẻ tay rôm rốp, hồ hởi cười ha ha. Một ông lão trước đó cởi quần dài ra vì gió Lào nóng hừng hực giờ lúi húi mặc vào. Sắp tới A Tép, hẳn chỗ đó quan trọng lắm, sầm uất lắm nên cột cây số mới thông tin liên tục như vậy chớ.

Và A Tép là một... cây cầu vắng ngắt. Nó cắt nát mọi hy vọng, nó chà đạp, cười nhạo lên những nôn nao, chờ đợi của một đoàn người trên một chặng đường đèo dài thăm thẳm. Xe chạy rướn lên chút nữa, thấy có đúng... mười cái nhà dân nhưng không hàng quán gì ráo. Tuyệt vọng thật. Đồi mình chưa bao giờ thấy tuyệt vọng và hoang mang như vậy, mặt trời đã chếch gần dãy núi. Ta đi về đâu đây?

Bắt đầu nghĩ quẩn, tê tái cả lòng nhưng không dám nói ra, nếu chiếc xe bỗng dừng nhõng nhẽo nằm ì ra thì đêm nay sẽ ngủ ở chốn đèo heo hút gió này, sẽ đói, sẽ khát, điện thoại không sóng nên sẽ không thể cầu cứu được ai, trừ chờ xe của bạn đường đi qua trong điều kiện ba giờ đồng hồ mới có một chiếc. Khủng khiếp.

Đến bây giờ thì không còn nhớ đã đi qua đoạn đường tiếp theo như thế nào để đi đến một cái quán không đủ ghế cho 14 người uống cà phê, và không có gì làm no lòng ngoài... hột gà. Ngồi chờ chị chủ quán bắc nồi nước sôi luộc trứng, nghĩ về A Tép, bỗng thương, vì nó đem đến cho mình quá nhiều cảm xúc. Từ hy vọng, chờ đợi, háo hức đến tuyệt vọng, giận dữ. Đáng ra, phải cảm ơn A Tép với những cột cây số bên đường, ít ra nó giúp người ta nguôi sợ, quên không còn ngại khó, dẫn bước trên quãng đường thăm thẳm.

Nhưng tại sao ta phải trông ngóng những cột cây số, toan tính cho cuộc hành trình, hoạch định một đích đến, tại sao ta không ngủ một giấc, rồi thức dậy rong ruổi với cảnh vật hai bên đường, tại sao ta lại bị những cột cây số che khuất để không còn thấy những dòng suối nhỏ, những vạt hoa rừng, những đàn bướm vàng vào mùa di cư bay rợp cả thung lũng, như lá khô chao lơ lửng mãi giữa trời, những vách đá óng lên dưới nắng, mây vắt vào mặt trời chiều... Tại sao ta phải để tâm trí vào hoạch định cuộc đời mình, phải hối hả tới nơi nào đó mà bỏ qua, quên lãng bao nhiêu điều tuyệt đẹp bên đời.

Mình đặt những câu hỏi rồi bù lúc nửa đêm, khi xe vào Kon Tum, khi đã qua hơn 600km đường đèo dốc, khi người đã

mệt lử, nhẹ bâng. Khi tỉnh một giấc mơ dài... Ai đó đề nghị, từ ngày mai ai nói tới chữ... đèo sẽ bị phạt tiền, gặp đũa hay khổ qua đèo cũng chỉ được phép nói đũa... nhỏ, khổ qua... nhỏ.

Đoàn chẳng thu phạt được đồng nào...

Bên Sông



hiều ấy không có gì bất thường, trừ việc đứa cháu nằm dài coi phim Hàn Quốc, thấy đôi trai gái đẹp hẹn hò ở một nơi quá đẹp, con nhỏ thờ dài cái thượt, thắt thẻo, “Được đi nước ngoài chơi chắc đã dữ lắm, ha di. Mà trời ơi, biết chừng nào mình mới có tiền...” Cô đang nấu cơm, hơi quạu, đáng lẽ con nhỏ phải vô bếp tiếp mình, mà nó lại nằm đó nói chuyện tào lao. Ra sàn nước ngồi rửa rau, cô ngó sông, con nước rong đang dâng lé đé thêm nhà, cô hỏi, bỗng dưng, “Nhỏ, hồi nào giờ có qua bên sông không? Bên sông có cái gì?”.

Nhỏ cháu nín thinh, nó ngỡ ngác, hoang mang, trong một chốc, nó thấy mảnh đất bên sông còn xa xôi hơn cả nước Hàn Quốc xa xôi, ít ra, nó biết ở Hàn Quốc có tuyết rơi trên những hàng cây xơ rơ, có những ngọn núi, những công viên cây cỏ xanh rờn rợn. Nhưng bên sông thì nó không biết, vì ở đó chẳng có họ hàng, bạn bè nào, và vì dòng sông ngăn trở. Lúc còn trẻ con, người lớn không cho qua vì sợ rủi ro sông nước, lớn lên, mối quan tâm của con bé cùng lắm là đến giữa dòng, nó còn không biết nhận biết nước rong. Cô cũng vậy, cũng hoang mang, mình đã nghiên cứu đến nền dân trị của Mỹ rồi mà ngỡ ngác trước câu hỏi chiều nay. Câu hỏi không chỉ cho đứa cháu gái vô tư kia, mà cho cả cô, riêng cô, vì cô.

Có gì nơi đó, nơi chỉ cách bờ bên này một dòng nước bạc, chừng hai mươi nhát chèo?

Hôm sau, cô bước chân xuống đò, sang sông. Cô ngó lại, thấy nhà mình kia, thấy rõ ràng mấy khăn treo phơ phất. Ngó lại lần nữa, cô hốt hãi khi nhà mình bỗng đứng mù mù xa xôi. Bởi cô đang ở một thế giới khác rồi.

Một con đường nhỏ chạy dưới bóng những cây gòn, những bụi tre gai. Và tiếng gà trưa vọt lên khỏi những hàng bông búp tía thưa, rơi từng giọt. Những ngôi nhà lọt thỏm giữa sân, vườn, rêu mọc trên mái ngói Tây. Lúp xúp sát bờ sông có mấy cái trại xuồng, tiếng bào loẹt xoẹt, dăm bào lún phún tràn ra con đường trắng xi măng hằn nhiều dấu chân chó. Dọc theo xóm một quãng, chân bước ngẩn ngơ, tưởng mình đã vượt mười lăm cây số về đến quê mình. Cũng tiếng người thưa thớt lâu lắm mới nghe ới lên, cũng bày trẻ con nháy cò cò mé lộ, cũng ngôi nhà có hàng lớn nước đang trước. Dưới cái chòi che tạm có con bé ngồi bán rổ củ sắn, mạn ôi đã chớm héo, đằng kia, xập xệ quầy bán hột vịt lộn, chuối nướng. Ghé lại chỗ bà cụ bán bánh chuối chiên, hỏi con cháu đâu mà già chưa được nghỉ ngơi, bà cụ cười, "mới gã con Út về bên chợ".

Cô ngó theo hướng bàn tay run rẩy, bỗng mắc cười, thấy mình đang xúng xính trong vai "người bên chợ" qua chơi, thấy con sông thật trở trêu. Bờ bên kia rộn rịp phần hoa, xe cộ đông như kiến, nhà cao tầng chen chúc nhau cố giành lấy một mảnh trời. Người ta ăn mặc đẹp, người ta bày tràn ra cả lề đường những món ngon lành, lạ mắt. Bên này, nhịp sống lừ đừ, người đàn ông đang chậm rãi vãi lúa cho gà ăn coi bộ không biết thời gian đang dồn đuổi chiều tới nơi rồi. Và khói nhè nhùng trong những gian bếp tối, và những người già đã sống gần hết đời mê mải, nằm đưa võng trước

hàng ba, tuềnh toàng trong những bộ bà ba cũ kỹ. Trên sân trải phơi đồng củi mục ngấm nước thâm sì, chắc là được vớt từ sông, còn những mảng rào thưa thì làm từ cây vụn lượm lặt từ các trại xuống.

Con sông rõ ràng chẳng rộng là bao, bởi đứng ở đôi bờ có thể ngờ ngợ mặt nhau. Vậy thì sông phải rất sâu? Có sâu lắm, sâu đến vô cùng nên mức sống, nếp sống, mới cách biệt như vậy. Đêm đêm cái rỏ đất hiu hắt bên sông này vẫn thấy bờ kia lên đèn rực rỡ, vẫn nghe tiếng xe cộ dập dìu, nhưng ngóng hết đời người này đến đời người khác, nhịp sống đô thị đó vẫn là một cái gì rất xa xôi. Và cô, mỗi tối, vẫn nghe vọng từ bên sông tiếng những người đàn ông say cãi nhau, ai đó ca cải lương, heo sục vào cái máng không thất vọng kêu la chói lói, và khi ra phơi áo ở sân sau, nhìn ánh đèn vàng vọt bên kia, tự hỏi, bên đó có gì?

Cô mất hai mươi tám năm rông mới qua được bên kia sông, nhưng có là gì so với bà cụ bán bánh chuối chiên kia, hết đời người, bên sông vẫn là một chỗ xa lạ, cao vời, chẳng thể nào với tới. Con gái bà đã sang bờ, và chiều chiều ra đứng cửa sau ngó sang, bỗng bùi ngùi như đã đi quá xa xóm cũ, nhà cũ.

Sau chuyến ấy về, cô bị ám ảnh bởi dòng sông. Ngồi viết cũng nghĩ mình như đang ở bên một bờ sông nào đó, cút côi, chẳng cây cầu, con đò nào đưa người đời đến với mình. Lại thấy bạn bè đứng ở một bờ sông khác, cô có thể cảm nhận được họ nói cười, họ sống cuộc sống nhẹ nhàng, đơn giản, và mình ngóng về bờ đó một cách tuyệt vọng vì biết chẳng bao giờ được vui cùng.

Sau này, đi... nhậu cô cũng nghĩ về sông. Thường thì cuối tuần cô với ông anh trai sẽ có cuộc hẹn ở quán... nhậu. Thường thì cuối buổi nhậu đó, cả hai sẽ nhắc tới chị Hai. Cái món này ngon quá, phải chị Hai ở đây, chị sẽ thích lắm. Chị Hai không biết uống bia đâu, chị chê đắng ngét, không ngon lành gì hết. Cái quán này đẹp thiệt, uống cho chị Hai chưa tới lần nào. Mà, biết tới bao giờ cả ba chị em mình mới ngồi nhậu với nhau?

Sau câu nói đó là một nốt ngậm ngùi. Sau câu nói đó thì hình ảnh chị Hai hiện ra, với tất cả vẻ tất tả, nhọc nhằn. Giờ này, chị Hai chắc đang lui cui dọn quán, chùi xoong, rửa ly, chén, cẩn thận đếm những tờ giấy bạc nhéo, toan tính cho bữa mai, phần nào cho con đi học, khoản nào mua cá, mua rau. Hơn mười năm trời, chị Hai chưa bao giờ được ngồi quán nhậu nha thường thức cà phê, nghe nhạc, nói gì đến la cà nhà hàng này, khác. Bỗng dưng bia đắng, mỗi lát, bỗng dưng thắt lòng, như có con sông nào chảy giữa chị Hai với mình.

Bên bờ của chị Hai, còn có em bé bán đậu phộng luộc, với cái giọng ừ ê và đôi mắt ừ ê, cái áo trắng của em đã lấm lem, trên áo, thời gian đã ngưng đọng lại hàng chữ thêu "lớp 3A", còn có người bán vé số ngồi nắn bóp đôi bàn chân mỏi, khoảng nối với khúc chân giả đã chai, còn có cô gái phục vụ bàn mướt mồ hôi mà vẫn gượng cười. Quán nhậu chật chội, hẹp te mà sông vẫn chia cắt người với người. Và đĩa chim sẻ nướng muối ớt cũng bị đẩy về một bờ nào đó, nơi có những người nghèo khổ đến mức tận diệt thiên nhiên để đổi lấy miếng ăn.

Và những dòng sông vô hình vẫn cứ chảy miên man, xuôi ngược giữa đời, để người không gần được với người, để bờ này xa lạ, lơ đãng với bờ kia.

Buồn Buồn Nói Chuyện Buồn Chơi

1. Gặp cậu lần nào cũng ngó mình, rưng rưng, con Lam của cậu cùng tuổi với bây. Tuổi Tỵ. Tết này là ba mươi tròn. Rồi cậu lặng đi, trợn trạo nuốt ngậm trà như vừa uống nước mắt.

Đứa em họ có cái tên làm mình phải ghen tị hoài, bởi cảm giác Lam là cái gì đó rất êm đềm, dịu dàng, bằng lăng, mỏng manh, như lụa, như sương như khói, chẳng phải như tên mình, thô dày, nặng nề và có vẻ thách thức. Nghĩ vậy, nên đau nhói đôi lần, khi thấy Lam è ạch kéo xuống qua đập, khi Lam trằm mình dưới bến sông làm bờ kè chống lở.

Lam lấy chồng sớm, ngày cưới mình, Lam đã hai con. Hiếm hoi, dịp cúng giỗ gặp nhau, giật mình khi Lam gọi mình bằng chế, đúng theo vai vế. Chưa đến nhà Lam nhưng cảm giác đã đến rồi, cũng lần dọc theo con sông miên man, rẽ vào mấy dòng kinh quanh co, sẽ đến một xóm nhỏ buồn buồn, với những hàng cau, bụi tre buồn buồn. Nhà cột cặm, hơi thấp, cũng buồn buồn. Cho đến một ngày buồn buồn, Lam tìm đến cái chết.

Mọi người vật ra, ngơ ngác, món nợ chưa đầy hai mươi triệu + bà mẹ chồng hơi khó tính + những mùa tôm cứ thất bát nối đuôi nhau + buồn = cái chết. Đơn giản như một bài toán trẻ con. Lam nằm lạnh ngắt, đứng đưng, hai đứa bé đứng ngơ ngác nhìn những người lớn đang thương khóc, mà chẳng hiểu làm sao họ khóc. Cảm giác của mình về một cái tên dường như đã sai ngay từ đầu, Lam dường như là lam lũ, cơ cực, cong oằn, cả cái chết cũng là cơn bão quặng quật tả tơi những người ở lại.

2. Diễm cũng hưởng dương hai mươi chín tuổi. Đứa bạn sung sướng từ lúc lọt lòng, nghe nói chưa bao giờ đi chân không trên đất. Học trường điểm từ hồi mẫu giáo, cấp một hai ba cũng vậy, vào đại học cũng thuộc loại danh tiếng, xênh xang. Chưa ra trường, gia đình đã thành lập một công ty kinh doanh máy văn phòng lớn, với đầy đủ nhân sự, chờ Diễm về. Công việc không chê được, người yêu cũng tuyệt, đúng chuẩn đẹp trai để thương nhớ, giàu có để lấy làm chồng.

Nên hôm Diễm than buồn mình đã bật cười, trời ơi, Diễm mà buồn thì mình biết làm sao. Diễm cười, héo hắt như người ta đơm sẵn nụ cười ở đâu đó, và Diễm lấy gấn vào môi. Một cơn buốt lạnh chạy dọc sống lưng, mình đã từng cười như thế, đúng là Diễm buồn, buồn như một căn bệnh. Không phải là buồn như mình vẫn thường rêu rao, "Trời ơi, sao không ai rủ tui nhậu, tui buồn muốn chết rồi nè". Bệnh buồn là hỗn hợp của những đồ vỡ, ngơ ngác, thảng thốt, vu vơ, ngớ ngẩn, lạc lỏng, mất mát, vô nghĩa, không phương hướng. Những cái buồn không nắm bắt được. Mù mịt. Vây bủa. Không biết lối nào để thoát khỏi nó.

Từ những buồn rời, không tan được vì thiếu lửa, buồn kết thành băng. Diễm chọn cái chết. Đơn giản hơn cả bài toán đơn giản nhất. Cái chết chỉ là buồn + buồn + buồn + n buồn + vô tận buồn. Hôm tới tiễn nhau, mẹ Diễm không nói, chỉ nhìn mình, ánh mắt nhói lên, "tại sao lại là con mình, sao không là con bé xấu xí hom hem và phá phách, phiền phức này?". Mình muốn giận bà, mà giận không xong, chỉ thương ngập lòng.

3. Những cơn buồn đã vùi Lam, Diễm vào đất cũng đã từng làm mình hoang hoải, điêu đứng, liêu xiêu. Như đã chìm một lớp người trẻ khác vào biển buồn, một thứ cảm bầy mới, rất đáng sợ. Ở đó, những lời động viên, an ủi, công việc, tiền bạc... đều không có tác dụng, chúng chìm lìm. Ai đó buông xuôi, ai đó vịn được bờ. Bến bờ là một cái gì đó tình cờ, đôi khi kết thành từ những vớ vẩn, bờ của mình là một thí dụ. Một loài cây trổ bông xanh. Một cao nguyên biên biệt đá, người sống trên đá, chết trên đá, cây cỏ mọc trên đá. Một vùng cát trắng khô cằn, những đàn bò gầy quắt mõi mê tìm cỏ dưới cái nắng rất bỏng... Mình đã được đến những nơi ấy đâu? Mình đã trải nghiệm cảm giác ... làm sui, nổi đau nhói khi tiễn con về nhà chồng đâu? Những nổi đau của người đời, mình chưa kịp viết. Và còn quá nhiều người mình chưa được gặp, còn nhiều cuốn sách hay (mà dạo này lại có quá nhiều sách hay), nhiều bộ phim chưa xem...

Đến một ngày, đứng bên một dòng sông lạ, hay gặp lại một cuốn sách, thấy rưng rưng biết ơn chúng, có chúng nên qua bão buồn mình còn sống sót.

Và còn nhìn thấy màu xanh đã thắm lại của tuổi ba mươi. Dù con đường đi đã vắng vài bóng người quen, họ mỗi mê, họ không đi tiếp nữa. Mình vẫn một mình bước tới.

Chi Tiết

Sáng nay lại khổ sở vì chi tiết.

Hăm hờ vác máy ảnh, giấy bút lại cơ quan tiếp dân, không gặp nhân vật đâu, chỉ thấy vài người dân cặp sách giấy tờ, bồn chồn đứng nép bên cổng, vẻ chờ trông. Một lão nông liên tục đổi chân trụ. Chị phục vụ chắc đã quen với mấy cảnh này, nên chỉ mời cà phê cho mỗi mình nhà báo. Cô ngó ngoài sân, thấy cồn cào, như thể những giọt cà phê nghi ngút khói kia từ phin rơi thẳng xuống lòng chứ chẳng phải vào ly. Cuối cùng nhân vật cũng tới, chực thấy anh qua cổng thì bài báo của cô lập tức rụi ngọn, như bị hắt nước lạnh. Không, chính xác là bị cây tầm đang đong đánh ngoắc ngoắc trên khoe miệng nhân vật chọc thẳng vào mắt.

Nói cho cùng thì cây tầm không có lỗi, nó được tạo ra là để xia răng, nhưng nhiều lúc nó biến thành biểu tượng của sự phè phỡn, thoả mãn, vô cảm. Một người có cởi mở, nhiệt thành đến đâu, cái tâm tốt đến đâu, cũng bị đè bẹp bởi bề ngoài vô duyên và vô tình khi cây tầm cứ nhip theo lời nói. Cô nghĩ vậy. Cô xách xe ra về, tự trách mình hay làm hư việc bởi những chuyện không đâu.

Chi tiết "hành" cô không phải lần đầu. Có lần xuống địa phương, hăm hờ lặn lội trên những con đường quê vòng vèo, thấy những đứa trẻ đi học về ngoi ngót trong mưa thương quá, nhác thấy anh chủ tịch xã cười khoe tám cái răng bịt vàng choé, bỗng thấy mệt muốn ngất đi. Có lần đi mua mấy hộp sữa cho con, thấy chị bán hàng chửi người ăn mày xoi xói, cô bỏ đi mua chỗ khác. Có lần đi Đất Mũi thấy

người ta xây ở đó một nhà rông kiểu... Tây Nguyên, cô hết muốn quay lại. Có lần định viết gương người tốt việc tốt một cán bộ Đoàn, nhưng ngất nổi anh này hay khệ nệ cái cặp táp dày ù, móng tay thì để dài. Có lần ...

Cô tự làm cuộc sống của mình mệt ngoài. Nhưng không từ bỏ được, vì ngấm nỗi buồn chi tiết trước khi vào nghề viết lách. Cô dở toán bởi thầy dạy toán hay giơ tay ra bộ đếm tiền vào đầu tháng, làm thót ruột mấy đứa học thêm. Cô ghét tham gia những cuộc thi của trường chỉ vì câu nói "làm cho có phong trào để cuối năm trường mình được xếp loại khá" của người phụ trách. Có những quán cà phê cô chỉ đến một lần, nhưng lần đó bị tra tấn bởi thứ nhạc kiểu như "Em biết tôi yêu em mà em từ chối tôi làm tôi đau, tôi thương, tôi buồn" (chú thích: thấy dài ngoằng vậy chứ chỉ là tên của bài hát thôi). Thần tượng nhà thơ nọ nhưng bắt gặp cọng bún khô queo vắt trên bộ râu ông, cô buồn hết mấy bữa. Cô hay rước bực dọc vào mình, chỉ vì tấm panô tróc sơn loang lổ ở quảng trường, tiếng chuông điện thoại bằng giọng con gái ỏng ẹo, hay lá cờ xiêu vẹo trên cổng cơ quan... Đáng ra được thanh thản, nhưng cô cứ rối bời.

Cô hay tự lừa dối mình rằng, ta là người phóng khoáng. Té ra không phải, cô rất trọng tiểu tiết. Có lần gặp lại người yêu cũ, cô ngời nhắc lần gặp đầu tiên, mắt anh lúc đó, miệng anh cười lúc đó, tóc anh lúc đó. Và kiểu áo anh hay mặc, những câu anh thường nói... Cô ngó anh, cười bảo, đi đâu, gặp mùi nước hoa cũ, là em nhớ, ngày xưa thơm bưng trên áo anh. Mỗi câu nói như một mũi kim buốt vào lòng, cô cảm giác vậy. Anh ta ngẩn ngơ, vậy a, vậy à, rõ ràng, chi tiết làm anh ta anh ta xúc động đến thảng thốt. Cô đọc

được sự bối rối của một kẻ không nhớ ra những gì người khác nhớ, tầm tắp.

Rốt cuộc dường như chỉ phụ nữ là nhớ đằm, nhớ sâu...

Những chuyện không đâu

Còn Gì Khi Vẫy Chào Nhau

B

ình thường, khách đến quê tôi rất vội, thời gian của họ đã phai và rơi rụng theo cuộc hành trình quá dài. Bình thường, khách chỉ có một mong muốn, và mong muốn duy nhất là được đi Đất Mũi, rẻo đất cuối cùng trên bản đồ Việt. Mấy mươi năm đất nước bị chiến tranh chia cắt, với nhiều người, nơi này là niềm mơ ước, là nơi thiêng liêng, là điều tâm nguyện cả đời. Bình thường, đến đó, khách thích ngồi bên cột mốc tọa độ, hay đứng dưới biểu tượng con tàu có chữ "Mũi Cà Mau" để... chụp hình. Quãng thời gian còn lại không dài, chỉ đủ khách ăn bữa cơm với cá dứa, cá nâu, nghe mấy cô phục vụ nhà hàng ca vọng cổ, làm vội mấy câu thơ, bẻ vài trái đước, trái mấm, hay nắn cục đất bỏ túi, thì tàu về lại thành phố đã réo còi.

Bình thường thì tôi, một người bản địa, kiêm hướng dẫn viên bất đắc dĩ nhìn cảnh ấy thấy lại mình, đã từng đi năm sông bảy núi, rồi thì ký ức sạch trơn. Không thể nói biết Hội An, khi chưa đặt chân qua bên kia bờ sông Hoài, không thể nói biết Sài Gòn, Hà Nội khi chỉ quanh quẩn năm ba dãy phố, không thể nói biết Quảng Ninh khi chỉ vòng vèo vài nẻo Hạ Long. Và bình thường, những lần đi cùng khách, tôi hay buồn, vì nghĩ, mai kia tấm hình phai màu, câu thơ không còn nhớ, trái đước héo khô rồi, cục đất thì tan thành bụi vụn, cái gì thuộc về quê tôi còn lại trong lòng khách? Nhột nhạt. Mù mịt.

Chị không thuộc về chuỗi bình thường mà tôi gặp. Chị ngạc nhiên khi tôi gợi ý đi Đất Mũi, chị hỏi "Ở đó hay lắm hả?".

Tôi cười cười, “chỗ đó ai cũng muốn tới”. “Vậy nơi nào trên đất này mà em muốn đưa tôi tới?” Chị hỏi.

Câu hỏi đó làm tôi sững ngây ngất. Nhiều nơi lắm, chị ơi, tuyệt nhiên không có núi cao, hồ thẳm, không hoa thơm cỏ lạ. Nhưng có đến đó mới thật là *biết* đất quê tôi.

Và cả hai người đã không phụ lòng nhau. Từ lúc cùng giông ruổi trên chiếc xe máy, chưa bao giờ mắt chị tắt ánh nhìn bờ ngõ, môi chị luôn đậu nụ cười, gương mặt chị lúc nào cũng như đang say. Chị luôn chắc lưỡi hít hà, khen quê tôi đẹp. Tôi không may may nghi ngờ rằng chị nói chỉ để xã giao.

Ra đi từ những sớm tinh mơ và trở về lúc chiều phai, cuộc hành trình của chúng tôi hẳn nha, không vội vã. Chị trầm trở tại sao con đường nào cũng có con sông hoặc con kinh rượt đuổi, trông theo mình. Chị bắt dừng xe chỉ để ngắm những bông lau nở trắng xóa hai bên đường, chỉ để leo lên cây cầu ván chụp hình mấy đứa con nít cật vó dưới kinh. Chị nằng nặc đòi xuống xuống be chín, tay dầm lóng ngóng bơi đi trên con rạch rập rờn những lá bông súng nhỏ. Chị thú vị với từng chi tiết của chiếc ghe bán hàng bông, phát hiện ra tất cả vật dụng đều được thu nhỏ, cả con chó cò cũng nhỏ. Chị ngẩn ngơ hỏi tên những bông hoa đại tím ngẩn ngật bên sông, chị ghi chép, có khi vẽ cả hình, cái lu bụng tròn, còn khạp thì thẳng đuột, cây mác vót nhỏ hơn dao yếm, lại có thứ nhỏ hơn mác vót gọi là dao trầu.

Đi xe chán, tôi đưa chị xuống tàu. Chị hỏi tên tất cả con sông, tôi kể một hồi, chị kêu lên, tên sông cũng hay ghê, những Gành Hào, Bảy Háp, Ông Đốc, Cái Tàu... Trong cơn chuẩn choáng, khách thích nếm vị nước của từng con

sông, ưa bồn chồn ngó qua thành tàu, giọng như reo bởi phát hiện một điều ngộ nghĩnh, "hình như trên đất này, mọi thứ đều động đậy, nhúc nhích. Sông ở đây cũng náo nhiệt, cũng đông đúc hơn những con sông miền Bắc, miền Trung mà chị đã đi qua".

Trong cuộc đi về xuôi ngược khắp xó quê, tôi hay bất chợt ghé lại những ngôi nhà bên đường, viện cố xin ly nước mưa đỡ khát. Và những cuộc gặp gỡ đã xảy ra (như mong muốn), những nhân vật bình dị không tên đã làm nên điều kỳ diệu, để nhớ đằm sâu trong khách phương xa. Một bà cụ đã vào tuổi chín mươi lại liệu như hát, hể giật mình là buột miệng, "Ý đ... má mầy ra ba hồn bảy vía...". Một em nhỏ quên chào người lạ vì bận hì hụi trên đất dùng chai sành lăn cho láng... nền nhà. Một đứa bé mới mười tuổi đầu mà thơm thảo, đãi chúng tôi món cá lóc nướng rơm, khoái chí khi thấy khách (lớn đầu mà khờ) không biết ăn theo kiểu miệt vườn, vầy nè, dễ ợt, chỉ là bẻ miếng cá nóng hổi cặp với lá chum ruột non chấm muối ớt. Một cô gái đen giòn mắt ngược nhìn ti vi mà vẫn thoăn thoắt bó chổi rơm như thể tay cũng có mắt, thẹn thò khi hỏi tới chuyện chồng con, "em xấu ỉnh, ai mà thương". Những anh con trai cục mịch, lằm lì, nói chẳng ra câu cụt câu què mà khi cất giọng ca bỗng trở nên đằm mê, ngọt ngào, lãng tử... Mỗi lần nắm níu từ giã, mỗi lần nghe bà con nhắn vói theo "Đi mạnh giỏi cháu ơi, cho gửi lời thăm hết thầy bà con ngoài đó" chị xao xuyên níu vai tôi, đất này, mỗi người là một kỳ quan.

Chị không thấy đặng trước, tôi hớn hở đến nỗi cười không khép miệng được. Trời ơi, sao lại có người đồng cảm với mình đến vậy. Gọi tên những miền đất đã đi qua, tôi cũng

hay nhớ người ở đó, trước tiên. Những con người sống động trên cái nền phong cảnh đã mờ nhoè.

Chị không biết tôi cảm kích, tự hào biết chừng nào khi tiễn chị về, khi vẫy tay chào, khi chuyển xe chở người - khách - không - bình - thường đi khuất...

Hành trang của chị không có cục đất, bài thơ, hay tấm hình... Chị nói, chị đến với mảnh đất này không phải vì muốn ghi thành tích. Đến để hiểu biết, và yêu.

Quá hay!

Đất Cháy

D

êm trước đi Đất Cháy, phải gọi điện thoại cho người quen hỏi nói với tàu thế nào để ghé đúng nhà bác Hai. Người ấy cười, giọng ngạc nhiên, “Trời, T quên rồi sao?”.

Quên thiệt sao? Tôi cũng tự hỏi mình suốt dọc đường đi. Ừ, cũng phải quên chứ, khung cảnh Đất Cháy thay đổi rồi. Không còn những vườn dứa xanh thắm vút lên cười cợt màu trời. Suốt triền sông không thấy dây tơ hồng bò phủ lên những lùm chùm gọng, suốt triền sông chẳng nghe mùi cà bắp, mùa này không phải là lưỡi mè phèn trở rộ sao? Những ngôi nhà xây mới cũng nhiều như những ngôi nhà đang xập xệ, tàn lụn. Con đập kéo xuống chẳng còn, những cái cống vuông tôm thì giống hệt nhau. Ngó lên bờ, bỗng nghĩ vẫn vợ, hồi tám tuổi, nhìn cỏ cây Đất Cháy xanh rờn là thắc mắc ngay, sao chỗ này tên Đất Cháy, kỳ cục vậy? Nhưng khi con tôi tám tuổi, tôi sẽ chẳng tốn công giải thích rằng chỗ này ngày xưa là rừng, và rừng xưa đã cháy để dành con người đất sống, thứ gì mọc ở đây cũng tốt vì đất đã được bón mùn tro. Không phải giải thích, nó sẽ chẳng hỏi gì, bởi đất này đã thật sự nóng rẫy, khô cằn như đang cháy. Tàu vẫn lừ lừ đi. Vịn ký ức, nhớ một nơi nào có hàng gòn cao cao mọc đầu con kinh dẫn thẳng lên đồng, nơi có ông già Đất Cháy ngồi bên thềm trưa ngó nắng, khốn khổ, cũng chẳng thấy cây gòn nào. Nhớ biết vịn vào đâu?

Tôi tự tha thứ mình cho cái nỗi quên. Để khi đứng trước mặt một người Đất Cháy già nua, tôi bỗng nhận ra, mình quên nhiều hơn một con đường về, một cái bến...

Tôi không còn nhớ được dóc váng, khuôn mặt thời trung niên của ông, thời mà dăm ba tháng ông xuống xuống chèo đặng đặng từ khuya xa đến trưa hôm sau, vượt chặng đường gần năm mươi cây số qua Đầm Bà Tường, Rau Dừa, Cái Rắn chở đến nhà tôi mười giỏ lúa, mấy buồng dừa nước, một thúng nếp than hay mấy con vịt xiêm đen trũi, mớ cá đìa rọng trong thùng. Tôi không nhớ ông có lấy tay gạt mồ hôi không khi hào hển bước lên nhà, và mắt ông vui như thế nào khi chị em tôi chạy ùa ra, "A, Bác Hai lên! Ba ơi, bác Hai Đất Cháy! Bác Hai má ơi!".

Ký ức tôi không còn hình ảnh nào của ông vào hồi đó. Chỉ biết ba má tôi rưng rưng, lóng ngóng hỏi một câu ngỡ ngẩn, "Anh Hai mới lên? Chị Hai với mấy đứa nhỏ cũng khoẻ?". Chỉ nhớ nếp, gạo Đất Cháy rất dẻo, thơm. Cơm nếp cháy rưới chút nước mắm, ít tóp mỡ lên ngon thẩu trời thiên.

Năm cơm cháy ấy là chi tiết của cái nghèo hồi ấy. Chi tiết gồm cả trái ổi đèo nghịch mùa, buồng dừa nước, con cá lóc nướng... mà dăm khi mười họa tôi mới được ăn. Nên hai tiếng Đất Cháy là nổi... xao xuyến không tan. Như thể quê quán mình ở đó, như sinh ra ở đó, cuống rau còn chôn ở đó, như thế ông là ruột thịt của mình.

Sau này, biết ba và ông chỉ là anh em kết nghĩa, chỉ là văn phòng tỉnh uỷ trú đóng ở nhà ông, mỗi khi làm việc xong ba tôi theo ông vác phảng đi phát bờ, cuốc đất trồng rau, giăng câu, đặt trúm... rồi nặng nghĩa tình, cùng nhau đi qua biển cố cuộc đời, cảm giác của tôi vẫn không thay đổi. Vẫn thân thuộc, ruột ràng, ấm áp, vẫn nghĩ về Đất Cháy như một cái nhói lên, như một món nợ nghĩa tình gia đình tôi toàn là nhận. Luôn luôn nhận. Tôi vẫn nghĩ về Đất Cháy như nhà

mình, vẫn thương quay quắt một lần cắt lời từ giã, “Ít bữa nữa đám cưới con rồi, chắc là sau này con ít về đây...”, ông đã rơi nước mắt, như chính con gái ruột của ông sắp long đong nhà chồng (Chuyện này hẳn có người cà khịa, “T lấy chồng anh cũng khóc vậy”).

Nhưng điều đó không làm tôi bớt quên. Hồi ấy thì lương ông có còn không, người ông có gầy gò đến quắt queo như bây giờ không? Hồi ấy thì gương mặt ông có buồn rười như sớm nay không? Tôi ngồi uống trà với ông, tôi tự dặn lòng, đừng có hỏi chuyện xưa nhen. Không nhắc chuyện xưa. Cương quyết không nhắc chuyện xưa. Vậy thì nói chuyện nay.

- Vuông mình lúc này có tôm tép gì không, bác?

- Có ôn gì đâu. Chắc được chừng mấy chục ngàn. Thấy rầu!

- Cá ngoài đầm chắc nhiều hả bác?

- Cũng cạn rồi. Người đông vậy, tôm cá nào mà còn. Tôi, bây xuống lúc này cực ăn... Giọng ông đầy áy náy. Tôi cười, “Xứ mình hồi đó cá nhiều ghê...” và thấy hồi hận khủng khiếp, trời ơi, mình lại nhắc chuyện xưa rồi.

Chuyện gây ngậm ngùi, chuyện đã xa xôi, tuyệt nhiên không thể níu kéo, không thể quay về. Tôi lỡ tay rồi. Cái túi ký ức mở toang, hiện ra cảnh lúa mọc sát bên hè nhà ông, ngó ra cửa sau là một đồng lúa biên biệt đến chân trời. Vài người ngồi bên bờ đất thông thả vẫn thuốc rê bên con mương cá ục bời bời. Mấy con cò trắng dong dãi dòm chừng vạt nắng phai. Tiếng dứa chuột khoét rưng cái đùng. Vịt kêu bầy da diết. Đám trẻ đốt lá dứa khô nướng ốc sên. Khói nghe cay cay. Chớp mắt một cái, chỉ còn vuông tôm chang chang nước, một màu trắng đục đơn điệu. Buột miệng:

- Đất Cháy bây giờ khác trước quá chừng. Năm nào cũng về mà con còn thấy lạ. Mấy ông hồi xưa công tác ở nhà bác về đây chắc phải la trời...

Ông thoáng cười. Cho tôi nhận ra mình lại lỡ lời, lại nhắc một chuyện xưa gây ngậm ngùi, chuyện đã xa xôi. Chuyện rằng, một buổi sáng có người từ căn cứ tỉnh uỷ Phú Mỹ chèo xuồng qua Đầm Bà Tường, đến ngôi nhà chơi vơi ngoài đồng của ông, cười cười đi từ đằng trước ra đằng sau, dạo một vòng ngoài hè, nghiêng ngó khu vườn, cười cười hỏi, "văn phòng tỉnh uỷ tính mượn nhà anh làm việc một thời gian, anh Hai thấy sao?". Ông thấy mình... gật đầu. Những người khách lạ chuyển đến ngay tối ấy. Từ tối ấy, nhường cả gian nhà trên cho khách, gia đình ông bắt đầu những cuộc cho đi. Những bữa cơm canh tươi tất. Những khuya, soi đèn canh nồi cháo vịt xiêm, mà nghĩ món ăn cho đêm mai, không biết lại cháo gà, hay chè đậu trắng khoai môn cho mấy anh em đỡ lòng. Mỗi khi có cuộc dịch chuyển, bịn rịn chào nhau xong, khách đã thấy lặng lẽ dưới xuồng một hũ mắm lóc, ít buồng chuối xiêm, ít nếp mới... Khách đi rồi, trong nhà nghe chẳng hắng, bữa cơm lạt lẽo, ngó nồi cơm nhỏ xíu thấy... vô duyên. Mới biết chưa bao giờ nhà ông coi những kẻ ra đi là khách, mới biết sự cho đi đã thành thói quen. Hôm sau, nhóm công tác khác đến, ông lại hớn hờ chống xuồng đi đặt trúm, đám con hớn hờ rượt bắt gà, lại bắt đầu hành trình thương yêu, bảo bọc... Rồi họ cũng rời đi, nỗi nhớ vói xa, gửi theo những người lũ lượt trở về thành phố, khi cuộc chiến đã tàn...

- Hồi đó, sợ người ta để ý nên bác để cho đường đi từ kinh xáng vô nhà bịt khù. Phải vệt cây cỏ mà đi...

Ánh nhìn ông lấp loáng hướng ra sân. Vắng ngắt. Con đường xưa giờ thẳng thớm, quang quẻ. Nó nằm lười nhác, ngái ngủ, đôi lúc hiếm hoi, gập gập vài bước chân quen, nó thắc mắc, “Ừa, còn nhiều người lắm mà. Những bước chân ngày xưa lui tới hà rầm sao lâu rồi không thấy? À ha, họ quên tuốt rồi”. Ấy là một cô bé nào đó làm tập làm văn theo phép nhân hóa con đường, và con đường của cô nghĩ vậy. Con đường của cô nghĩ vậy vì cô nghĩ vậy, lớp trẻ nghĩ vậy về cha ông chúng, chẳng hiểu vì sao mà cứ tuyệt vọng trông ngóng những sự trở về. Tuyệt vọng nhìn sự lãng quên của người đời. Nhưng người già chối biển, tội tao có chờ đợi, hy vọng gì đâu, thiệt mà. Hồi đó cho đi chớ hề nghĩ là sẽ nhận lại. Chỉ là lâu lâu nhớ anh em, không biết còn mất... Ông già Đất Cháy kể, hôm trước đi đám tang ngoài chợ, gặp một người quen cũ, mừng quá chừng. Người kia hỏi, mấy ông tỉnh có hay về thăm Đất Cháy không, rồi chặc lưỡi, “mấy thẳng này tệ thiệt...”. Tôi hỏi ngay, theo thói hoài nghi mà cuộc đời đã dạy, đã sắm cho, “Vậy chính người đó về thăm bác được mấy lần?”. Ông cười. Trời, người đó quên ác liệt thiệt, cả chuyện mình cũng là thành viên trong cụm từ “mấy ông tỉnh”, cũng chẳng quay lại Đất Cháy lần nào, từ sau giải phóng, mà cũng quên.

Tôi bỗng nhớ tới sự quên đang tàn phá con người mình, cồn cào bởi ý nghĩ, mai nay khi ông thật sự vui vào Đất Cháy, tôi cũng quên gương mặt chan chứa buồn của ông sớm nay? Tôi cũng sẽ quên cái lưng cong oằn, cái bụng teo hóp chỉ bằng hai bài tay nổi lại?

Căn bệnh vô tình có còn chữa lại trong ký ức tôi cái dáng ông lom khom đi thăm lú, mong có ít tôm bạc đãi đứa cháu

ở xa về? Có ăn nát vụng hình ảnh ông rơi nước mắt tiễn tôi.
Cả những món quà thơm thảo suốt thời thơ ấu, có còn không?

Ván Cờ

Anh ngụ cư ở xóm này đã bốn năm. Cũng chừng ấy năm anh hầu cờ cùng ông già. Anh không mê cờ, nhưng mê cô cháu gái ông, ngay lần gặp đầu tiên, anh nhìn thấy cô đang buộc tóc. Tay cô thon dài, muốt túm mở tóc hồng tênh, để lộ cái gáy cũng thon, nà nuột chập chờn dưới những sợi tóc con. Thích đến nao lòng, nhưng chỉ là thương yêu thầm lén, anh lấy cớ qua chơi cờ với ông già, để tranh thủ ngó mong.

Ông già biết tổng bụng dạ của thằng bạn cờ. Ông thấy đôi thủ có những nước đi lãng nhách, hớ hênh mỗi khi vắng từ sau bếp tiếng cười giòn của cô cháu gái. Có lần bị vây đánh quá, ông ấm ức, nên kêu cháu ngoại đem ra bình trà nóng, nhìn con cờ xớ rớ, run rẩy trong tay thằng nhỏ, ông cười thầm, ai biểu dạy gái, cho mây chết nè con. Nhưng ông cũng nổi tiếng là khó tánh, thủ cựu nên ngay lập tức, ông đăng hăng e hèm khi thấy ánh mắt thằng nhỏ cứ soi vào cái gáy trắng trẻo kia. Gặp người khác, ông đã đuổi thằng. Anh may mắn, vì những ngày sống lang thang, làm bạn với ông Từ cao cờ giữ miếu Bà Chúa Xứ, cũng học được ít nhiều. Và cái lối chơi biến hóa, lúc thâm trầm, lúc táo bạo, khi phóng khoáng khi lại nghiêm cẩn, chặt chẽ của anh làm ông già ngây ngất. Một đối thủ giỏi.

Nên ông già vừa giữ vừa buông, như bắt vịt con câu nhấp cá mẹ rỗng rỗng, cắn răng (nói cho văn vẻ vậy chứ ông già còn cái răng nào đâu mà cắn) cho anh nghiêng ngó. Nửa năm, anh đã kịp quen mùi tóc, kịp nhớ bước chân, kịp

thương đuôi mày. Một dịp tình cờ anh nghe phớt qua ông già nói với cô cháu ngoại "cái thằng đó tánh cũng được nhưng gốc gác không có, lại nghèo quá...". Lần trong câu nói là tiếng gậy gõ lọc cọc trên nền bê tông, ông già thường làm vậy mỗi khi tỏ thái độ cương quyết. Anh biết ông già nói tới mình, anh về căn nhà trọ nằm gác tay lên trán, bàn tay phụ hồ chai sạn này sao xứng để cầm bàn tay non nhuốt kia? Nhưng vẫn dè dặt, hy vọng. Cho đến một ngày hay tin cô gái sắp lấy chồng. Trời sập cái rầm, vụn vỡ, nát bét hết những giấc mơ.

Buồn đến đại đi, đến xiêu cả đôi chân, trắng dờ con mắt, nghe câu hát "tình yêu như vết cháy trên da thịt người" mà buột miệng, sao nói trúng dữ vậy trời. Nhưng buổi chiều từ công trường về, anh lại qua nhà ông già, bày ra cuộc cờ mới. Những con cờ trong tay anh táo bạo hơn, liều lĩnh hơn, ngạo mạn hơn, nhưng cũng có lúc đại đi, ngập ngừng. Ông già có chút ngẩn ngơ, những nước cờ cho thấy lòng thẳng nhỏ này đang đau, đáng lẽ nó phải giận mình, không thèm dòm mặt mình cỡ nửa năm chớ.

Những ván cờ chiều vẫn tiếp tục bày ra, bất chấp nắng mưa, bất chấp những nỗi lo cơm áo, bất chấp lòng đau, bất chấp cô gái đã theo chồng từ tháng Giêng gió bắc. Ông già lủi thủi đi vào đi ra trong căn nhà vắng, buồn hiu, trông cho mau hết ngày, cho mau đến chiều, ông bắc ấm nước, châm bình trà, ngồi ngó ra đường, xao xuyến ngóng bóng người quen bước qua cổng. Đấu thủ giỏi ông già không thiếu, nhưng chẳng ai có lối chơi giống anh, ngẫu hứng và hoang dã như ngọn gió. Có bữa, anh từ công trường về muộn, ông già thắt thẻo ra đón tận đầu đường, nhác thấy anh, ông thiết tha kêu lên, tao ghiền mày quá trời, nhỏ.

Anh chỉ cần có vậy, chỉ chờ có vậy. Anh đã thắng một ván cờ lớn. Anh đã làm cho ông già không thể sống thiếu anh. Có được chiến thắng này, anh không bỏ sót một chiều nào, để ngồi chơi cờ với ông. Anh đưa ông già vào một thói quen bất di bất dịch. Nhiều khi từ công trường về, mệt rã rời, có bữa nhậu nhẹt say mềm, anh vẫn ráng ngồi chơi vài ván. Nhưng khó nhất, là anh phải che giấu mỗi hận trong lòng mình, bởi những người chơi cờ giỏi luôn đọc được ý nghĩ của đối thủ. Anh không biết mình lấp liếm bằng cách nào mà ông già không hay biết, thắng nhỏ này đang căm hận, bởi câu nói nghe lóm được một hôm nào, thằng nhỏ này nghĩ, cô gái đó hẳn cũng thương mình, có tình ý với mình, nếu không thì cô đâu có rón rén thò đầu ra khỏi cửa buồng cười với anh, nếu không thì cô đâu có kiểm soát quét sân mỗi chiều để tiện cho anh nhìn, nếu không thì cô đâu có đỏ mặt khi vô tình anh chạm vào tay... Chỉ tại ông già cản ngăn, ép uổng.

Và anh cũng không biết tại sao mình lại kiên trì cho một kế hoạch trả thù đến vậy. Có lẽ, cuộc tình tan vỡ đã để lại trong lòng anh một khoảng hẫng, khoảng trống không, và mỗi hận với ông già là điều duy nhất anh có thể níu lấy, tựa vào mà sống tiếp. Những lúc nghĩ tới cái ngày anh từ tốn buông từng con cờ lăn long lóc trên đất, và rất chậm rãi, ngạo mạn, anh lạnh lùng mỉa mai, "tôi không thể chơi cờ cùng ông được, bởi vì tôi nghèo, tôi không gốc gác, tôi thân sơ thất sở, tôi thấy không xứng...", anh tưởng tượng mặt ông đã tái đại đi. Và mỗi chiều phai, ngồi nhìn về phía dãy nhà người ta cất cho thuê, ông già mỗi mòn, hoang vắng, tuyệt vọng. Còn anh, không cần ăn gì cũng thấy sướng, thấy no nê.

Anh định kết thúc ván cờ vào một ngày gần, nhưng ông già đã bỏ cuộc. Ông ra đi vì một cơn đột quỵ. Anh ngơ ngác. Những buổi chiều từ công trường về, anh để nguyên bộ đồ lấm lem bùn đất, xi măng, đứng dán rất lâu vào cánh cổng đã đóng chặt. Anh nhớ ông già khùng khiếm, nhớ từng sợi tóc, từng nếp nhăn, từng mảnh da khô bong lên lúi xùi trên mặt. Nhớ ông già luôn kẹp con cờ vào giữa ngón trỏ và ngón giữa, dịu dàng, hờ hững, nhớ ông dù cao hứng cỡ nào thì con cờ cũng được đặt rất khẽ khàng, nhớ ánh mắt ngậm ngùi nhìn theo con tốt bị ngựa của anh loại ra khỏi cuộc chơi, nhớ cái vẻ sượng rơn mà cố che giấu, kìm nén, nên chỉ hơi ve vẩy hàm râu mỗi khi ông lật ngược được thế cờ. Anh nhớ mùi dầu cù là Con Hồ trộn lẫn mùi băng phiến nơi cổ áo quần queo.

Anh không còn nhớ câu nói nào xa xưa nữa. Một mình bày ra một ván cờ hoang vắng, trong anh tràn ngập nỗi buồn.

Đường Chân Trời Thì Xa



ôi gọi chị là Thu Cúc, một nhân vật trong phim “Thu Cúc đi kiện” nổi tiếng của đạo diễn Trương Nghệ Mưu. Chị quạt nón cười hỏi Thu Cúc là ai, trong phim hả, trời ơi, phim thì chị đâu có rảnh mà coi nó tròn méo ra làm sao.

Chị ghé quán nước anh tôi, mỗi đầu tuần, với cái giỏ nặng trĩu trong tay. Trong giỏ có chừng nửa ký chanh giấy, vài trái dứa khô, dăm ba nải chuối già cui. Chanh thì để lại cho chúng tôi, còn chuối, còn dứa, chị phải đảo một vòng qua chợ. Mặc rẻ gì cũng bán, cho kịp giờ làm việc buổi sáng, bởi chị còn phải ghé vài cơ quan công quyền để thắt thỏm đưa thêm mấy lá đơn, hỏi thăm lượt đơn thưa trước đã có ai đọc, có ai giải quyết chưa?

Chị không biết cô Thu Cúc nào đó bên Tàu, na cái bụng bầu ọc ạch đi đòi công lý cho chồng, bởi phim ảnh trở nên xa xỉ khi chị cùng chồng con phải quần quật kiếm sống bằng đủ mọi nghề, hái rau, kiếm củi, đào đất mướn... Cuộc sống trở nên nhọc nhằn hơn từ dạo hàng xóm tráy khoáy dẫn nước mặn vào nuôi tôm đúng lúc lúa trên năm công đất nhà chị đã no đòng đòng. Ruộng nhà chị nhiễm mặn, lúa quéo ngọn, chết queo. Tiếc của, tức mình, chị đi... kiện, sau khi đã giáp mặt ông láng giềng, sau khi biết không còn tình nghĩa gì để níu kéo khi người ta trơ tráo bảo, “Tui dẫn nước vô ruộng tui, mắc mớ gì ruộng chị. Thích, thì kiện”.

Chị nhờ con viết đơn trên giấy học trò, tự mình đem ra tỉnh. Chồng chị đã nhận chở đất lên liếp cho mấy nhà trong xóm, đấy là việc của anh, kiếm tiền. Chị đi, bằng tất cả sự ngây

thơ và nồng nhiệt, chỉ biết là quyết đòi lại số lúa đáng lẽ bây giờ đã nằm trong bồ nhà chị. Lúa, với chị là tất cả, là học phí cho con, là cái giường mới thay cho bộ vạc đã ọp ẹp, là tấm áo cho chồng, là mớ tôn để lợp lại mái hiên.

Chị vốn không biết con đường đi đến công lý rất dài, mệt mỏi. Nó không phụ thuộc hoàn toàn vào phần phải, ý chí, hay quyết tâm của chị. Nhiều khi con đường bị ngắc ngứ bởi ông A, chị B nào đó bận đi... du lịch dài ngày. Nhiều khi phải trở lại từ đầu bởi cô văn thư ngớ ngẩn "Chị về làm lại cái đơn khác, không biết đơn trước tôi để ở đâu rồi...". Nhiều khi muốn khóc bởi câu nói vô tình của anh cán bộ, "Vì vài chục gia lúa cũng đi thưa, mắc công chị, mà cũng mắc công tui tui, phải xử lý chuyện không đáng gì..."

Nhưng với chị thì đáng, chị quệt nước mắt, nói chắc như đinh đóng cột, "chừng nào chưa giải quyết cho thỏa, tui theo tới cùng". Để có sở phí đi lại, chị hái chanh, bẻ tràu, chặt mót những thứ bán được trong vườn đem ra chợ. Trao mớ chanh cho chúng tôi để lấy chút tiền, chị xin ly nước lạnh. Lúc đói lòng thì ăn xôi, không gấp cũng không cần đi xe ôm, 'lội bộ tà tà cũng tới'. Thấy chúng tôi ái ngại, chị cười, "lúc đầu còn nghĩ đòi mấy chục gia lúa cho bỏ tức, bây giờ không nghĩ tới lúa nữa, mà chỉ mong mấy ông nhà nước làm sáng tỏ, rạch ròi phải trái, đúng sai". Tôi buồn, chị thậm chí không biết (hay không dám) dùng từ "công lý", mặc dù những điều chị nói đích thị là công lý. Vì thấy nó cao xa? Vì thấy nó là thứ khó với tới?

Tôi buồn, bởi những Thu Cúc giữa đời, nhiều quá. Đến cơ quan tiếp dân, đến tòa án, đến uỷ ban... hay gặp các chị, các thím đứng ngồi. Anh bạn làm thẩm phán cho tòa dân sự

tình phân tích vui, sở dĩ tỉ lệ phụ nữ đi kiện nhiều hơn nam giới là vì họ giỏi chịu đựng, kiên trì, mềm dẻo và dễ khóc, dễ làm lung lạc người khác. Lại thấy buồn, vậy thì cái vũ khí sau cùng xem như không có tác dụng, bởi công chức nhà nước là những người không dễ mũi lòng.

Nên có người đã đến được đường chân trời, có người vẫn rì rọ xa xa. Sức sống không vì thế mà kiệt, người không vì thế mà bỏ cuộc. Có chị dặn tòa, có xử thì cho hay trước chừng nửa tháng, tui rọc lá chuối bán mới có tiền đi. Có thím xin hoãn phiên xử lại, chờ đến mưa, "lúc đó rau rác nhiều...". Rất nhiều đường để đến điểm hẹn của công lý, nhưng có con đường nào nhọc nhằn bằng đi tát những vũng cá cạn trên đồng không? Anh bạn thẩm phán hỏi tôi, rồi trầm ngâm, "lên tòa ngày ngày, nhờ những Thu Cúc "made in đậm đặc Viet Nam" này, mà tâm hồn tôi bớt chai sạn, để còn cảm giác rưng rức, chua xót, thanh thản, nhẹ nhõm, vui vui".

Tôi không biết nữa, nếu cần tìm những cảm xúc cho mình, tôi thích nhìn những chị, những thím ngồi soi kiếng, chải tóc, hay gội đầu ngoài sàn nước, thích những người phụ nữ ngồi khâu vải vụn làm mền dưới thềm trưa.

Tôi thích nhìn các chị nằm trên võng, đưa con, hát vọng cổ thật hiền. nhưng cuộc đời lắm khi buộc các chị phải cặp nách xấp đờn từ ra đường, đi lêu lêu trong nắng, mỗi mê trong uất ức, trong chờ đợi, hy vọng...

Cũng đành...

Giữa Bầy Đàn



uán chị cheo leo trên sườn núi, cạnh lối đi lên động Tiên Sơn. Nhưng nhà chị xa ngoài bến thuyền, nơi du khách bắt đầu cuộc hành trình vào Phong Nha. Từ mờ sáng chị quá giang thuyền lên núi, tàn chiều quay về nhà. Hôm nào đông du khách, chị kiếm được chừng ba mươi ngàn, nhưng có ngày vắng người, khách ngại leo núi, chị về tay không.

Chị đẹp, và khuôn mặt phúc hậu hiền từ đến mức người trong đoàn tôi phải thốt lên, “thấy thương đến nỗi không nỡ chọc ghẹo”. Chị hay cười, lúc cười còn hiền hơn. Tôi than đói, chị chia một cái bánh mì nhỏ teo và giở nắp nồi mời tôi, trời ơi, mớ khoai luộc còn nghi ngút khói, củ khoai cũng nhỏ, ngọt lừ, chị nói khoai này không bán, ăn với chị cho vui, có vẻ như chị đã san sốt cho đám người mệt nhừ, đói khát chúng tôi ít thức ăn của buổi trưa rồi. Không biết cảm động vì điều đó, hay vì cái cười thuần khiết, vì giọng nói dịu dàng, vì sự thẹn thùng, sượng trân mỗi khi gã táo tợn nào gọi, “bán thêm chai nước, mình ơi”... mà tôi bỗng nghĩ, trời ơi, mình đã gặp được người đẹp nhất Quảng Bình. Lúc ra về, một anh bảo, hẹn mai một gặp. Chị cười, “biết còn quay lại nữa không mà hẹn?!!”. Nghe ngậm ngùi, nghe buồn buồn, như chúng tôi vừa lỡ lời.

Sau mỗi bậc thang, quán chị khuất dần. Tôi bỗng nghĩ về những con người cô đơn tôi đã gặp suốt dọc đường. Như chị, lũ lượt một ngày bao nhiêu là du khách lên ngọn núi này, ai là kẻ tri âm? Dừng chân một chút, uống ly nước, ăn

quả trứng, mua món hàng lưu niệm, ai chia sẻ với chị những vui buồn? Ai lo lắng cho chị nếu bất ngờ chị lên cơn sốt vì sương lam chướng khí? Lũ lượt ngang qua chị biết bao người phải chẳng là bao nhiêu sự trợ trợ, cô đơn?

Như người thu phí cầu Mỹ Thuận, chị nhân viên tiếp tân khách sạn, anh bảo vệ trong lăng Tự Đức... tôi luôn đọc được sự lạc lõng đơn độc của họ với cuộc đời. Chúng tôi càng đông đúc, càng vui vẻ, càng phô trương và thoả mãn với những gì mình có càng đẩy họ ra xa mình. Đứng giữa dòng người, nhưng họ bị chìm khuất và quên lãng đi, vì chúng tôi tiếp xúc với họ chỉ bằng tấm lưng chứ không bằng khuôn mặt. Chúng tôi đi qua đi lại, cười cười nói nói, chọn những cảnh đẹp nhất để chụp tấm hình đem về khoe khoang, và chúng tôi đã bỏ họ lại phía sau, vì những bộ quần áo sang trọng lướt là, những món hàng lưu niệm xa xỉ. Vì sau đó, chúng tôi sẽ về nhà, sẽ quên lãng họ.

Họ thì vẫn ở đó, vật lộn với cuộc mưu sinh. Có lần, tôi tấm tắc khen với một người Quảng Bình, Phong Nha đẹp quá, đẹp nhất nước đó, chị à. Chị chèo thuyền cười, tui cũng không biết nữa, hồi nào giờ tui chỉ biết bến thuyền, với một khúc sông Son, có đi khỏi đây đâu mà biết chỗ nào đẹp hơn chỗ nào". Tôi định khen lấy lòng, để xem người phụ nữ nghèo khó này hạnh phúc tự hào như thế nào, không ngờ... Mất ba mươi năm tôi mới tới Phong Nha, cứ nghĩ quá dài, cứ xấu hổ với bạn bè về sự ngỡ ngàng, quê mùa của mình, còn chị gần năm mươi rồi, thị xã Đồng Hới vẫn là một nơi xa xôi, lạ lẫm.

Và người phụ nữ này vẫn vài ba ngày lại đưa rước khách vào thế giới hang động nổi tiếng thế giới, ghi tên mình vào

bộ tộc những người cô độc, cười nói với người đời mà thui thủi ở một bến bờ xa xôi, nơi có bảy đứa trẻ trong ngôi nhà nhỏ bên sông Sơn đang hau háu đợi thuyền mẹ về. Không phải ai cũng biết điều đó, người ta nhiều khi tưởng chỉ một mình lủi thủi nơi thâm sơn cùng cốc, xa làng xa chợ mới gọi là cô đơn.

Nhưng sống giữa bầy đàn đông đúc mà không ai hiểu được mình, không ai chia sẻ với mình, không ai triu mến với mình, đâu thử lên núi cao xem có đỡ đau hơn không?

Hạt Gửi Mùa Sau

Ông già như lật tung cái nhà lên. Ông chui xuống gầm giường, ông thò đầu vào lục lọi trong tủ chén. Đầu vương đầy mạng nhện, ông cắn nhả cử nhử, rõ ràng, mình cất ở đây, sao bây giờ nó mất biệt rồi, kỳ quá, kỳ quá. Tụi nhỏ cũng chạy lại, nghiêng chỗ này, ngó chỗ kia, cũng nói lạ quá trời, tự nhiên mất vậy cà. Nói, mà sợ tím ruột bầm gan, vì cái vật mà ông già muốn tìm tụi nhỏ đã cương quyết giấu biệt rồi.

Ai mà biết ông già coi trọng mớ bông vụn thọ, mồng gà khô đó dữ vậy, tụi nhỏ chống chế. Nhưng rõ ràng, tụi nhỏ biết. Sống chung một nhà, làm gì mà không rõ mỗi lần chim én bay hấp háy, đậu trên đám chà dưới mé sông, ông già lại đi lật lịch thăm chừng. Một tháng trước tết, ông vác cuốc ra sân, tụi nhỏ dù muốn dù không cũng phải vác cuốc đi theo, xới như mảnh sân trước nhà, lụi hụi tưới nước cho mềm xốp lại. Ông già đi lục lọi mớ bông để giống từ tết năm ngoái, rải hạt. Kế Tết, lúc ông già đứng tựa lại hàng bông búp, bông lỏng đèn thì bông vụn thọ, mồng gà, sao nhái đã nở rục cả vạt sân. Bông móng tay thấy thân phận nhợt nhạt của mình, nép thành một hàng dài dọc đường đi. Nghi tay, ông đứng chống nạnh, khoan khoái đứng ngắm bông, hết đứng gần rồi lại lùi ra, cười khà khà khà, khoái trá.

Với ông, Tết mà không trồng bông thì mất vui đi. Dù cực, dù ngày mấy lượt khệ nệ xách thùng đi tưới. Có cho đi, thì mới nhận lại, thử hỏi, ba ngày Tết, ngồi khề khà mấy ly trà, ngó ra cái sân vàng rục mênh mông, bông chật ních con mắt, có sướng không? Sướng! Vì vậy mà khi trời bắt đầu trở

chương, ông già thì trở... chúng, không chịu ở trong nhà. Suốt ngày tha thân ngoài sân, sửa sang, uốn lại mấy bụi chùm rùm, tia hai cây sộp, chăm sóc đám bông... Ông gọi là bông thì tụi nhỏ không được gọi hoa, ông nói hoa là hoa hông hoa huệ gì đó, còn mồng gà, vạn thọ hay sao nhái thì phải kêu bằng bông, cũng như nùm mối mà cứ học đòi năm mối, cái thứ dân dã, mọc vườn hoang phải kêu sao cho dân dã, dễ nghe (ông mà đọc được bài này, hẳn ông giãy nảy lên, cái gì mà gửi, gì mà hạt, sao không nói "gởi hột...").

Đám trẻ tịt ngòi. Tụi nó thấy đám bông đúng là mang rắc rối tới cho tụi nó. Mấy bữa ông đi đám giỗ xa, về nhà, thấy bông héo, ông rầy tụi nó cả buổi. Mà, tụi nhỏ thấy bông cũng có ích lợi gì lắm đâu, ừ, có bông thì nhà sẽ đẹp mấy ngày Tết, nhưng mắc công. Sau tết, bông tàn, lại phải chọn những bông lớn nhất, đẹp nhất, già nhất đem phơi khô, lại phải nhổ bỏ đám cây rụi lá, dọn dẹp cho sạch, chuẩn bị sân phơi lúa. Tụi nhỏ nghĩ, đẹp, mà không ăn được, thì cũng phí.

Một phần, tụi nhỏ thương ông già, cứ lụy hụi cho cực thân. Ba năm rồi, đất nhiễm mặn, tan hoang, trồng bông cũng không nước tưới. Ngày xưa còn bờ dừa còn liếp chuối, bông trên sân phối hợp với cảnh chung quanh, giờ cây cỏ điều hiu, cái màu vàng rực lên của sao nhái, vạn thọ càng làm khó chịu, chói gắt con mắt. Một bữa dọn dẹp ổ mối trong tủ, tụi nhỏ lén đem cái gói bông khô giấu trên giàn củi. Và ông già tìm kiếm trong tuyệt vọng.

Không thể tưởng tượng được, tết này lại không có bông, ông già râu rĩ, nắm gác tay lên trán. Ngày dài, năm chán, ông già ra đứng trước, nhìn cái sân chang chang nắng, thờ

dài ứ hự, mắt hoang vắng, thất thần. Tụi nhỏ đã dự tính trước, ông già sẽ buồn, nhưng nghĩ nỗi buồn qua mau, mai một ông quên tuốt. Nhưng ngó bộ dạng ông vẫn long đong tìm kiếm, tụi nó hoảng hồn, Tết sau, sau nữa, ông cũng sẽ nhớ hoài mùa bông cũ. Tụi nhỏ nhận ra, ông già trông bông không hẳn vì chúng đẹp (bởi thật ra chúng đâu có đẹp, thậm chí, bông vụn thọt hôi rình), trông để thấy tuổi xế bóng còn làm được việc thần kỳ, còn có thể vun đắp sự sống từ bàn tay cứng quèo, gân guốc, trông bông để nhớ cái thời sạ lúa trên đồng, và bông như một món quà Tết duy nhất ông có thể làm cho con cháu.

Bữa sau, ông tìm được gói bông khô trên cái gióng cá khô treo đầu bếp. Ông mừng quýnh, nói kỳ quá, kỳ quá, tao kiếm ở đây nát hết mà không thấy, vậy mà bây giờ tự nhiên nằm chình ình, y như ma giấu. Tụi nhỏ ngó nhau cười cười, mếu mếu.

Lại phải phụ ông già cuốc đất, lại gieo, lại đeo cây nước bơm từng thùng đem tưới. Bông lại nở rục trước sân nhà. Và tết tàn, ông già lại nâng niu đi hái từng bông hoa héo khô, rũ cánh, giữ hạt cho mùa sau. Nghe như một người tàn và bông hoa tàn đang hát thầm bài ca cuộc sống.

Tụi nhỏ ngậm ngùi, ông già dường như làm điều gì lớn lao hơn là giữ hạt. Giữ cho tụi nhỏ không xuề xòa, lười biếng (bệnh này đang lan nhanh dữ dội từ hồi chuyển sang làm ruộng nuôi tôm). Giữ một nếp nhà, giữ phong tục cũ...

Giữ cho cái sân bông rục rở, lung linh trong ký ức của những đứa trẻ xa nhà...

Mẹ

C

on nhỏ mười lăm tuổi, nổi bật trong xóm hẻm bởi gương mặt dễ thương, hoàn cảnh éo le, cha chết, mẹ đi lấy chồng khác, con nhỏ sống cùng ngoại già. Mà không, chính xác thì một nửa ở với ngoại, một nửa ở ngoài đường. Con nhỏ đi chơi vô phương.

Có dạo thấy mình hơi mập, mặc đồ mất đẹp, con nhỏ đi mua vòng về lắc. Con nhỏ càng lắc eo càng to. Chạy bộ cũng không ăn thua. Người nhà nghi ngờ dẫn con nhỏ đi bác sỹ, vô phòng khám nó hỏi, chú ơi, có thuốc gì cho con ốm bớt hôn, mập quá, tội bạn con nói con giống... heo.

Chẳng có phương thuốc nào cho vòng eo vượt trội nữa, con nhỏ có bầu. Xóm hẻm dậy động, bàn tán xem tác giả là thằng nào mà ác như. Nhưng bó tay, bởi con nhỏ còn không biết. Mỗi chiều nhìn con nhỏ ểnh cái bụng đứng tựa bức tường đầu hẻm vô tư ăn cánh vịt chiên, dầu bết ra tèm lem trên khoé miệng, lòng tôi bỗng quặn đau, trời ơi, trẻ con như vậy mà phải làm mẹ rồi. Ai nữ lòng...

Người lớn không nữ lòng, tất nhiên, nên họ toan tính kỹ, chờ con nhỏ sinh xong là đem đứa bé cho người ta ngay. Gia thế nhà đó cũng khá, người coi bộ hiền. Cho, còn có thêm chút tiền. Con nhỏ gật đầu chịu liền, cho thì cho. Nó hết hồn khi nghe người lớn dọa, trẻ con sẽ trói tay trói chân mẹ ghê lắm, không mong gì còn được đi chơi. Gì chứ, không thể đi chơi thì chết còn sướng hơn. Bữa con nhỏ sinh, buổi sáng nó còn đi ngồi Karaoke với bạn, nửa chừng, nó xin dầu gió thoa bụng, cắn nhẫn không biết hồi sáng này ăn cái gì

mà bụng đau quá chừng. Vậy cũng xong. Mấy bà già trong bệnh viện nói nó đẻ như gà, dễ ợt. Người xanh lợt, đau đớn, nhưng con nhỏ vẫn cười lỏn lển khi thấy tôi vào thăm, “chế coi, cái chân nó nhỏ xíu mà hồi còn nằm trong bụng nó đạp mạnh dã man”. Nâng thẳng bé trên tay, tôi buộc miệng, “Chèn ơi, em bé thấy cứng quá hén, đẹp thiệt, đẹp quá chừng”. Người lớn đứng gần đó đá vào chân tôi. Người lớn sợ tôi khen rồi mẹ trẻ con nắm níu con, dù sự thực ràng ràng trước mắt, thẳng bé đẹp như trong... lịch Tết. Ai đi qua đi lại cũng trầm trồ. Nhưng rủi thiệt, sau câu nói vô tình của tôi, con nhỏ bỗng năn nỉ, để cho em bé ở với con thêm một ngày nữa hén, rồi hãy kêu người ta lại bông đi.

Sau này, người lớn tiếc nuôi, nói vì một phút yếu lòng mà họ bị dụ. Để đưa bé lại, suốt đêm đó mẹ trẻ con không ngủ, cứ nắn tay, rờ chân, lật lưng ra sẫm soi từng bớt đen bớt đỏ của con. Đứa bé cũng chẳng ngủ yên vì mẹ cứ hôn hít khắp mình, hôn cả lên đuôi mày, cuối mắt, hôn từng lọn tóc mỏng, từng ngón tay non. Lặng lẽ. Sáng sau, người xin đứa bé hí hửng tới sớm mang theo chút tiền hậu tạ, con nhỏ quăng tiền ra cửa, vừa giãy khóc vừa chửi bới dậy động cả khoa Sản. Nó chồm lên choàng qua đứa bé, nước mũi chảy kéo dây kéo nợ lòng thòng. Người trong căn phòng cũng quay mặt đi, quệt nước mắt. Chẳng ai còn có thể mang đứa bé ra khỏi vòng tay mẹ-mười-sáu-tuổi.

Cả xóm hẻm nín thở coi con nhỏ nuôi con. Ngộ, thằng nhỏ chắc nụi, cùi cùi, dù mẹ nó hay bỏ đi chơi. Mỗi chiều ngó qua đầu hẻm, tôi vẫn thấy con nhỏ ngón ngoẻn ăn vẹt chiên nhưng tay kia đã cầm sẵn trái cóc muối, tôi lại quặn lòng, lại thắt thẻo gọi trời. Có lần gặp nhau trong quán nhậu, cổ làm ra vẻ băng quơ, tôi hỏi, “bỏ con cho ai mà lang thang ở

đây?”, con nhỏ cười toe, “Má tui giữ, tui đi tiếp thị bia để kiểm tiền mua sữa cho con tui uống. Nhưng mai tui chuyển qua làm ở tiệm mat xa rồi. Khách cho nhiều tiền lắm”. Hồn nhiên không chịu nổi. Tôi cười, lại tỏ ra bâng quơ, “làm mấy nghề đó người ta cười...”. Con nhỏ thản nhiên nhìn tôi, nhưng có tiếng khách gọi ở bàn bên kia, con nhỏ chạy đi, vòng ngực nháy dựng, lúc quay trở lại, nó nói, “chuyện gì miễn là có tiền, tui làm tuốt, tui làm nuôi con mừ. Người ta cười đã đời rồi người ta cũng nín”.

Sau câu nói đó, gặp mẹ - mười - bảy vừa đi đường vừa ăn kem, không hiểu sao tôi chẳng kêu trời nữa, chẳng còn thất thểu lo lắng cho đứa bé con. Bỗng trong xóm hẻm đồn ầm ra, con nhỏ đang yêu, đang sống chung với một thằng nhỏ hút tót. Hai đứa hay giành ăn với nhau nên hục hặc suốt, nửa đêm nghe chửi bới lộn gan lộn ruột, sáng sau thấy chửi nhau trên xe đạp, con nhỏ này ôm eo ếch thằng nhỏ tình tứ, sát vo, cười ỏn ẻn.

Xóm hẻm lại nín thở nhìn con nhỏ yêu. Xóm hẻm chật quá, đông đúc quá, nên phận người cứ bày ra, không quan tâm cũng không được. Thấy thằng bé con mới ba tuổi nói chưa rành mà đi ăn sáng một mình, hỏi ai không đau đầu. Một bữa gặp nhau ở gánh xôi đậu, hỏi bâng quơ, chừng nào lấy chồng đây, con nhỏ ngược lên, giọng lạnh lùng, “Xù rồi. Tui cho de rồi. Thằng mất dạy đó đánh con tui...”. Tôi lặng đi trong một thoáng, có sợi dây thần kinh nào đó bị tê đi, tôi quên luôn việc con nhỏ còn thích nháy dây, ăn quà vặt, nói lớn, chạy tí tởn trước đám đông. Tôi quên nó mới tròn mười tám tuổi.

Con nhỏ trong mắt tôi bỗng lớn vút lên. Cao tới mức để nhìn thấy cái trán dô bướng bình lăm tằm mịn của nó tôi phải ngẩng đầu.

Người Mọi Chân Chưa...

M

gười thím dâu đứng chờ trước nhà anh lúc trời mờ sáng, đem theo một xấp hồ sơ, nhờ đứa cháu làm giùm thủ tục chuyển hộ khẩu cho cô con dâu, "bây "dính chân" nhà nước, cũng dễ...". Anh buồn cười, anh đã sống hơn nửa đời công chức, đôi lúc thấy nó lóe lên một tí ý nghĩa vì những họ hàng như người thím này đây. Anh rót ly nước mời bà, bảo, "để con lo", mặt mũi không giấu được chút tự hào.

Thừa những mối quan hệ chẳng chặt để gởi gắm cho bộ hồ sơ đi con đường suôn sẻ, nhưng anh lại chọn con đường mà không có anh, thím anh cũng phải đi, vì một ý nghĩ bất chợt, bỗng dưng, anh muốn làm dân trơn tuột, dân đen, dân nghèo thử một lần.

Anh bắt đầu từ xã A, người quản lý hộ tịch ở đó xem qua, bảo anh trở lại UBND xã B, chỗ người em dâu sống hồi chưa lấy chồng. Anh chạy xe tới B, cách thành phố anh sống gần năm mươi cây số. Tới nơi đã xế trưa, mặt mũi tèm nhèm vì bụi đường, anh bước vào một phòng làm việc vắng hoe, chỉ duy nhất cô gái đang loay hoay tính toán, cô nói người phụ trách hộ tịch hộ khẩu vẫn chưa tới, anh đi đám giỗ hồi trưa tới giờ, chú ngồi chờ chút. Anh chờ ngót một giờ đồng hồ, bỗng dưng mong ngóng một người xa lạ, giờ này người đó không biết đã rời bàn tiệc chưa, không biết còn tỉnh táo hay xỉn cà xình cà xang, dọc đường từ chỗ đám giỗ đến đây không biết bao xa, không biết có bắt tắc gì không? Cô nhân viên chắc cũng ngại, bèn nhấn điện thoại lên gọi,

chẳng rõ người bên kia nói gì, cô bảo, thôi, chú gọi lại cho cháu, dù gì mấy vụ hồ sơ này cũng phải coi kỹ, mai nghỉ lễ, mốt chú quay lại.

Đúng hẹn anh quay lại, vẫn bấy nhiêu cây số, trong lúc giữ bụi bám từng vệt trên tóc, gấu quần, thấy người của xã đang "tưng bừng" khoá các cửa, ai đó thấy vẻ ngơ ngác của anh, nói to, bữa nay còn nghỉ lễ, không làm việc, chú ơi. "Ừa, anh buột miệng, vậy bữa trước người ta hẹn tôi tới làm chi?" Trả lời anh chỉ có những cái cười trừ. Hụp hửi mấy lần, rút kính nghiệm, anh chờ năm ngày sau quay lại cho chắc ăn, gặp được người cần gặp, anh này trao xấp hồ sơ cho anh kèm theo lời dặn, cô em anh đi lâu quá, tui tui cắt hộ khẩu rồi, giờ anh quay lại A, kêu họ làm mấy mẫu tui ghi trong này. Anh ta chìa ra mẫu giấy xé tay tả tơi nhỏ xíu như tấm vé số chữ kín chi chít. Anh bước ra sân, thấy mình đang dẫm lên dấu chân của mình. Bỗng đứng ngán ngược chặng đường năm mươi cây số.

Anh thấy bần thần, chỉ vì ít khi anh cảm thấy mình chông chênh như một người đi mà không biết cái gì chờ mình ở phía trước, không biết điểm đến là ở đâu. Để kết thúc cái cảm giác khó chịu đó, anh gọi điện cho người quen, "tui có vụ này, nhờ ông...". Xoa tay, vậy là xong, thế nhưng anh vẫn không nhẹ lòng.

Vì con đường mà anh vừa thử đi, con đường ngày ngày phần đông dân số đất nước này phải đi sao mà gập ghềnh, trúc trắc đến vậy, sao mà phải lộn ngược lộn xuôi, vòng vèo xa ngái vậy. Không một ngã nào đơn giản, dễ dàng cho dân mà tệ như một viên chức quèn như anh cũng có thể. Giữa quyền lực hay không quyền lực, "dính chân nhà nước" hay

“không dính chân nhà nước” có một sự khác biệt mà anh chưa biết hết.

Ví dụ anh là một quan chức cấp cao, anh đi thăm Z nào đó. Sớm mai, lúc anh đang dùng bữa sáng thì cấp dưới sai xe phun nước cho đường sá sạch bong, không tí bụi. Anh lên xe, phía trước đội cảnh sát bắt đầu hạ còi dẹp đường, anh chắc lười “bà con mình được con đường như vậy, đỡ khổ rồi, đây nè, từ X đến Z chỉ nửa giờ đồng hồ...” Nhưng nếu anh là dân, anh đi rất chậm vì bụi mịn mù, ràn rụa nước mắt, vì xe cộ đông đúc, chen chúc, vì kẹt phà kẹt bắc, vì những bất trắc không lường được. Cũng quãng đường từ X đến Z, nhưng thân phận người khác nhau nên độ xa gần lâu mau cũng khác.

Ví dụ anh là dân nghèo trở nghèo trụ, không thân thể, anh và đứa con nhỏ chỉ có thể đứng ngoài rào một ngôi trường điểm khang trang nào đó mà ngó vào, ước ao. Ví dụ anh không phải là công chức lâu năm, bây giờ nhà anh vẫn còn nằm tuốt trong một con hẻm lầy lội, tối mò mà còn cúp điện liên miên chứ không ở trên con đường rộng, luôn sáng đèn. Và xin cho đứa em một việc làm, giấy phép xây dựng, làm giấy hồng giấy đỏ... cũng có thể lấy làm ví dụ. Đó là những ví dụ mà anh đương nhiên biết, và vô tận ví dụ mà một viên chức nhạt nhẽo như anh không biết. Anh không kể lể thêm nữa bởi thấy mình giống như kẻ một cái bảng so sánh có hai cột: một bên là anh, bên kia là những người dân nghèo; và chúng chạy miết từ hàng trăm trang giấy, không đoạn nào hai cột nhập làm một, chúng cứ song hành, nhìn thấy nhau, tương phản nhau, soi rọi phận nhau.

Và anh tìm thấy một kết luận từ câu chuyện nhà người thím khi anh mang mớ hồ sơ trao lại cho bà. Bà kể, “thằng Út của thím sắp ra trường rồi, có mấy công ty tư nhân ở Sài Gòn rủ rê nó, hứa trả lương cao, thím cản, tiền ít thiệt nhưng làm cho nhà nước có “thế” hơn, như con vậy ...”

Anh gượng cười. Người phụ nữ này xem ra cũng mòn mỏi trên con đường của mình.

Khúc Ba Mười

M

ăm nào cũng vậy, do thức dậy sớm đi chợ sớm, nên má là người đầu tiên mở ngày ba mươi Tết ra. Không biết có phải số má cực, vía má cực không mà hôm đó cả nhà đều phải làm công chuyện tối mắt tối mũi. Đến nỗi, nhắc tới Tết là thấy chữ "Ba Mười" chình ình, choán chật cả ký ức.

Đó là cái ngày duy nhất trong năm cả nhà sum họp mà không sum họp. Ai nấy túi bụi với chuyện của mình. Cánh đàn ông con trai (nói cánh cho ham vậy, chỉ hai người thôi, chứ mấy), cánh này quan trọng, lãnh phần dọn dẹp, lau chùi, làm đẹp nhà. Nào là quét mạng nhện trên trần, lau cửa kính, tủ bàn, kỳ cọ mấy cái lư đồng, đem phơi nắng. Mệt phờ. Lúc dọn dẹp, bày biện bàn thờ thì mùi chiên xào dưới bếp bay lên, trời, lại phải bỏ ngang công việc đang làm dở, chuẩn bị mâm bàn cúng rước ông bà. Xế chiều rồi, chớ giỡn...

Cúng kiếng xong, cánh đàn ông tiếp tục chuyển sang đánh trận... ngoài sân, còn má vẫn hì hụi trong bếp, vừa trông chừng nồi thịt kho, vừa làm thịt nguội, sau lưng má, củ cải với dưa leo đang chờ tới phiên mình trở thành món... dưa chua. Tết của má dài thăm thẳm, phải kể từ hôm tát đĩa bắt cá làm mắm, xẻ khô. Cá còn phơi trên mấy hàng bông búp má bắt tay vào làm củ kiệu. Hồi chị còn nhỏ, má lãnh luôn phần làm mứt, nướng bánh kẹp, bánh bông lan. Chị lớn, chị giành lấy, nói để chị làm, nên cả ngày ba mươi tụi nhỏ không thấy chị liếc, chị rầy, bởi chị cũng cắm đầu làm mứt,

nào là mút chùm ruột, mút gừng, không biết ai ăn cho hết mà ôm đồm, vừa ngào cháo mút dừa vừa chạy ra coi mớ mút tặc (quất) phơi ngoài sân không biết có kiến bò lên không. Cái dáng chị khum khum, tay dấm lia lịa vào lưng, than mỏi quá nhưng vẻ mặt thì tươi rói, ngây ngất. Giống hệt cả nhà, miệng kêu cực mà hớn hở, như thể ngày cuối năm này không có việc gì làm mới là niềm đau khổ lớn.

Tụi con nít cũng bận lắm, chạy đi chạy lại, “lấy dùm ba cây bàn chải”, “chặt dùm má mấy trái dừa”, “ê, coi chừng mấy con chó chạy giỡn làm đổ mớ mút đang phơi...”, “chạy đi mua cho má mấy bịch muối, cho đầy hũ, nhỏ ơ”. Trên đường chạy đầu này đầu nọ, tụi con nít không quên thò đầu vô tủ vuốt ve mấy bộ đồ mới, ứa nước miếng, trông mau tới chiều để mặc, nên có khi má kêu hai ba lần mới chịu đi làm, bịu xịu càu nhàu trong bụng, không biết ông trời sinh ra ba mươi Tết làm chi, công chuyện quá trời.

Mà, việc nào cũng quan trọng, quan trọng khủng khiếp, không thể để đến ngày mai. Tuyệt nhiên, chẳng ai chần chừ, “để làm sau..”. Cứ như là không còn ngày mai nữa, cả nhà làm cho bằng hết việc, đến xanh mặt, mướt mồ hôi, như ai đó đuổi đằng sau, như làm bây giờ để mai một không động tay vào bất cứ việc gì nữa.

Tụi con nít buồn cười, vì cứ kiêng lắm thì chỉ thành thói được ngày mừng Một, bữa sau ba má cũng ra vườn tưới rau, chị nhất định phải rửa chén, giặt đồ, anh đến cơ quan, mọi người trở lại với công việc thường ngày của mình, Ba Mười cũng đâu có thay đổi được gì mà làm muốn nín thở?

Tụi nhỏ không biết, thật sự của Tết là bữa ba mươi này. Khi tụi nhỏ mặc bộ đồ mới đi khoe dài dài xóm, khi ba và anh

tắm tấp xong ra hàng ba ngõ ngẩn ngăm hoa sao nhái đốt lửa vàng run rẩy trước sân, khi má nhốt than trong những bếp lửa tàn, khi chị đứng chải tóc trước gương, thì Tết đã chớm hết, Mừng Một, Mừng Hai là Tết phai; Mừng Ba Mừng Bốn Tết tàn.

Tụi nhỏ không biết, mãi về sau, khi lớn lên, trong ký ức Tết ấu thơ, những ngày mừng rất nhạt, đơn điệu, chỉ chơi và chơi. Nhưng bữa ba mươi luôn sống động, lung linh những mờ hôi, những nụ cười, những khoan khoái, những ngọt ngào...

Làm Sông

U

ý ban xã cử chị chạy xuống máy đưa anh xuống Vàm Cây Tra, bọn họ đùa, “Viết về sông Lớn anh hùng mà có nữ pháo binh anh hùng đi cùng là nhất anh rồi”. Chị đang lúi húi mở dây buộc xuống, cười xòa, “anh hùng gì, mấy ông này cứ đem chuyện cũ nhắc hoài, mắc chán.”

Anh thấy kỳ lạ, có vẻ chị không vui với những lời như vậy, chị bối rối, chị khoả lấp, chị loay hoay che giấu nụ cười phảng phất buồn. Hay đây chỉ là cảm giác của riêng anh. Suốt buổi sáng, người phụ nữ nhỏ nhắn này làm anh bất ngờ, thán phục, nể sợ khi biết chị đã từng bắn cháy bốn tàu giặc trên sông Lớn. Mắt anh níu lấy chi tiết đôi bàn tay gân guốc, một bên vai hơi lệch như vẫn còn đang chịu sức nặng của những khẩu B40, môi mím lại, cương nghị, tai không còn thính nhạy, thỉnh thoảng chị lại ngơ ngác, “Hả? Chị điếc lắm, cậu phải nói lớn chị mới nghe được”. Cả giọng nói rỗng rảng, xởi lởi, cả cái nhìn đen nhúc xoáy thẳng vào người đối diện làm chị toát lên vẻ cứng cỏi, kiên cường.

Nên anh không thấy lạ khi biết chị vẫn sống một mình, suốt thời con gái lận lộn vì chiến tranh, chắc chị chẳng rảnh rang để hẹn hò, mà, chị mạnh mẽ vậy thì cần gì hẹn hò. Bây giờ, cùng đi hết một quãng đường sông, anh cũng không ngạc nhiên khi chị chạy xuống máy ôm cua ngọt xớt qua những khúc quanh. Tia nước từ chân vịt bắn lên thành những chùm pháo hoa trắng xóa. Sông Lớn mệnh mang trong tầm mắt, mất một lúc, đến gần vàm, anh mừng hóm khi thấy xác tàu Mỹ nằm phập phều giữa dòng sông. Anh hớn hờ ra

hiệu chị dừng lại, anh muốn chụp bức ảnh người nữ pháo binh bên khối sắt thép lạnh lùng kia, chị lại cười, hỏi, “Cậu tính chụp hình bông súng hả? Ừ, khúc sông này mà lên báo chắc đẹp dữ lắm”.

Biết chị lảng tai từ hồi chiến tranh, vì sức ép của đạn pháo, mà chị hay xoa tay bảo “Tật nhỏ. Bệnh nghề nghiệp”, anh định cười. Bỗng dưng anh có cảm giác, hay là chính mình mới là kẻ không nghe được lời chị. Rằng con sông này đang vào mùa đẹp nhất.

Anh đứng dậy, tròng trình, chênh vênh nơi mũi xuống, sững sờ nhận ra vẻ đẹp của dòng sông. Bình dị. An nhiên. Tự tại. Hai bên bờ, dừ nước chảy tràn. Cái dãy màu xanh miết, day diết lên chân trời thi thoảng bị ngắt quãng bởi một cái bến sông, vài cây tra treo những chùm chuông vàng rục; bởi những lùm cây dại, bìm bìm đem hoa tím phủ trùm lên; bởi những cái vó nhỏ có đám trẻ tòn ten đánh đu cất lên mẻ lưới dẫm nước... Và gần bờ lá, những bông súng nở bừng vọt lên khỏi mặt nước, rập rờn. Cái dòng chảy trong lẻo rất khẽ khàng, dịu dàng chở sắc tím của bông đi mãi miết. Anh nhìn lại dòng sông qua ống kính máy ảnh và thấy cả hai – anh và cái máy – đều bất lực, không thể chuyển tải, diễn tả, không thu gọn được cái đẹp mệnh mang, sâu thẳm này trong một vài bức hình. Anh tự cười mình, sao anh lại phải đợi chị nói, mới nhận ra sông đẹp?

Anh bỗng nghe một câu thơ cũ, rành rọt, như thể ở đẳng lái, chính chị đang tát nước xuống và đọc nó chứ không phải vọng lại từ trí nhớ của mình, “Sáng nay Bạch Đằng tạm quên mình làm sử để làm sông”. Con sông Lớn bây giờ cũng không thềm làm sử, hay nó đã thôi làm sử, từ khi hết chiến

tranh, nhưng mãi đến giờ con người cũng không cho nó làm sông. Anh cũng vậy, cũng bị choán chật, cũng bị chấn mất tầm nhìn vì những cái xác tàu. Nó lù lù đóng cọc ngay ở giữa lòng anh, làm ứa ra những ý nghĩ, sông là những trận đánh, những chiến công. Chiều nay, bên chiếc tàu sắt nằm vùi giữa dòng, anh chợt nhận ra cái cách nước rẽ mình khi đi qua khối thép vô tri này cũng giống như rẽ mình đi qua đám chà, cái đặng, cái đó, chẳng khác gì hết, bởi sông chỉ là sông.

Anh ngồi quay lại, và nhìn chị đến gần ngơ, khi phát hiện ra, chị cũng đẹp, cũng dịu dàng, cũng rất phụ nữ. Đôi mày cong, ánh nhìn trong, đuôi mắt hẳn rất sắc, mái tóc dài bới gọn sau ót chắc đã từng đen buốt đến tận lưng. Chị nhỏ nhắn, mỏng manh đến mức anh nghĩ chỉ cần dang tay ra, sẽ gói gọn chị vào lòng.

Anh thảng thốt khi phát hiện ra vẻ đẹp của chị như lúc nhận ra vẻ đẹp của sông. Và bỗng dưng anh thấy day dứt cồn cào. Càng nhìn chị anh càng nhói, đuôi mắt kia đã hẳn vết chân chim, chưa từng được hôn, mái tóc kia giờ chớm bạc, chưa một lần nào, chưa người đàn ông nào vuốt nó, âu yếm chải nó trong những chiều phai. Và những lúc mỗi mê, cũng không có bờ vai rộng nào cho chị tựa vào. Chị thui thủi đi qua tuổi xuân xanh của mình chỉ vì còn lắm người như anh, chỉ nhìn chị như một anh hùng mà quên chị là phụ nữ.

Quên có những con sông chỉ muốn làm sông, bình thường, suốt đời trôi lặng lẽ...

Láng Giềng Một Thuở...

S

ớm mai cầm chổi ra quét sân, thấy cửa nhà hàng xóm mở toang, đằng trước sạch bong, chị lấy làm lạ. Bên ấy thường chỉ hé cửa lúc sắp trưa, và cái cửa chỉ mở đủ cho một người lách qua là dấu hiệu duy nhất cho biết cả nhà họ đã thức dậy. Đây là hình ảnh duy nhất, còn âm thanh duy nhất là tiếng nhạc lúc chói lói, lúc rền rền. Ít nghe người nói cười. Họ sống im lìm, mờ nhạt và khép kín.

Nên có gì đó thật khác thường, bỗng dưng bên căn nhà chung vách giòn tan, rầm rập tiếng trẻ con chạy giỡn. Cầm chổi ngó nghiêng, gặp một người phụ nữ lạ hoặc, chị ta nhoẻn cười, xởi lởi, "dì Sáu em đi Mỹ chơi rồi, vợ chồng em ở trong quê ra giữ nhà dùm. Chế thứ mấy? Em kêu cho tiện...". Vậy là quen nhau, chị bồi hồi khi nghe người phụ nữ gọi "chế Ba à, chế Ba ơi...", bồi hồi vì mình có thể nhanh chóng thân thiện với người mới gặp. Như thể nghi kỵ, dè dặt chưa từng là thói quen. Chị hớn hờ vào bảo với chồng, nhà kế bên tạm đổi chủ, mắc cười lắm, dân nhà quê.

Nhà quê chính hiệu. Điều đó mà chị thấy yêu họ, thấy thú vị, vui vui. Dù đôi lúc cũng bực mình. Chị ghét cảnh những buổi chiều gặp chị vợ cùng hai đứa trẻ ra đằng trước ngóng trông, hỏi chờ gì, chị ta ngỏn ngoẻn cười, "em đợi ảnh về ăn cơm". Chị cau mày, bỏ vô nhà, lòng nghĩ, đói thì cứ ăn, chờ đợi chi phiền phức, cầu kỳ. Rồi cho thằng con ăn xong, nó cặm mặt vô tivi, một mình ngồi trước bữa cơm, nghe bên vách chén đĩa khua trong tiếng nói cười rôm rả, cả tiếng

cạo cơm cháy cũng vui, chị thân thờ nhớ chồng giờ này chắc đang lu bù với khách.

Có lảng giềng mới, chị phát hiện ra bức vách ngăn giữa hai nhà quá mỏng. Nên họ nói cười, cãi cọ... cứ sôi lên như đang ở nhà chị. Họ mở cái lương suốt ngày, toàn những vở hương xa trước và hồi đầu giải phóng, ca từ trong vắt, mùi mẫn. Chị nghe cả tiếng anh chồng vỗ đùi khi Minh Cảnh xuống mùi, còn chị vợ thì ầm ức đòi vặn cổ một nhân vật nào đó ngăn trở mối tình lâm ly của Minh Vương - Lệ Thủy. Cao hứng, chồng còn ca vống lên, làn hơi ấm và mộc mạc như đất. Những trưa, vợ cũng hay dỗ con ngủ bằng những khúc vọng cổ không đầu cuối, nhớ tới đâu hát tới đó, giọng hơi khàn, thỉnh thoảng đứt quãng, nhưng rất ngọt ngào.

Có lảng giềng mới, chị phát hiện ra mình hay bị... ngạc nhiên. Toàn vì những chuyện đầu đầu. Hàng xóm làm chị thân thờ, cười trừ khi hỏi nhà ở cuối đường ai vừa chết?! Vợ hàng xóm trở mắt, "Chung xóm mà không biết, ngộ vậy?". Sáng sau, khi vệt cửa chào nhau ngoài sân, chị đã có đầy đủ thông tin về người quá cố. Vợ hàng xóm còn thắc thỏm, "lát nữa, cơm nước cho mấy đứa nhỏ xong, em đi giùm đám. Tội nghiệp, nhà họ ít con cháu nên bếp núc không ai lo...".

Chị ngẩn ngơ. Và ngẩn ngơ là cách duy nhất chị có thể làm khi hàng xóm bưng cho tô bí hầm dứa "ăn lấy thảo", khi mùi tốp mỡ kho quẹt dậy động sang, khi chị qua nhà họ chơi, ngó mớ rau luộc chấm tương kho trên mâm cơm ban chiều. Khi nhìn con châu châu thắt bằng lá dứa đã khô quắt mà đám trẻ nhà họ cho thảng con chị, khi thấy chúng chơi trò trốn tìm cùng nhau, chị vui muốn khóc, ngó con mình xa

được cái ti vi, nhẽ nhĩ mồ hôi, hăm hở, “Năm, mười, mười
lăm, hai mươi...”. Lẫn trong giọng trẻ con là tiếng chim cu
gáy gù gù, chị vợ bảo, “Anh đem con cu cườm này ra cho
đỡ nhớ nhà...”.

Gặp nhau trên vuông sân những buổi mai, mỗi ngày hỏi vài
câu, chị biết vợ chồng nọ cũng nghèo. Nhà lá, nền đất,
ruộng ít, vườn hẹp. Ở chợ nhưng nhìn mưa rơi hay thối
thảm, “kiểu này chắc chìm đìa...”. Anh chồng thường phải đi
đi về về để trông nom nhà cửa. Và khi bọn trẻ đem cho trái
dừa khô đã gọt lán o, mớ mồng tơ non mơn, hay mấy củ
khoai mì, khoai lang, củ chuối đã luộc sẵn, chị biết bên ấy
có người vừa từ quê ra. Biết nhau chỉ đôi ba tháng mà như
đã một thuở là lán giềng gần.

Hàng xóm cũ vẫn chưa về. Căn nhà ấy vẫn mở rộng lòng,
nhưng mỗi lần nhìn sang, chị thấy thót ruột vì nghĩ tới cái
ngày người chủ cũ quay lại.

Khi ấy, nắng đã vất qua nửa mùa. Chị cầm chổi ra sân quét
lá, nhìn nhà bên cửa đóng then gài im im, nghe thương nhớ
ngùi ngùi...

Mẹ Giàu, Mẹ Nghèo

B

an đầu, cô bạn dõi theo các cuộc thi viết về thầy, về mẹ, về gia đình, trường học... vì thích đọc những câu chuyện có thật, chân phương, cảm động. Cô thích những câu chữ còn vụng về nhưng tấm lòng người viết dịu dàng. Cô thích cái cách người ta thể hiện tình cảm, lời tri ân, sự tiếc nuối... bằng văn học, mềm mại và tinh tế biết bao. Cô bỗng phát hiện ra, mình cũng có những kỷ niệm như thế, những cảm xúc như thế như thế. Nên về sau, cô tìm đọc vì muốn coi người ta viết làm sao để... rút kinh nghiệm sáng tác bài dự thi.

Kinh nghiệm cô có được là câu chuyện nào cũng liên quan tới thời nghèo khó. Nhân vật để lại tình cảm, dấu ấn trong lòng người viết cũng... nghèo. Cô bạn hay gặp thầy giáo làng, hơi già, khó tính, nhưng thương học trò hết lòng, thấy những ngôi trường làng, vách lá bàn xiêu, gặp cảnh cả nhà nhường nhau củ khoai lùi, giề cơm cháy, con cá sặc kho. Và những bà mẹ thường gầy gò, tần tảo sớm trưa, mặc áo rách để nhường con tấm áo lành, nhịn ăn để dành cho con bữa sáng.

Cô bạn có một thắc mắc, "vậy những bà mẹ giàu không thương con sao?".

Có chứ, mẹ nào mà không thương con, hết lòng vì con, hy sinh vì con. Nhưng sự thật là người đọc hiếm khi gặp nhân vật bà mẹ giàu có, no đủ. Cũng như hội văn bút xưa rày hay liếc xéo anh doanh nhân, dòm nghiêng ông quan chức,

chỉ người nghèo, nông dân là được nhìn thẳng thắn, âu yếm.

Hôm đó quán cà phê vắng khách, tôi không trả lời, chỉ cười, biểu, "vậy thì bồ viết về bà mẹ giàu đi".

Mắt cô bạn sáng rỡ, ờ hén, bài của tui sẽ lạ lắm đây, Ban giám khảo đọc chắc hết hồn. Để rồi vài bữa sau, gặp nhau, cô bạn tiu nghỉu, khó lắm, nhỏ ơ".

Chúng tôi (tức tôi và cô bạn) biết bà mẹ giàu cũng thương con, như những bà mẹ nghèo. Nhưng viết rằng "sáng nào mẹ cũng dẫn tôi đi ăn ở quán bà Ba Bánh Tằm, mẹ gấp xiu mại cho tôi", hay "biết tôi học khuya, mẹ khuấy cho tôi ly sữa hột gà béo ngậy", hoặc "mẹ bấm bụng cho tôi đi học ở trường Quốc tế ở Sài Gòn, để đêm đêm mẹ xót xa, thương con mình thui thui"... không làm trái tim người đọc run rẩy. Dù có làm theo mách bảo trên tờ báo nào đó, cách "cho con ký ức đẹp", nhưng bà mẹ giàu cũng chỉ đơn điệu là trò chuyện, lắng nghe, để lại lời nhắn trên giấy, ôm ghì, tham khảo ý kiến của con... Những bà mẹ nghèo thể hiện tình thương nhọc nhằn hơn, người viết dễ sáng tạo, người đọc dễ mũi lòng hơn, thí dụ như bà chui vào bếp để luộc cho con mấy trứng chim vừa lợm được ở bờ sậy, bà lọ mọ móc sình nắn trâu, nắn máy cày, bà cõng con qua những đoạn đường bùn lầy để đến ông bác sỹ già, với cái ống chích lụt nhách.

Và cô bạn tôi cũng tham gia cũng thi "tự kể chuyện mình" bằng bà mẹ nhà... kể bên. Rất dễ dàng, như đám học trò bây giờ buộc phải tả về mẹ y trong... văn mẫu. Cô chỉ bõn chồn một lẽ, lẽ bài được đăng, cô cũng không dám khoe với mẹ mình. Bà sẽ buồn cho coi. Ở vậy sống vì con cả đời, quan tâm con từng chút một, vậy mà con gái lại đi vay

mượn mẹ của người để nói tiếng thương yêu, chỉ vì mẹ ruột có... tiệm vàng. Cô chữa thẹn với tôi, cũng là trấn an mình, người ta cũng không hoàn toàn viết từ chuyện thật. Biết đâu, họ cũng vay mượn kỷ niệm nghèo khó của người đời.

Bà mẹ giàu có quyền buồn. Nhưng tôi bảo với cô bạn không sao đâu, tấm lòng hiếu kính của con đối với mẹ, không nhất thiết bày lên trang viết, không nhất thiết phải nói bằng lời. Là mẹ, ắt hiểu.

Ngày Mai Của Những Ngày Mai...

P

hải có đến hàng trăm lần, tôi nghe và nói cái câu nào đó tương tự như “hẹn mai một gặp”. Như một thói quen, như một câu chào, người ta tự nhiên nói mà không quan tâm điều đó có xảy ra hay không. Và cái câu hẹn mai một gặp trong tôi luôn mang ý nghĩa, chào nghen, tôi về.

Và cái buổi nắng lên trong vườn dứa hôm ấy, tôi cũng nghe lại câu này, “hẹn mai một gặp, mình nói chuyện nghề chơi”. Người “hẹn hò” tôi là một ông già gầy gò, kham khổ. Tôi không trả lời được, tôi thoáng nghen đi, vì cái cảm giác tiếc nuối do chia tay vội buốt ở đầu mắt, thì cuối mắt ông nhấp nhánh ánh lên sự hy vọng hồn nhiên. Mai một gặp.

Lưng bỗng đau khi day lại phía ông già. Chân bước đi cũng đau. Gáy tôi nhìn thấy cái tuổi tám mươi tư của ông già đứng im sững bên chái nhà, nơi đặt bộ bàn tiếp khách. Gáy tôi lạnh. Trời ơi, sao ở cái tuổi ấy người vẫn còn có thể thanh thản hẹn với một ngày mai?

Hơn ai hết, ông già biết ngày mai đó rất xa xôi. Bởi ông không còn sức để đi chỗ này, chỗ khác, không thích những chỗ xô bồ xô bộn, họp hội xinh xang. Chủ nhân (dù muốn hay không) của câu nói nổi tiếng ngang tàng ngạo nghễ, “đi chỗ khác chơi” đã chọn chơi với mảnh vườn yên tĩnh của mình. Con mương vườn rưng đầy những trái dứa chuột cắn, mấy cây bưởi ngoài sân trước. Hơn ai hết, ông biết đôi chân mình đã mỏi, lời đã mỏi nụ cười đã mỏi, chỉ ánh nhìn là vẫn lấp lánh sự tinh quái, làm tôi thót tim lại, hôm đầu gặp ông.

Cái nhìn soi thấu vào gan ruột người ta. Trong những cơ may gặp gỡ mà tôi có được, chỉ vài ba người làm tôi sợ, vì cái sự-đọc-được-người-khác của họ. Ông già cũng làm tôi sợ, ông thấu được một tôi nông cạn, hời hợt, đại dột. Cũng chẳng có gì nghiêm trọng, chỉ là cảm giác mất tự do, mình sống thế nào, mình che đậy thế nào, mình xoay bề nào ông già cũng ngoáy cái ánh mắt tinh quái, cái cười hóm hỉnh vào, chọc chọc. Đối mặt nhau qua cái bàn trà cũ kỹ, nhưng mỗi lần nghe ông già dùng trí nhớ mẫn tiệp của mình dẫn lại mấy câu văn dài ngoẵng của Lỗ Tấn, một đoạn truyện cũng dài thườn thượt của Ernest Hemingway, tôi lại cảm giác ông già ở trên cao, và mình trong cái thế phải ngược lên, ông thầy giỏi mà kẻ học thì lơ ngơ, như vói hái trái ở một cành cây quá đầu, mỗi chân, mỗi cổ quá trời.

Nhưng tôi biết, cái cội cây già ấy sâu thẳm tự đáy lòng muốn trao trái cho đám trẻ như tôi. Cái cây vẫn còn quá nhiều trái trên cành mà thân đã dần cạn nhựa, cây không muốn trái cũng chết khô giữa trời. Trái kia, phải được hái khế khàng, để một hôm nào đó, sau mưa, hạt lại ươm mầm trên những mảnh đất mới và đầy sức sống.

Thiệt tình, đó là tất cả những gì tôi muốn khi bước chân qua cánh cổng xiêu xiêu kia. Học. Tôi chỉ cần có vậy, học tất cả những gì ông già có, nhân cách sống, sự lịch lãm, ngạo đời, vốn kiến thức văn học giàu có, cái nhìn nghề khe khắt... Nhưng học ông già này hơi bị... khó, nên bước chân ra về lại rầm rức, sao mình không thể ở lâu hơn, mà tôi đoán phía bên kia cũng... ảm ức giống tôi. Đã nói gì được nhiều đâu, đã cho và nhận kịp đâu, nhìn thẳng ông già tôi còn không dám, nói gì tôi đã chạm được ông. Mà, tôi muốn chạm vào

ông, muốn đọc chút xíu ông, muốn tự mình dệt nên một câu chuyện tếu táo gì đó về ông, lâu nay tôi toàn nghe giai thoại của người khác. Vậy nên cả hai không thỏa, vậy nên ông già ngó tôi mà rằng, “mai một mình gặp nói chuyện nghề chơi”.

Và tôi ngẩn ngơ. Tôi muốn gặp ông già lần nữa, lần nữa, gặp hoài nhưng tôi không bao giờ cất lời hẹn lần sau. Hơn ai hết, tôi biết mình lâu lắm mới sẽ trở lại nơi này, lâu lắm tôi mới lại qua sông Tiền, vì tôi ở xa, vì tôi là đứa ru rú xó nhà ít lang thang đây đó. Tôi tầm thường đến nỗi lên xe rồi, cứ nghĩ tới chuyện nhà không ai quét, con trai không ai nấu cơm cho ăn, và nghĩ tới cái gối ôm có hình mấy con thỏ thả bong bóng bay là tôi muốn quay lại cho rồi. Nhưng nếu muộn hơn, bạn bè tôi còn, những vườn dứa còn, nhưng ông già Nam Bộ ngạo đời ấy tôi không còn cơ hội gặp nữa, ý nghĩ đó đã đưa tôi đi, vượt lên những lười nhác. Gặp lần đầu, tôi vẫn không tin mình sẽ gặp ông lần hai, và gặp lần hai, tôi làm sao biết được có còn lần nữa.

Bởi những cuộc hẹn sẽ có ít nhiều đổ vỡ, bất trắc. Trên con đường đi đến đó, có khi tôi đau bụng nên quay lại, có khi tôi gặp bạn bè và say mèm ở dọc đường, có khi chiếc xe trở chứng xịch lụi chết máy. Tôi đến nơi thì người cũng vừa đi khuất. Mà bất trắc thì quá nhiều nhân dạng. Vượt qua khoảng cách địa lý, vượt qua những rào cản lật vật như... cái gối ôm để thực hiện cuộc gặp, nhiều khi lãng thân. Tôi không là tôi cũ, người không còn là người cũ, gặp nhau cũng như không. Ông già thì vững thân một nếp, nhưng tôi? Chưa chắc... Tôi đã có lần gặp bạn mừng chưa hết, thì nói câu gì đó đau lòng rồi cuộc hẹn tan mau.

Nhưng có một dạng bất trắc hơn cả mọi bất trắc mà tôi không bao giờ kịp quen. Đi đám giỗ, gặp nhỏ em họ cùng tuổi, hẹn nhau đám giỗ sau, nhưng nó đã bỏ đời đi sau một cơn buồn. Có người hôm trước gặp nhau còn cười hỏi, "ê khoẻ hôn, lâu quá không nhậu nghen, mai một rảnh rồi, anh gọi", hôm sau thấy anh cười trên ti vi, nụ cười đã bất động, không thể tin, người cười đẹp vậy sao có thể thản nhiên ra đi giữa khuya vì đau tim được hả trời. Và bất trắc thì đôi khi không chờ giữa hai lần đám giỗ, không chờ qua một ngày, bất trắc chỉ trong tích tắc, một cô gái ngún nguẩy đuôi tóc, tung tăng bước qua đường vẫn trong tầm nhìn tôi, tôi vẫn chưa chớp mắt thì chiếc xe điên cuồng nào đó đã huỷ hoại cuộc sống của cô rồi, chỉ một phần trăm của giây. Trong những câu chuyện thường ngày quanh ly rượu, chén trà, sau tiếng thở dài, người ta chép miệng, "mới hôm qua...", "mới cái đập đây mà...". Bất trắc nhanh đến nỗi khiến người ở lại phải hoang mang giữa tuyệt vọng và hy vọng, giữa có nghĩa và vô nghĩa, bởi rõ ràng thân xác đã nguội rồi, rồi, nhưng cảm giác về người cũng còn nguyên vẹn. Trong veo. Rực rỡ. Tôi sợ...

Ông già thì đã tám mươi tư...

Nhưng ông già đã hẹn tôi, ông không thèm nhìn cái tuổi tám mươi tư của ông, mà sao tôi cứ nhìn mãi, thấy mãi. Xe tôi khuất qua những thôn xóm, qua trùng trùng muôn muôn những vườn cây trái, những dòng sông, hàng trăm cây số, về đến nhà, đóng chặt cửa, nhắm mắt lại tôi vẫn nhìn thấy mái tóc ông bạc, lưa thưa, giọng nói đã hơi run khi vượt thoát khỏi đôi môi, và gầy đến chiếc áo của ông cũng ngẩn ngơ như nó đã đánh mất da thịt của ông rồi.

Nhưng ông già đã hẹn tôi. Ông không thấy cái tuổi tám mươi tư của mình, bởi vì ông không có tuổi, chẳng bắt trắc nào đánh gục được ông, ông sống hàng trăm tuổi ấy, với những gì ông để lại. Một nhân cách hơi kỳ lạ, cô đơn sâu thẳm, đeo đuổi sự tự trọng đến cuối đời. Những trang văn đau, sâu sắc, tinh tế, mà sang trọng, lịch lãm. Ông "đi chỗ khác chơi", không "bẹo hình bẹo dạng" nữa, nhưng nhiều người vẫn gặp ông khi qua căn gác cũ, con đường cũ, quán cũ, trang sách cũ... Bao giờ còn những khoảnh khắc mà các hạt bụi như tôi bỗng nhớ đến non-ông, nhớ cái cây cổ thụ già ấy thì ông vẫn còn nguyên trên đó, dù cái áo xưa đã xếp lại, hết chỗ cho nó phất phơ rồi.

Hóa ra, cái hình ảnh tám mươi tư tuổi của ông già chỉ là tôi mượn để nói tránh về một tôi già nua, chỉ tôi là nhìn thấy tuổi, nhìn người, nhớ người, hẹn người bằng tuổi. Tuổi không phải là biểu tượng của đời đâu, nhỏ ơi. Ông già chắc không biết là câu nói hẹn gặp lại bị tôi suy diễn xa dữ vậy.

Đơn giản, chỉ là ông kêu có dịp thì gặp nhau, nói chuyện văn chương vô tận chơi thôi. Đơn giản là tuổi già của ông bị cô đơn ăn hiếp quá, dồn đuổi quá, lâu lâu có đứa nhỏ buồn mà cà chớn như tôi đến chơi thì vui chớ sao. Thì muốn còn tập tiếp theo chớ sao. Dù ngày mai, một đó là của những ngày mai, một khác. Nó xa, nhưng mà gần, cứ kêu lên, ngày mai, chẳng phải qua đêm nay là tới sao? Những hẹn hò có khi mãi mãi là hẹn hò, nhưng nhờ nó, người ta mới chịu khó ngồi nuôi dưỡng niềm tin. Tôi mới chịu khó sống và viết, tôi mà tệ quá, ông già không chịu tiếp, thì chết.

Tôi vẫn còn muốn hái thật nhiều trái chín của cái cây cổ thụ tuyệt đẹp có sức sống mãnh liệt đó. Tôi tham quá trời đi.

Mai mốt gặp, dạ, mai mốt gặp.

Nhớ Bèo Mây

G

rở về từ trại viết, ông già gọi bạn văn đến nhà uống rượu.

Ông nói ông buồn quá chừng, nhớ đám viết văn làm thơ trong trại quá chừng. Đêm qua, nửa đêm ngồi bật dậy, ngó quanh, ngạc nhiên, ủa, sao phòng này bày trí y chang phòng của mình vậy ta? Vợ ông cười ngất.

Lần đầu tiên trong đời ông tham gia một trại viết văn. Lần đầu tiên ông biết trại viết là... gom những người viết xuất thân, nghề nghiệp khác nhau đến từ những vùng đất khác nhau lại một chỗ, cùng ăn, cùng ngủ, cùng lao động sáng tạo, chia sẻ, đọc cho nhau nghe. Hai mươi ngày, ông già quen với nếp sinh hoạt xao động đó. Mở con mắt ra là nghe những tiếng chào nhau pha lẫn tiếng cười giòn, nhắm con mắt lại vẫn còn nghe ai đó say rượu, đọc thơ nhừa nhựa, "mặt trời xa em lại quá gần. sao em nỡ làm lòng anh lạnh buốt". Sáng nay, vợ đi chợ sớm, ông ngồi ăn hủ tiếu một mình, mù mẫm vì nhớ và hụt hẫng, cô đơn.

Nên ông già cần đưa bạn vong niên này, bởi khi ông nói về A, về B nào đó cùng đi trại chuyển này, có thể bạn biết họ, có thể bạn hụ hợ một vài câu, thí dụ như bạn nói "chị H dễ thương lắm", ngay lập tức ông già khoái chí vỗ đùi, ừ, con nhỏ đó hay nhổ tóc bạc cho chú. Nó thảo ăn lắm nghen, trưa nào cũng mua khoai lang nướng, đi mời từng người, cái tướng con nhỏ vừa ăn khoai nóng vừa hít hà cũng ngộ. Còn thằng nhỏ K thấy tướng hiền, ai dè lù khù vác lu chạy, hện hò được con bé đẹp nhất trại viết. Bữa bế mạc, ai cũng

khóc, mấy đứa trẻ vừa có ý thương nhau nay ai về nhà nấy, bịn rịn không rời, thiệt tội.

Ông già rơm rớm nước mắt. Ông nói, thiên hạ biết bao nhiêu người mà hết đời mình đâu thể gặp, nhưng nếu gặp được, dù chỉ phút chốc thôi, chắc là có duyên với nhau. Duyên trời. Nên ông dốc cạn lòng mà thương họ. Hai mươi ngày, so với đời người, tưởng ngắn, mà dài. Một người đau, những người còn lại ai cũng trở thành... bác sỹ, thuốc thang lung tung. Một người buồn, cả bọn áy náy, không vui. Ông già nhức đầu, mấy bạn viết trẻ thay phiên bắt gió cho ông. Đi núi chơi, tụi nhỏ đỡ từng bước chân. Sáng nào tụi nó cũng qua phòng "vấn an", đêm qua bác ngủ có ngon không? Đổi lại, tụi nó nhậu nhẹt say, nằm bẹp trao thân cho... muối, ông đi giăng mùng, đắp tấm mền cho từng người. Đôi lúc, bắt gặp mấy đứa con gái khóc nhớ nhà, ông già ngồi lại, dỗ dành. Ông thuộc lòng giọng nói, nụ cười, tính cách, hoàn cảnh của từng người, ông hiểu họ như hiểu bạn chí cốt, như đám con mình. Sáu mươi tuổi đời, mặt trời sắp xuống núi, ông nói ông may mắn có thêm nhiều người thân nữa.

Vì vậy mà bây giờ ông già mới buồn bã, nhớ nhung những người xa, những cụm mây, những đám bèo đã tan rã, lưu lạc muôn phương. Ở một chỗ nào đó, rất có thể có người đang gọi bạn ra quán nhỏ mà than thở, tao nhớ ông già trong trại viết. Ý nghĩ đó làm bạn vẫn hơi ngơ ngẩn khi nhìn khuôn mặt đã rưng lên vì rượu, thoắt rạng rỡ, thoắt buồn bã của ông già.

Lâu rồi bạn không nhớ ai, bạn sợ phải nhớ. Bạn cũng vừa tham gia một đoàn công tác trở về. Nhưng những chuyến đi, những lần tham gia các hoạt động tập thể đã dạy bạn

rằng, không ai có thể đi mãi trên đường, không cuộc vui nào không tan. Nên bạn giữ được sự thản nhiên khi chiếc xe xinh xàng về bến cuối, khi người trong đoàn bắt đầu tan tác. Những cái bắt tay gấp gáp, những câu chào vội vã, và bóng người nhoè nhoẹt khuất dần.

Và vẫn thản nhiên, bạn trở về nhà, cuộn mình trong chiếc giường quen thuộc. Những cuộc gặp gỡ nhạt, những khuôn mặt cũng mờ nhoè. Bắt đầu chuyển đi, bạn đã nghĩ đến chia tay, bắt đầu cuộc gặp, bạn đã toan tính cho lúc kết thúc. Nên bạn chỉ giao tiếp dè dặt, vừa vắn. Thiếu một chút tình, bạn sẽ là đứa xa cách, lạnh lùng, ngạo mạn, nhưng sơ sẩy thừa ra một chút, bạn sẽ giống hệt ông già bây giờ, mất một thời gian rất dài để nhớ những người đứng, nhớ họ ngay cả khi họ đã không còn nhớ mình. Mặc công.

Bạn chọn một con đường ít đau đầu, ít day dứt, ít bồn chồn, ít chênh chao, an toàn cho tim, bạn không bao giờ để mình ngấm nhớ như ông bạn vong niên sáng nay. Bạn thấy mình sung sướng quá, thiệt là hạnh phúc, thanh thản khi trong ký ức không có ai để nhớ đằm sâu, trong tim người không có nỗi nhớ thương người. Mặc gì phải hao phí tình cảm vào những mối quan hệ không có nhiều hy vọng, như mây kia trôi, bè kia trôi, bây giờ nhớ vậy, nhưng mười, hay hai mươi năm nữa, biết có còn gặp lại nhau? Chứng kiến ông bạn già ngắc ngoải nhắc tên của những người xa, bạn thấy mình đúng là quá trời khôn ngoan.

Nhưng không hiểu sao, bạn muốn khóc, bỗng đứng...

Của Người, Của Mình

1.

Những lần làm việc đến nửa khuya, lúc đặt lưng xuống giường mới hay đã quá giấc, đành bấm bụng đếm đêm bao nhiêu dài. Nằm chờ cơn buồn ngủ tới, tiếng nhạc từ đâu văng lại, xao xác. Có lúc nghe gần, thủ thỉ như chỉ cách một tấm vách, có lúc lại xa xăm như tận cuối đường. Tôi nín thở. Có cảm giác nhạc hay đến mức còn chút xíu nữa là... chết (nếu chết là giới hạn cuối cùng). Ngạc nhiên quá chừng, những bản nhạc bolero bình dân, cũ sì bồng dưng buộc người ta phải phung phí cảm xúc.

Bữa sau, tôi lọ mọ ra tiệm bán băng đĩa khi họ mới vừa mở cửa. Chủ tiệm là người quen, trố con mắt khi tôi hỏi có "Xóm đêm" không... "Đồi thông hai mộ"... À, cả "Kiếp nghèo", "Chuyến xe lam chiều"...

Hớn hở na mớ đĩa về, mở máy và nghe... lãng xẹt.

Ngờ ngợ, đến khuya mở lại, quả thật không hay như đã từng nghe lóm đêm đêm. Cảm giác dường như thiếu một chút hiu hắt, một chút rầu rĩ, một chút mộng mị, một chút xa vắng...

Vừa tắt nhạc nhà mình đi, thì má ơi, chẳng xóm vắng lại "mưa rừng ơi mưa rừng, hạt mưa nhớ ai mưa triền miên..."

2.

Cũng nhi nữ thường tình, tôi rất sợ gặp người xinh đẹp, trắng trẻo, chụp hình chung với họ còn khủng khiếp hơn.

Cảm giác mình như cục than tèm lem đứng bên đồng tuyết.

Còn lại một mình, tôi cứ đứng trước gương, nghĩ về làn da trắng như nước cơm vo, mà đau nhói bên sườn.

Một bữa (lịch sử) trong đời, tôi vào vai... cô dâu, người của tiệm trang điểm tô vẽ xong, tôi muốn khóc.

Thì ra tạo hóa cũng khéo lắm, nên phối cái mũi này, cái miệng này, mắt này rất hợp với màu da ngăm ngăm này.

Nên nhìn mình trắng trẻo trong gương như đang đeo mặt nạ, vô hồn...

3.

Chơi nhà bạn, thấy họ nuôi con chó Nhật, lông dài, óng mượt, thả từng lợn, mong manh, đỏng đảnh như một tiểu thư.

Ra khỏi nhà bạn, nhưng lòng còn lẩn quẩn ở đó.

Ám ảnh bởi bộ lông, tôi quyết lòng mua bằng được con chó xinh đẹp giống như của bạn, khổn khổ, phải đánh đổi cả tháng lương.

Hể hả mang cô nàng về, bỗng hoang mang, con vật chón lỏn, rời rạc, không ăn nhập gì với ngôi nhà bụi bặm, lộn xộn, bề bộn của mình.

Ngồi thừ ra ngó chó kiểng một hồi, thót ruột nghĩ tới việc phải mua thịt bò cho nó ăn, thấy con vật vô duyên tẻ.

4.

Và hoa ở nhà người, bèo ở ao vườn người, trang phục của người, sự dịu dàng của người... khi thuộc về mình, lại thấy... sống sượng, buồn cười. Lại thêm một lần vỡ lẽ, "À, ra thế...". Lại thăm thía bài học có nhiều thứ chỉ nên để

ngắm xa xa. Lại thêm một thí dụ về ảo tưởng. Lại hao mòn một ít tình cảm và... tiền (tất nhiên).

Tưởng vậy là quá đắt, nên tiếc hoài, cho đến khi nhận ra, mình đã bớt đi những ham muốn xa vời. Trong lòng luôn có ý nghĩ, chúc vụ ấy, ngôi nhà sang trọng ấy, những đứa trẻ xinh đẹp thông minh ấy... chưa chắc thích hợp với mình. Dù của người luôn luôn đẹp...

Bài học của mình, của người mua vài lần, xài tới muôn năm. Rẻ quá...

Người Giàu Cũng... Giấu

Hoàn toàn không phải ghen tị nhưng hơi ầm ức. Hơi tức. Đó là cảm giác đầu tiên khi hay tin người bạn mua một thửa đất biệt thự trong khu dân cư cao cấp. Thông tin này mở đầu châu cà phê sớm, và vài người cũng chung hưởng như chị, thiết hôn ghen, con nhỏ đó than nghèo nát ruột mù. Và ai đó cũng cười, than nghèo không có nghĩa là không giàu.

Nhưng người bạn của chị nào chỉ kể lẽ nghèo, mà bạn còn sống như một người nghèo. Lúc nào cũng mệt mỏi, lo toan, như đang nghẹt thở trong chiếc áo chật, bạn đau đầu, đè nén trước một con cá lớn, một chiếc áo đẹp, một chuyến đi chơi xa. Bạn dậm chân dậm cẳng khi đổ bệnh bất ngờ, bồn chồn "trời ơi, uống tiền muốn chết, mình không dám ăn, không dám mặc, vậy mà...". Ngắc nga ngắc ngoải giữa chữ nghèo, dùng một cái, bạn có tiền (gần) tỉ để lo mái ấm cho mình.

Vậy mới ứa gan, bởi cái sự giả bộ nghèo của bạn làm mọi chung quanh mệt mỏi không ít. Ai cũng thương, cũng lo, cũng chia sẻ từng chút. Những cuộc vui, vắng bạn, nhiều người thắc thỏm, nghĩ tội cho con nhỏ bạn nghèo, giờ này chắc đang ngồi bó gối ở nhà mà nhớ tội ta. Chị nhiều khi cũng bận lòng, khi sắm chiếc áo mới, đôi giày mới, lại nhớ bạn mình toàn mua hàng bán ở vỉa hè, đầu chợ, bạn chịu khó tìm nên hàng cũng đẹp, mà quan trọng là rất rẻ. Vào quán phở, nhớ bạn mình toàn ăn xôi, ăn bánh mì qua bữa sáng, phở cũng mất ngon. Những bữa trông thấy cái túi treo

mấy con cá đỏi, cá phi nhỏ xíu trên xe bạn, chị đứng bần thần rất lâu, chị thương gì đâu.

Vậy mới ứa gan. Trời ơi, người ta giàu khỏe còn không hết, lại có người che giấu chi cho khổ thân. Cả niềm vui no đủ cũng không chia sẻ được với bạn bè. Chị cắn nhặn, có vẻ thương, buồn, lại có vẻ bực mình.

Bạn chị, chút chức tước nhỏ cũng không, nghĩa là bạn có giàu thì cũng không phải dùng quyền lực để tư túi, nói theo kiểu ông cán bộ cơ quan văn nghệ trong bản kiểm điểm cuối năm là "không có điều kiện để tham nhũng". Bạn cũng chẳng giàu nhờ những phi vụ làm ăn mờ ám, trái luật. Lại không phải vì những món tiền từ trên trời rơi xuống. Chỉ nhờ vào đồng lương, vào tủ thuốc lá đặt trước nhà, vào sự tận tiện, chặt mót, có mười chín đồng, bạn sẽ cố kiếm thêm đồng nữa cho đủ hai mươi. Nghĩa là quá trời chính đáng, tự hào nếu bạn reo lên, tôi đang giàu có.

Cái thời loạn lạc, trộm đạo qua rồi, những bà cụ già mặc áo rách tả tơi không còn đem tiền, vàng nhét trong hủ sành đem chôn xuống đất. Cái thời cả xã hội căm ghét người giàu (như thể anh giàu nghĩa là anh có tội lớn, anh bóc lột, anh không xã hội chủ nghĩa, anh không theo cách mạng, anh gian lận mánh mung), cái nhìn đó cũng tắt rồi, chẳng ai bảo mình giàu mà thấy xấu hổ đến mức nói lí nhí, mặt cúi gằm nhìn xuống ngón chân. Bây giờ nghèo mới là tội đây, nhiều khi người ta còn sắm nữ trang mạ vàng để đi đám tiệc cho lấp lánh bằng chị bằng em, người ta mặc áo đẹp ra đường để che giấu nỗi khổ tâm vì ngôi nhà rách. Người nghèo mặc cỡ, mặc cảm còn không hết, sắm vai nghèo chi vậy trời.

Chị ngấm ngội suốt buổi sớm cà phê đó, hơi giận vì kiểu sống lạ lùng của đứa bạn. Mọi người cười chị, “không thể bắt người ta sống kiểu của cô Hai được”. “Kiểu” của chị, mọi người gọi là “không có cửa”, cứ mở toang ra, chị đã dành dụm được bao nhiêu tiền, xong công trình này chị sẽ có thêm bao nhiêu, chị vừa tốn bao nhiêu để mua mảnh ruộng ở ngoại ô, mọi người đều biết, mà chị giấu làm gì, chị còn muốn reo um lên, bởi chị giỏi làm lụng, bươn chải, nên chị giàu, đâu phải ai ở tuổi chị cũng làm được, phải “nổ” để mọi người chia sẻ với mình chứ.

Nhưng chị đã áy náy vì sự giận dữ của mình, ngay sau đó, khi về tới nhà, gặp mấy anh cán bộ đảng phường lại vận động quỹ A B C gì đó. Chị nộp một khoản gấp sáu năm ngoái, cũng hơi thắc mắc, nhưng xeo nạy chuyện tiền nong, chị vốn không thích. Nhìn vào danh sách, thấy có mấy người quen khá khẩm hơn mình nhưng khoản nộp thì ít, chị buột miệng, sao vậy kìa, anh cán bộ cười, à, hộ này tui tui thấy còn khó khăn, nhà toàn xài đồ tre, cái cổng dây leo sập mẹp họ còn không có tiền sửa”. Chị mắc cười quá, trời ơi, người ta dùng nội thất tre là theo phong cách mới, còn cái hàng rào, chẳng phải người quen của chị đập sập cho nó... ngộ đó sao.

Tiền mấy anh phường về trong tâm trạng thần thờ, thần thờ sau cái câu vô tình, “năm nay thấy chị giàu, tui tui cũng mừng lây...”. À, cái sự-năm-nay-giàu có liên quan đến khoản tiền gấp sáu đây, có liên quan đến mặt tiền chị mới sơn lại vì lớp sơn cũ đã trôi mất, có liên quan đến cái bàn gỗ chị mới sắm cho khách ngồi, thay cho bộ bàn cũ đã sứt

càng gãy gọn, có liên quan đến bộ trang phục đính cườm mà chị đang mặc trên người. Chị mỉm cười.

Và ngần ngợ, vì cú điện thoại từ nhà, má nói thẳng em chị giận chị lắm, buồn chị lắm. Chị ngơ ngác, thẳng em mà chị thương hết mực, vì nó phải nuôi cha mẹ, con cái lại đông, quần quật với mảnh vườn, thửa ruộng mà vẫn chật vật. Thẳng em này chị thương nó mỗi ngày, mỗi khắc, khi uống chai bia, khi vào rạp xem bộ phim hay dự một đêm nhạc, khi đứng trước những dãy cửa hàng sang trọng... chị đều nghĩ tới nó. Mà bây giờ thì thẳng em giận, lý do chẳng rõ ràng lắm, má nói, "Hồng biết con nói cái gì, hồi nào, em con buồn, nó nói chị Hai ỷ giàu rồi khi dễ người nghèo...".

Chị buồn lâu ơ là lâu. Bỗng dưng biết rằng, cái món tiền mà mình vất óc kiếm được hôm nay dường như làm cho vài người đau nhói. Không phải vì sự ganh tị mà vì cuộc rượt đuổi đã quá mệt, quá mỏi mòn... Và để ai đó nuôi hy vọng, chị buột phải giả vờ mình không phải là người đi quá xa, phía trước.

Những Cây Gòn Lạc



a có một buổi chiều ngược ngạo, mang tiếng là đi chơi nhưng phải len lỏi chen chúc mới tìm được một chỗ ngồi trong khuôn viên quán. Chiều xuống rồi mà cả người nhể nhại mồ hôi. Đã vậy, các cô tiếp viên mặt đẹp mà quạu đeo. Bạn khoát tay, "chịu cực một chút, ở đây chim sẻ nướng muối ớt ngon dã man. Đi nhậu chớ có phải làm thơ đâu mà tìm chỗ đẹp". Lâu lắm mới gặp nó, nhưng chẳng thể trò chuyện, chung quanh ồn đến mức chỉ có thể ngó nhau cười cười gật gật, cuối cùng (hay bắt đầu?) là cụng ly.

Và trong cái không gian bừa bộn, nhộn nhạo đó, những cây gòn lạc lỏng đứng bên rào, chỗ góc sân. Gòn tháng Ba, nhiều trái đã khô, và vài trái khô nứt mình lộ ra chùm bông trắng muốt. Bàn ta ngồi, bông gòn rơi xuống. Đó là lúc ta thấy mình sắp chết đến nơi, thấy mình đuối như một câu văn dài ngoằng không biết bao giờ mới ngắt dòng bao giờ dừng lại, và nhúm bông gòn lìa cây rơi phớt trên tay ta, như một hơi thở khẽ khàng, như lời chào dè dặt, như một dấu chấm câu. Hụt chết. Mừng quá, buột miệng kêu, trời, bông gòn, thẳng bạn hưởng ứng, "Hả? Ờ, dzô cái cho xôm đi".

Ta chỉ lên đầu, gòn kìa. Bạn cũng ngược lên trời, nhìn mãi theo tay ta thì chỉ thấy những trái gòn lủng lẳng trên cành, nhìn mãi thì cũng không hiểu sao con bạn nó lại xúc động vì những cái cây. Bạn cười hơ hơ, cây gì mà vô duyên quá trời, chỉ toàn trái, không hoa lá, trụi lủi, trụi trơ. Ta nhớ ngày xưa, ta cũng nói với má câu này, má cười nói, cây gòn phải

hy sinh để dồn sức nuôi trái gòn lớn đàng hoàng chớ. So đũa cũng vậy, trái càng lớn lá càng thưa. Ta còn nhỏ, không hiểu rằng cây cũng giống hệt cái cách má vì con của má...

Ta bây giờ chẳng lớn bao nhiêu, chẳng khôn nhiều nhưng ngó những cây gòn cuối hạn bỗng thương. Bỗng buồn, khi chúng đứng chơi với giữa giữa đám khói bốc lên từ những con chim sẻ nướng. Bỗng nhớ những cây gòn nơi xóm cũ. Không ai trồng, nhưng những cây gòn mọc dài theo bờ kinh xáng, gòn chen chúc làm thành hàng rào trước nhà, gòn chênh vênh trên liếp. Dứt mưa, gòn đãi đám trẻ nghèo những trái gòn non, giữa lúc chúng thả diều, giữa lúc đá banh, giữa lúc nghe ruột cồn cào nhưng còn tiếc cuộc chơi, giữa những xế trưa trốn ngủ lén ra vườn chơi nhà chòi. Tháng Ba, trong nắng "trời ơi", (bởi không kêu trời thì không biết ta thán với ai cái nắng vàng sẫm, nóng rực, như đổ lửa, như đúc thành khối. Trời đứng trân, gió đứng trân, cây cỏ đứng trân, đi mãi mà không gặp con nít chơi ngoài sân. Lú đầu ra khỏi nhà phải buột miệng: Nắng! Trời ơi!), mọi thứ cố trốn tránh, im lặng để chờ mùa mưa tới, thì những trái gòn trơ trọi giữa trời nứt ra rồi tách vỏ hẳn, vỏ cũng rơi xuống đất, cây chỉ còn treo những chùm bông trắng tinh. Đám trẻ lấy bao hái những cục tuyết lửng lơ giữa trời đó về cho má dồn vào gói mới.

Đó là món quà duy nhất mà cây gòn tặng cho người, cho giấc ngủ của người. Lá ăn chẳng ra gì, hoa cũng không ăn tượng, trái non thì có thể ăn tạm, nhưng vì nghèo, thiếu thốn trẻ con mới ăn. Thân cây xộp, bỏ nên không ai thềm xẻ ván đóng tủ, giường, thậm chí bắc cầu qua mương, hay làm củi chụm cũng tệ. Nhưng mỗi cuối mùa nắng, gòn lại chứng tỏ mình không sống cuộc đời vô duyên, vô ích. Có lẽ

vì vậy mà những cây gòn, dù không ai trồng tĩa vẫn được sống trên khắp đất quê.

Và trong ký ức không thể chỉnh sửa của những đứa trẻ ngày đó, gòn chỉ đứng nơi bờ kinh, bờ ruộng, bên khẩu đìa, bên những cây quao, cây trâm bầu... nên thấy gòn giữa thành phố, giữa cái quán nhậu chật chội bức bối hơi người, có kẻ kêu lên, trời, sao mấy cây gòn lại lạc ở đây. Nửa mừng, vì cái cảm giác như bạn thời thơ ấu, bạn thời ghé chóc mọc trên đầu từ quê cũ lặn lội ra thăm. Nửa lơ ngơ, như thấy đám rau càng cua mọc bên thềm chợ, như nghe con dế gáy trên vỉa hè, tự hỏi, sao tụi nó ở đây? Mà, sao ta lại ở đây?

Sao những cây gòn lại ở đây, để ngày ngày chứng kiến bạn cũ của mình – những con chim sẻ - bị nướng vàng nằm phơi trên đĩa, bị ngốn ngấu trong miệng của con người - cũng là bạn cũ. Sao gòn không về bờ kinh, liếp chuối, về cái nơi còn những người nghèo chờ tháng ba về hái bông gòn để chăm chút nâng niu giấc ngủ cho người thân? Sao những cây gòn lại đứng đây, chẳng để làm gì, treo chùm trái trên cao, như những dấu chấm than buông lửng bên trời, buốt nhức.

Những cây gòn đi lạc? Hay chính đứa trẻ xưa đã lạc?

Ngôi Buồn Nhớ Ngoại Ta Xưa

B

à ngoại ta, mấy nhà hoạt động xã hội vì sự tiến bộ của phụ nữ, hay giải phóng phụ nữ gì gì đó gặp một lần là khóc chết luôn.

Sơn móng tay hay móng chân, mặc váy hay quần đùi, tóc uốn hay tóc tém, tóc nhuộm, áo hở ngực hay áo bó... tóm lại, sự chưng diện luôn làm bà ngoại ghét cay đắng. Nên hai cô con gái của ngoại suốt thời thiếu nữ chỉ thả tóc đen dài, chết bỏ cũng chỉ bộ bà ba, móng chân duy nhất màu phen vàng ệch. Lúc già, hai nàng này bắt đầu day qua nhảnh tụi nhỏ, "bà ngoại mầy mà còn sống, bà chửi tan nát..."

Nhưng bà ngoại mất rồi, rất thanh thản, bà ngoại còn lựa ngày để chết, vào buổi sáng hôm tiên thường cúng giỗ ông ngoại. Bà ngoại đi trong lúc con gái đang lúi húi hấp bột, xào nhân gói bánh. Hồi còn sống, bà ngoại luôn nói chết làm sao cho bớt bận lòng đám con cháu vốn ít ỏi, bây giờ thì đám giỗ đông vui, có cả cháu ông, cháu bà, bên nội bên ngoại.

Hồi còn sống, bà ngoại hay nói về ngày ngoại chết, nói thản nhiên, nói rộn rã như đang lên kế hoạch cho buổi... hội nghị nào đó (có phong bì). Ngoại dặn, đừng mời thầy chùa vì sợ con cháu bận theo lạ trong lúc tụng kinh mà không phục vụ khách chu đáo. Dặn phải nấu đồ ăn cho dư nhiều, để cho kết thúc thì bưng cho xóm giềng, cho những người đi giùm đám. Dặn sau này cúng giỗ thì đơn giản thôi, miễn có con cá lóc nướng cũng xong, nhưng cúng trăm mười ngày thì

làm lớn, đây là dịp hậu tạ những người đã giúp đỡ hồi đám ma. Dặn đừng có mời kèn trống làm chi, uổng tiền.

Uổng tiền, đó là câu nói đầu môi của bà ngoại. Nó làm mất lửa bất cứ ai hí hứng đem cho ngoại bộ đồ mới, cái vớng mới, hay nón mới. Đồ cũ còn mặc được (dù đã vá mấy chỗ, dù lưng áo đã mỏng te, mấy nẹp áo đã sờn). Vớng cũ còn nằm được (dù đã vá chông mấy lớp). Đội nón cũ đâu có chết (dù đã bung vành, xuống màu, thâm kim). Cái gì ngoại cũng tận dụng đến cùng, bao gạo, hay cái mùng vải đều nằm trong chủ trương "còn rách còn... vá". Cấp bậc cao hơn là vá... lu, xoong chảo bằng gang cũng vá luôn. Nếu vá mà vẫn không dùng được, lu ngoại sẽ để dành dú chuối, xooang chảo để làm mẻ ung muối cho heo. Áo, nếu đã không còn mặc được nữa, ngoại sẽ lắt mấy cái nút bóp trước khi chuyển áo qua làm... nùi giẻ. Mà, nó sống hết đời lau chùi, thì chỉ có nước làm phân cho... trâu.

Vườn trà của ngoại nổi tiếng cả xóm, nên mấy chiếc ghe hàng bông hay ghé hỏi mua. (Tụi nhỏ đất liền có dịp gặp tụi nhỏ hàng bông, để sau này có đứa lon ton lượm lật chi tiết để viết... truyện ngắn thương hồ). Ngoại hái trà đến mức móng tay mòn khuyết một lõm. Những ngày vào đợt hái trà, ngoại quảy cà vung ra vườn sớm, lúc mặt trời lên cũng là lúc ngoại na cà vung vào, đổ ra bộ ván rồi lấy dây lát bó trà. Ổp trà của ngoại cũng nổi tiếng, chặt chẽ mà mềm mại, không làm lá trà giập, cũng chẳng dễ tuột dây. Để có những cái lá trà mượt mà, nồng đậm, ngoại ủ một khạp cá phân thúi ùm, ngang qua đó tụi nhỏ nín thở, chạy cái vèo. Chỉ ngoại là tỉnh bơ lấy gàu múc tưới.

Ngoại không sợ gì hết (chết mà còn không sợ thì sợ gì nữa). Ngoại cất cái quán nhỏ dưới bến bán “tót ten” (chữ này của ngoại hay khủng khiếp). Từ quán lên nhà phải qua một con đường mòn hai bên dứa nước bịt khù. Lại còn rắng, ô rô mọc xon xen ra lối đi, ban đêm tối mịt mùng, thấy ớn. Ngoại không ớn, cả con kinh Rạch Rập trước nhà cũng khủng khiếp, nghe kể hồi chiến tranh lâu lâu ngoại bơi xuống đụng phải một xác chết, lâu lâu, lại thấy có khúc chân người tấp vô ven đó. Ngoại lấy dầm... vít ra. Chuyện nhỏ như... con thỏ.

Những năm tháng sống cạnh đồn Chệt chắc không dễ dàng gì, khi chồng và con gái đầu lại là... Việt Cộng, bà ngoại trở nên (hay đã sẵn tính) gan lì. Vườn cũ, chim cú trú ngụ hàng bầy, đêm nào chúng cũng thảm thiết cất tiếng kêu, ngoại tỉnh bơ, xách đèn cóc ra chuồng heo coi tụi nó sao lại chộn rộn vậy. Trời ban cho ngoại bàn tay lẹ làng, tướng đi lật đật, con mắt lanh lợi nên bà giỏi giang. Làm bánh hết sảy, buôn bán cũng có khiếu, mà đan đất cũng tài. Sàng sịa thúng mủng, rổ lớn rổ nhỏ toàn là ngoại đương lấy. Và cái quần vải mà ngoại quần trên ngón tay trở để vót nan cũng hay mòn. Tuần rồi, về U Minh ghé qua rạch Ổ Ó, quê nhà của bà ngoại, gặp người dì (gọi ngoại bằng dì) đang ngồi đương rổ, bỗng giật mình. Trời, người gì mà giống ngoại ta xưa. Ở đây, bảy mươi năm trước, có một bầy con gái ngồi vót nan trong ánh trời chiều, không biết yêu đương hò hẹn, cứ vậy, chờ người tới rước đi. Để tiếp tục nấu nướng, làm lụng, đương đầu với cuộc đời.

Ngoại cũng có lúc sợ, lý do rất mắc cười, thí dụ, bà lại thảng thốt khi nghe tiếng gà gáy ban trưa, ngoại ngó con gái

mình, hơi dè dặt, rầu rĩ, “Gáy kiểu này là xóm có đứa chữa hoang rồi. Tụi bây ráng giữ...”. Ngoại hay thở dài ứ hự, “nhà có con gái như hủ mắt treo đầu giàn...”, đó là lúc hai nàng chưa lấy chồng. Ngoại sợ đổ vỡ cái mà người ta gọi là gia phong. Mà, sợ cũng thừa, hai con gái ngoại cũng chẳng thèm yêu đương hò hẹn, ai thích thì rủ lại nhà chơi với... má tui. Một bữa má đòi theo ông ngoại, bà ngoại nói mầy mà bước đi, tao từ, con gái con đứa con không lo may vá, khéo léo mà bày đặt cầm súng đạn (hay đó chỉ là cái cố, ngoại sợ rủ một ngày, ngoại phải khóc chồng, khóc cả cho con?). Nhưng má vẫn đi, má biết, sức mầy mà ngoại ngoảnh mặt từ con. Sinh mười lần, chỉ còn hai đứa con gái cu ky, con trai, đứa chết vì bị sài đẹn, đứa chết bởi viêm phổi, bởi ban đen (sốt xuất huyết), bởi những căn bệnh tưởng như vật vãn nhưng vì nghèo, thiếu thốn, lạc hậu mà những đứa trẻ tuột khỏi tay bà.

Ở ngoại, luôn có mùi lưu cữu, cũ kỹ. Nó thống nhất từ bộ đồ sờn rách đôi ba chỗ, từ mùi dầu dừa trên tóc, bàn tay đượm hương trầu. Cái tiệm của ngoại cũng cũ mèm những hủ tương da bò, khạp đường mía, mấy cái móc bẻ bằng dây chì treo lùm đùm bọc nhỏ bọc to. Có thể tìm thấy đủ thứ hãm bà lăng món ở đây, từ kim chỉ, nút bóp, đến đá lửa, hột quẹt, ống cuốn (quấn tóc), kiếng lược, đường đậu bột khoai, bột bán, tương chao, nước màu nước mắt xì dầu, kẹo... hiện đại nhất là lon gô của lính Mỹ dùng để đựng tiền.

Lúc sinh ra là đã thấy ngoại bán tiệm rồi, cũng như đã thấy ngoại khó tánh sẵn, ngoài việc dẫn mặt vụ chưng diện ra, ngoại còn làm con cháu “rè” dài dài, lên mâm cơm, ăn có chậm, hoặc vừa ăn vừa chỏi tay cạnh hàm, gác cằm lên đầu gối, ngồi chồm hồm, ngoại sẽ hát khúc “ăn kiểu đó là nghèo

chết ghen". Trong chén còn mấy hột cũng phải vét cho sạch, ngoại không thích ăn cơm mà rơi vãi ra ngoài, trái ổi, trái khế cũng đừng hòng cạp nửa bỏ nửa. Bà ngoại hay nói ăn xài huỷ của sau này lúc cần, hông có mà ăn, lời ngoại như tiên tri vậy, đúng là bây giờ bỗng dưng thêm trái ổi chát ngấm ngày xưa, kiếm được... chết liền. Giữa mấy đứa nhỏ trong nhà tơ tã, ở xóm mà chạng vạng mới chạy tới mua dầu thắp đèn, hay tới bữa cơm mới đi mua gạo, thế nào cũng bị ngoại "tụng" một trận. Ngoại không biết câu "khách hàng là thượng đế", mà "khách hàng là con cháu tao. Không dạy để sau này thành quen, không chịu lo xa, nước tới chừn nhảy chi nửa mà nhảy".

Đúng là khó thấy ớn. Có lần, ngoại chèo xuồng ra nhà con gái đầu chơi, thấy thằng rể xách cây đánh con nhỏ cháu mình, ngoại giận lắm, từ ấy, căn nhà đó không còn được đón ngoại ra, dù mười sáu năm nữa đã trôi qua. Rể giờ đã già, nhắc lại, giọng buồn xo.

Nhưng đây không phải là chân dung đầy đủ nhất của bà ngoại.

Ngoại sợ uống tiền, ngoại tiện tặn giặt từng cái bọc nilông cũ, súc rửa từng cái chai sành đựng nước mắt, nâng niu từng cọng dây thun nhưng đối đãi với người ngoài, nhất là người nghèo, làm thuê, làm mướn cho nhà mình thì mướt rướt. Ngày mấy bữa cơm, cà phê, thuốc gò đầy đủ, với những người thợ gặt ngoại cũng bung nước uống ra tận ngoài đồng cho họ. Ngoại không dám may áo mới nhưng đám con cháu được ăn mặc đủ đầy. Về ngoại, chưa kịp khoanh tay thừa bà đã tong tã xúc gạo cái sệt, đi rửa khoai đem luộc, lúc thì ngâm đậu nấu chè, xay bột nấu bánh

canh. Cái món bánh tổ ăn thừa, ngoại đem phơi khô treo giàn bếp, lâu lâu đem ra chiên với mỡ heo, từ ngoại ra đi đã không còn thấy nữa.

Không còn thấy nữa bà già nhỏ nhắn, miệng luôn rầy la, chửi chớ mắng mè nhưng trong bụng hiền khô. Bà già đó, nhiều khi cũng cực đoan, cũng phong kiến cũ kỹ, nhưng nền nếp, tử tế.

Nhưng bà vẫn ở bên ta hoài, theo một cách riêng của bà, thí dụ gặp khuôn bánh, ai đó vô tình buột miệng, "bà ngoại hồi đó hay nướng bánh kẹp, bánh bông lan..." Nhờ vậy, câu chuyện này được chấp vá từ những người khác nhau những thời điểm khác nhau. Bởi có đứa cháu của bà ngoại hồi xưa không gần gũi với bà lắm, bởi nó sợ căn buồng kín mít chứa toàn đồ cũ của bà nên chẳng khi nào chịu ngủ chung, bởi nó nghĩ bà thương cháu trai hơn, bằng chứng là bà toàn... rửa dĩa cho ông anh, bởi bà hay căn nhắc nó.

Để một ngày nó thấy ngoại trong nó, ra đường gặp mấy đứa nhỏ tóc đỏ tóc vàng, ăn mặc hở hang, nó đổ quạu, căn nhắc, "con gái gì không nên nết...".

Rất có thể sẽ có "bà ngoại" phần ba.

Tiền Bôi, Thầy Và Bạn

Gôi thấy nhớ ông già, đó là những buổi chiều nhàn nhạt, lửng lơ, lơ đãng, chẳng biết đi đâu, chẳng biết làm gì, chẳng biết làm sao để trôi qua trống rỗng. Tôi thấy nhớ ông già, đó là lúc bỗng dưng thèm uống ly trà quạu, hay một ly vang. Tôi thấy nhớ ông già, đó là lúc tôi không muốn nói, mà chỉ thích ngồi nghe. Mặt hai chú cháu hơi đỏ, ông già nói ông Gorki nói vậy, ông Lev Tolstoi nói vậy, ông Nguyễn Tuân nói vậy. Tôi cười, vì không gần gũi với mấy ông già đó lắm, thời của mình thì văn chương Trung Quốc tràn ngập, chỉ biết ông già Mạc Ngôn hay ông già Giả Bình Ao... Cũng xon xen Ba Lan, Đức, Nhật nhưng văn học Nga Xô Viết thì bó tay. Vô thư viện lục lọi sách của mấy tác giả đó, nhìn hết muốn ăn thịt chuột, giấy đen thùi, chữ in lem luốc, trang đọc được, trang không.

Những bộ sách kinh điển đó cũng chất đầy trên kệ sách nhà ông già, cũng cũ kỹ, già nua, cũng nặng nề bởi thời gian. May, vì bộ mặt sần thảm đó nên sách còn nguyên trân, chẳng ai thèm mượn. Cũng có khi vì ông già khó tánh nên người ta ớn chẳng?

Vụ khó tánh, là người ta đồn đãi vậy, tôi không ngán. Người nào càng khó độ thử thách càng cao, khó mà chinh phục được họ (hoặc làm họ... tức chết) thì mới sướng. Riêng ông già, tôi chỉ thấy ông dễ thương. Khách đến nhà, có gì ông đem ra đãi bằng hết, mấy cây xúc xích, bọc bánh phồng tôm, kẹo, hột dưa, phó mát Con Bò Cười... Có bữa mình

đói, không giữ ý tứ gì, ăn hùng hục, lúc ngẩng lên thấy ông ngó mình cười.

Có lẽ ông khó thiệt, nhưng theo kiểu của ông, rất nghệ sĩ. Có một chút ngạo đời, một chút ương ngạnh. Không thích người nói nhiều, người ba hoa (dân gian bây giờ kêu là "nổ"), không thích chỗ đông người, không thích tiếp xúc với giới quan chức. Một mình đăm đăm. Ông như một bảo tàng của văn minh cũ, của những tri thức cũ, của một nền văn học cũ... Mấy "ông" Dickens, Dostoevsky, Balzac, Remarque, Amatov... bệ vệ trên giá bao nhiêu, thì những Nguyễn Đình Thi, Chế Lan Viên, Trang Thế Hy, Nguyễn Ngọc, Lê Văn Thảo, Chim Trắng... cũng sâu đậm trong lòng ông già bấy nhiêu, đánh dấu những năm tháng sống và làm việc ở báo Văn nghệ, báo Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh...

Nhà ông già cũng là một bảo tàng của những gì mà người ta quên, người ta không cần nữa, hoặc người ta nhớ, nhưng người ta không muốn quay về. Giữa thành phố, có con đường ồm nhóm đi ngang qua ngôi nhà nhỏ nằm núp ló sau hàng rào nhiều dây leo, giàn hoàng anh vàng rực trên cổng gỗ. Cái sân cũng nhỏ nhưng chứa đựng đủ thứ, một cây dừa, cây mận, một dây trầu bà bó quanh cây... Mùa mưa, cái ao bên dưới sàn nhà có mấy bụi kè nèo, bèo tấm mong manh. Mỗi lần thấy cái biển xanh lè, "Gia đình đạt chuẩn văn hóa" là khách phì cười, có cái biển trị giá một trăm ngàn đồng hay không thì ông già cũng cực kỳ văn hóa, vì chẳng qua lại, cãi cọ với ai. Ông già ẩn dật, nên những vật nuôi cũng ẩn dật, cũng ngại người. Con bìm bịp mắt đỏ như khóc suốt tuổi thơ tôi nghe kêu nước lớn nhưng chưa bao giờ thấy mặt. Cũng chưa bao giờ được nhìn gần một con

chim mèo mặt buồn tê tái, lồng bên kia, chim heo không buồn, nhưng... quạu, con chồn xám thì hay rúc vào góc nhà mỗi khi có khách. Nhiều khi tới gần, tụi nó giận dữ xù lông, đập cánh tao tác, tôi tự hỏi con người xấu xí vậy sao, mùi người khó chịu vậy sao? Hay cái nết ông già ảnh hưởng tới tụi nó, hoặc ngược lại. Chỉ có con sóc là nhí nhảnh, chẳng giống ông, nó đã bỏ lồng, trèo long nhong trên mấy tầng cây lớn quanh nhà, sân ngày nào cũng rơi đầy những trái dại chín mà nó đã gặm ba mớ. Có bữa, ông già bảo, con sóc đi cắn dây điện của người ta, ở xóm căn nhà quá chùng, bực ghê. Nhưng tôi không có cảm giác là ông chỉ bực chút chút, và vui chút chút, như thể người ta cầm tay thẳng nhỏ nào đó dắt về cho ông, giần dỗi, thẳng cháu anh đánh con tui u đầu rồi. Bị lảng giềng mắng vốn, nghĩa là ông không quá cô đơn.

Cho dù trong ngôi nhà gỗ cũ kỹ mưa tạt, gió lùa này, khi khách về, chỉ còn mình ông. Nhưng có hề gì, lúc đó những con chim lại đập cánh lao chao trong lồng, chim sâu chim sẻ ngoài cửa cũng bàn tán chuyện này chuyện nọ. Và con bìm bịp cất tiếng kêu sầu quê xứ. Những tiếng bịp... bịp... phớt trên da thịt người ta, nghe lành lạnh, man mác. Những nỗi nhớ mờ mờ, không rõ ràng bỗng cụm lại như mây, nhỏ từng giọt nhớ vào lòng. Có lúc, ông già nhại theo kêu bịp... bịp... con vật đáp lại, ông già lại nhại... Họ nói cái gì với nhau, về con nước lớn đang ngập những cái hang của cá thòi lòi? Về những bờ lá dầm chân trong nước? Về những bụi rậm ven sông đã trở bông? Những chiếc xuồng chập chờn dưới bến ô rô? Những bụi nga chồm mé nước? Nghe ngậm ngùi như họ đang nói với nhau về quê xứ mà cả hai đã xa hồi năm năm năm nao. Cũng không chắc, có thể họ

chẳng nói gì hết, chỉ đơn thuần là kêu chơi. Không hiểu sao, lúc ấy, tôi lại thấy ông già cô đơn, rất cô đơn. Tôi muốn nán lại thêm chút nữa.

Lần nào tới, cũng nói về vài ba lần mới đứng lên về được, thấy thời gian qua thật mau, mà học lại được quá ít. Ông nói người Mỹ, người Trung Quốc mà rơi xuống hố sâu thì lên được hết, bằng cách trèo lên vai nhau, nhưng người Việt thì khó mà lên, bởi không muốn ai đứng trên mình, không muốn ai sung sướng hơn mình. Cứ có người bươn lên ắt có người nằm giò kéo xuống. Ông nói viết văn mà đứng ở bên ngoài ngó vào câu chuyện thì đọc chán lắm, phải ngồi ở trong câu chuyện đó, mới hay. Và nhiều khi ông chẳng nói gì, nhưng tôi học được cách im lặng, kiệm lời. Học trên vách cái câu ông kẻ bằng sơn trắng "Không nên nhổ vào giếng. Một ngày kia nó sẽ giải khát cho ta", học từ bức tượng người đàn ông tự gọt đầu cho vừa với cái nón của mình, hay một người khác đang tự ăn mình đến rỗng cả ngực, học chữ Tâm trên cái đĩa trang trí. Tôi nhìn giá sách học cách nâng niu sách, nhìn ra sân học cách hòa mình với thiên nhiên. Nhìn vào ông tôi học sống điềm đạm, ung dung, an nhiên với những hào quang cũ, mới.

Học cả cái cách ông đối xử với hậu bối, xởi lời mà nghiêm khắc, cởi mở mà sâu sắc, bình đẳng mà trọng thị. Lúc đến, luôn thấy mình trống trải, thấy mình đang trôi vạ vật, khi về, lại thấy mình đầy, thấy muốn viết, muốn làm gì đó có ý nghĩa. Thấy muốn sống, và sống tử tế.

Để đến lúc mình già, có mấy đứa trẻ con hay buồn, hay vỡ (giống như ta bây giờ) đến chơi với ta.

Ở Trọ

Dãy nhà trọ có năm phòng, diện tích như nhau: bốn mét vuông; kiến trúc như nhau: thấp tè, bít bùng, như cái hộp, không cửa sổ, cửa sau, chỉ có một sàn nước, khu vệ sinh sinh hoạt chung; vật liệu xây dựng như nhau: nóc thiếc, vách thiếc, cửa cũng được đóng bằng thiếc.

Gã ở cuối dãy, căn phòng đã xuống cấp trầm trọng, cửa nẻo xập xệ, nhiều lúc gã thấy còi cửa rất mắc công. Bà chủ nhà ấm ức, mấy căn kia đâu có tệ vậy, tại cậu, mà, tôi thấy tướng cậu không xài cái gì bền hết, lọt vô tay cậu là hư... Nghĩ là bà ám chỉ con bồ cũ mình đã thôi lui tới từ cuối mùa mưa, gã sừng sộ đá vào cánh cửa một cái rầm, bỏ vô vống nằm. Bà chủ nhà hết hồn, nguýt một cái, te tái đi.

Gã biết bà sẽ đi đâu, dù không nghe được tiếng bước chân, không nghe giọng nói xúng xoảng như những thanh kim loại va nhau, nhưng chắc chắn bà sẽ ghé cái phòng cuối dãy đằng kia, mặt bà đỏ gay, phân trần, "cái thẳng khó ưa, nói không được...". Và người ở trọ căn phòng đó, mà mọi người hay gọi là Năm, không rõ là thứ hay tên, sẽ tỉnh bơ, cười cười, thôi kệ, mỗi người mỗi ý, dì giận làm chi cho mau già... Già, chắc chắn không ai muốn, bà chủ nhà dụ lại, nhìn ra vạt sân đằng trước đong đưa hoa cỏ, chép miệng, "phải ai cũng được như cô..."

Gã nằm đằng này, tưởng tượng ra ngay cái cười lỏn lển của Năm. Người đâu mà đại. Mới tới thuê nhà, sắp xếp đồ đạc đâu đó xong xuôi, Năm ra đằng trước ngó nghiêng, thấy cỏ ống mọc liếm lên thềm, Năm xoắn quần xách dao ra chặt

rạp, è ạch, bùn sinh văng tới đầu. Mấy bữa sau tan ca sớm, Năm ghé mua cái thúng, túc tắc đi xúc đất về coi sân cao lên, thấy mọi người dòm mình ái ngại, Năm cười tỉnh bơ, kiếm chuyện làm chơi, ở không cũng buồn, ngứa ngáy tay chân.

Với dân ở trọ chuyên nghiệp, Năm giống như con dã tràng xe cát. Ở không thì ngồi nói chuyện trên trời dưới đất, hoặc vả đánh bài tiến lên, kêu lô tô, hay nhìn thẩn lẩn ỉa miệng ve chơi, mắc gì tha đất về, bứng cây này cây nọ, rồi lui cui trồng tưới. Đời công nhân chưa đủ cực sao, tay đã bị nước ăn chưa đủ đau sao còn cầm dao cầm cuốc. Ở trọ mà, nhà này nhà người, đất này đất người. Chủ nhà lúc vui thì thôi, buồn buồn thì kiếm chuyện đuổi đi, mà chủ nhà hay buồn lắm, sáng đi chợ, thấy gạo cá mắc mỏ là buồn, coi ti vi thấy xăng lên giá cũng buồn, đòi tăng tiền phòng. Cãi cọ không xong, vậy là quấy gói đi, riết rồi hành trang cũng gọn lỏn vài cái bao tải.

Cuộc sống tạm bợ không chịu nổi, vậy mà Năm còn trồng ổi nữa, mọi người tặc lưỡi, nói “trồng chi mắc công, biết có ăn được hay không...”, Năm nói gọn hơ, mình không ăn được thì tội nhỏ sau này ăn. Trời ơi, hay là kiếp trước người này gây tội gì với mấy con dã tràng nên kiếp này làm người mà không khác chi chúng. Năm cười tỉnh bơ, cười tỉnh táo, và cười tỉnh rụi trước những lời bàn ra bàn vô, “cuộc đời này cũng là nhà trọ, nhưng ai cũng muốn sống tử tế, đàng hoàng hết – Năm nói, và thấy mọi người đang trở mắt nhìn mình, Năm sượng sùng, vuốt mặt như thể mặt mình đang dính vảy cá – bà ngoại tui nói vậy, không phải tui đâu...”. Cuộc đời là chốn trọ, ừ, nhưng có ai không yêu, không tha thiết với sự tạm bợ này?

Sau này, chẳng ai còn bận khoăn khi thấy cảnh Năm đi làm về là xoắn tay áo cặm cùi lau dọn, trang hoàng căn phòng trọ, chẳng ai bận thần khi Năm chăm chút từng mầm cây, từng cái lá sâu. Để một bữa sau đợt mưa dai dẳng, người ta ra nhìn trời, bắt gặp vạt sân rục rỡ. Bụi mỏng tươi xanh nhuốt quơ quơ mấy cái tước trong gió tìm chỗ để quấn quýt, để leo. Hàng họ kiểng trở bông, đủ tím cả một góc lòng, đủ kiêu hãnh với mấy cái bông lồng đèn đỏ chói. Và cái giồng cải gieo lẫn trong mấy bụi hành cũng miết xanh.

Gã cũng ở đó, chứng kiến vạt sân đang lên tiếng thì thầm. Gã đứng ngây ra một lúc, nhớ cái gì đó xa xôi, mờ nhạt, sương khói nhưng day diết khôn cùng, có thể là nhớ nhà, nhớ quê, nhớ mảnh vườn xưa mà gã đã xa rời từ khi phiêu bạt. Tóm lại, nhớ ông bà ông vải gì đâu. Cái vạt đất nhỏ nhoi làm gã mềm đi, bữa đó, gã không đóng cửa bằng... chân. Bữa đó, gã phát hiện ra tấm vách thiếc phòng mình móp méo nhiều chỗ, chắc do gã không chịu cúi xuống dùng tay tháo giày mà cứ vung chân cho giày văng đi. Bữa đó, gã thấy căn phòng mình bữa bọn khủng khiếp, mạng nhện đã giăng đến mấy cái góc mùng, có vài tổ tò vò đóng ngay trên đầu giường. Nhìn quanh chốn trọ của mình, lần đầu tiên gã hơi xao xuyến.

Gã lén tận hưởng mảnh vườn của Năm trước khi lúa cải đầu được đem chia cho từng nhà, bữa đó cả dãy đều ăn canh cải. Năm nói, đợt lúa cải sau tụi mình xúm lại chiên bánh xèo ăn chơi. Khi ấy cây cóc chị trồng cũng bọn lá rồi, cải xanh non, lá cóc non, mua thêm đợt lựa cặp ăn với bánh xèo là *bá cháy*, ai đó buột miệng. Và chính ai đó cũng lập

tức hồi hận, kiểu này Năm sẽ đi kiếm cho được cây lựu đem về trồng.

Nhưng Năm đi rồi, trước mùa mưa, trước khi giồng cải cứng cáp. Năm xin làm ở một nhà máy lớn, mới thành lập, phía tây thành phố. Năm thuê nhà gần đó để đi làm cho tiện.

Mảnh sân tiền Năm bằng vạt bông mười giờ đỏ rực. Gã đi làm về thì bông đã héo, đã phai màu rồi, và Năm đi rồi. Gã đứng trong khoảng sân nhỏ chuồn chuồn bay vờ vất, nghĩ, mình biết làm sao với giồng cải này, cây ổi này, luống họ kiếng này, với chốn trọ này.

Chiều đó, người ta thấy gã xách cái thùng tưới lọm thọm trong sân. Chiều ấy gã đi mua hộp nước sơn về, vẽ lên vách hai câu thơ gã lượm được đâu đó "Xanh trên đời chốc lát. Mà tình cờ gặp nhau..."[*] Bà chủ nhà lại rên lên, trời ơi, sao cậu tự ý vẽ bậy trong nhà tui vậy. Gã cười, tỉnh bơ, "tại con nhớ Năm...".

Ờ thì, ai cũng nhớ. Chừng này, cũng đâu đó trong thành phố đông đúc này, Năm chắc đang xoắn tay ngắm nghĩa chốn trọ mới, chắc ở đó cũng có mảnh đất hoang tàn, và Năm sẽ khiến nó nó nói, nó hát, nó nhảy múa.

Kỳ cục, gã thấy nhớ Năm.

[*] Thơ Lưu Quang Vũ

"...Xanh trên đời chốc lát

Mà tình cờ gặp nhau

Vừa ngắn ngủi vừa dài lâu

Lúc tan xuống, lại mỗi người mỗi ngã..."

VỀ MỘT TỪ HAY DÙNG TRONG NĂM

Ông già chạy xe ôm chỗ sạp báo Chân Cầu hay khiến Chòi Văn giật mình, lúc thì gọi giật lại để cầu nhàu, quạu quọ, "tao thấy bậy viết như vừa rồi là không được đâu nghen...", lúc khác bộp nhẹ vào đầu Chòi, "cái tạp văn trên báo X, coi cũng được, hén?". Sáng qua, ghé mua tờ báo, ông vịn vai Chòi, nói "toàn bộ năm nay, bài nào của bậy cũng có chữ "đau". Lúc trước thì bị chữ gió, bài nào cũng gió ơi gió à, mắc mệt".

Vậy sao, Chòi chưng hửng. Chạy xe đi một khúc, lòng vẫn còn ngơ ngác. Ngày sau, hết ngơ ngác, nhưng buồn buồn. Ông già chắc thương mình nên nhắc khéo, mình đang mòn, cũ, cả ngôn ngữ cũng lặp lại. Nhưng rốt cuộc tại sao mình lại buộc chữ "đau" cày xới, sao không là những chữ khác, chữ "thương", chữ "vui" chẳng hạn... Chòi tự hỏi.

Theo lời ông già, Chòi đã hóa hai người, khác biệt, một của "thời gió" một của "thời đau" (tạm gọi vậy, cho dễ phân biệt). "Thời gió" đã qua rồi, đã thổi rục rĩ, hoàng kim. Nó tồn tại trong Chòi ngót tám năm, những cảm xúc nhẹ nhàng, những mối tình nhẹ nhàng, những ly tan, đổ vỡ cũng nhẹ nhàng, người tốt chịu thiệt thòi nhưng người tốt vẫn cười, những kẻ xa nhau luôn hướng về nhau. Thời đó, gió xuất hiện rất thường, như thể Chòi bị gió ám vậy. Những trang văn tràn ngập gió, tràn ngập thiên nhiên. Màu trời xanh, cơn mưa dầm, ngọn cỏ, bông hoa, khu vườn nắng... Quãng đó, hẳn Chòi phóng khoáng, cởi mở lắm nên trong văn nhóc gió, vì chỉ gió mới phản ánh tâm thế tự do, dào dạt của mình.

Nói như vậy bộ bây giờ Chòi đau sao mà dùng đi dùng lại chữ “đau”? Không, Chòi hoàn toàn chẳng có gì đau. Nhức đầu là tại sao trang viết của Chòi lại “đau” hoài hoài, hết truyện ngắn chữ “đau” lại nhảy chồm chộp qua ngời bên chiếu tạp văn ngời? Chòi có đau nhưng lại chẳng nhận ra? Chòi lặp lại? Chòi lười nhác tìm kiếm ngôn ngữ mới? Chòi đã lớn tuổi, đã già? Nhưng già thì mắc mớ gì tới chữ “đau”?

Ông già làm Chòi nhức đầu quá chừng. Những ông già luôn vậy, luôn khiến Chòi vừa thương, vừa nể, trò chuyện với họ, Chòi thấy an ủi, nhưng sợ. Những câu nói của ông già quăng phệp ra, nhiều khi như tấm gương trong vắt để ta soi mình, nhiều khi là nỗi ám ảnh không nguôi. Thí dụ, chữ “đau” của ta nói lên cái gì vậy?

Thôi kệ, Chòi bỏ đi xem ti vi, họ đang phát phóng sự cậu bé học tới lớp 7 mà không biết... đánh vần. Máy quay tận mặt cậu, Chòi có thể nhìn thấy sự bối rối, rã rời khi cậu không đọc được tờ báo, thật tình. Chòi nghĩ ngay, ý tưởng này viết truyện được nè, một đứa bé sau cuộc phỏng vấn không còn khuôn mặt nữa, nó sống một cuộc đời không có mặt, bởi lỗi lầm không hẳn của nó. Nhưng lỗi của ai? Chòi sẽ giải thích trong truyện của mình.

Ngay lập tức, Chòi nghĩ về chữ “đau”, trong truyện ấy không sao tránh được từ này. Lại một sự lặp lại. Nhưng Chòi không biết dùng từ ngữ nào để diễn tả cuộc đời của cậu bé sau khi xuất hiện chình ình trên ti vi. “Xót xa”? “Muốn chết cho rồi”? “Xấu hổ”? “Thắt lòng”? “Chết lặng”? Hay chỉ là “vân vân và vân vân”. Rốt cuộc, ngôn ngữ cũng bó tay, cũng đầu hàng, cũng thú nhận là không thể diễn tả được tâm trạng của cậu bé. Và Chòi chỉ còn cách dùng từ “đau”,

một phần cũng do làm biếng, thay vì tách bạch từng loại cảm giác, ta cứ cho nhân vật "đau". Nó bao gồm hết những cảm xúc đổ vỡ nát lòng, nó diễn tả cho mọi bi kịch của đời, của một thanh niên nào lỡ tâm và lỡ tay đánh cắp hàng trong siêu thị, sau đó cái hình anh được dính lên chỗ cửa ra vào với dòng chữ "Kẻ cắp". "Đau" cũng dùng được cho hoàn cảnh những cô gái vừa bị lực lượng công an gom về từ một ổ tệ nạn nào đó, tối ấy bản tin được phát trên ti vi, kỹ thuật viên quên làm nhòa những khuôn mặt chán chường. Chữ "đau" sẽ cứu được những trang viết của Chòi về đứa bé bị công an xã bắt giam cả đêm vì nghi nó ăn cắp điện thoại di động, hay về một bà mẹ phải đi hầu tòa vì con giành đất...

Chòi không biết làm sao để không phải lặp lại từ "đau" khi cuộc đời luôn có những bi kịch mới. Chỉ còn cách chờ cho "thời đau" qua, "thời vui" hay "thời không"(tức là không gì cả, vô ưu vô lo) tới, chữ "đau" sẽ tự nó phai mờ, chết ngắc, như chữ "gió".

Điều đó có khả năng, năm sau Chòi bị ông già chạy xe ôm làm cho một cái "tổng kết" nữa. Chỉ còn cách cười trừ nếu bị cắn nhả. May mắn, nếu ông đọc được những lời này, ông sẽ rầy nhẹ nhàng một chút...

Vườn Cũ

Hồi mới quen nhau, cô gái kể về ông ngoại, nhà ngoại mình bằng cách nhại lại một mẫu chuyện vui trên báo, theo kiểu rao vặt, “Nam, bảy mươi tuổi, có một nhà lá, cột cặm. Và khu vườn nhiều cây. Vài cây nhàu, vài cây sung, vài cây khế, đằng trước có hàng cau, chuối nhiều không đếm được, hai cây vú sữa bên hè, rau muống, rau lang bò nhóc đất. Cần rau trai, cải trời cũng có, lục bình, kẻo nèo xanh rờn... Dừa dài theo bờ, theo liếp, chanh de mấy cái góc ao... Không mua. Không bán. Chỉ khoe vậy thôi. Cần tìm bạn. Ưu tiên người ít nói, không nói càng tốt”.

Bởi người chủ vườn, ông ngoại cô có biệt danh là Hết Nói, một người khá lặng lẽ, khách đến, ông chỉ cười, “Mới tới? Vệt một chỗ ngồi chơi”. Nghe được mấy tiếng đó, quay đi quay lại, ông già đã bỏ ra vườn mất biệt. Lần đầu cô đưa anh về, anh không biết mình đã làm gì phật ý ông già, trong bụng buồn buồn, dẫn dỗi.

Lúc đấy thì anh chưa biết tính ông, chưa va chạm nhiều, lòng chưa thương tích, chưa nát nhàu bởi người đời xiên vào những lời đau. Lúc đấy cô chưa ra Hà Nội học, chưa gửi lại cho anh ông già với khu vườn, “anh nhớ tới lui bầu bạn với ngoại, hãy vì em...”. Cái chữ “vì em” làm anh ngất ngư, nên tuần nào cũng chạy xe về ngoại ô. Để ngồi uống trà với ông già, ngó hoa cau rụng, lòng nhẹ bâng, lâng lâng, không biết vì ngồi với một người gần như đã từ bỏ khả năng giao tiếp bằng âm thanh, hay vì khu vườn đầy nắng.

Khu vườn cũng lạ lùng như ông già Hết Nói. Vườn không rộng, gây ấn tượng cũ kỹ vì những tàng cây lớn thâm u; vì toàn những loại cây trái vớ vẩn, hơi hoang dại, do chim chóc mang tới, chẳng sinh lợi; vì cây cối mọc lung tung, không ngay hàng thẳng lối. Chỗ này, cây rúc vào nách cây, cây chen cây, chỗ khác lại trống một khoảng, ông già xới đất tĩa ớt, cà. Đám cây này cũng lộn xộn. Anh thắc mắc, ông già lừ đừ, “Đừng bắt cây cỏ cũng xếp hàng”. Ông già hơi cổ quái, nên vườn cũng ảnh hưởng, cây cỏ mọc xênh xang, như thể chim ỉa hạt ở đâu, cây nảy mầm lên ngay chỗ đấy, ông già chẳng dời đi. Người quen nề nếp, quen khuôn phép thấy lạ. Ngoài cỏ dại bị chặt từ lúc mon men bò, hết thảy tự nhiên được sống đời tự nhiên. Những trưa nóng, không thấy chim sâu chim sẻ nhưng tàng cây vọng xuống véo va véo vắt, như thể chính những cái lá kia hát. Mấy con ong nghệ o e mon men trên đám bông muồng. Sập tối, vài con cú mèo đậu trên cây vú sữa già kêu từng hồi, anh hỏi ông già không sợ sao, ông cười bảo, sợ gì, cú kêu thì cũng như chim sáo hát, hay cu đất nó gáy thôi.

Vườn quấy rầy chim chóc, bướm ong đã đành, mấy thằng bạn anh cũng mê mẩn, chủ nhật nào cũng men theo để... nhậu. Nhiều lúc, ông già Hết Nói mót từng cái ly mới đủ cho khách. Mời thì không phải lo, bưng cái rổ thúng thỉnh dạo một vòng vườn là nhậu mệt nghỉ. Cá sẵn dưới ao, gá ác cả bày đủng đỉnh bươi đống rơm mục. Một bữa ăn cá rô chiên xù, ông già hái vào một rổ lá lạ hoắc, nào là lá đậu rồng, lá cát lồi, lá chùm ruột với nắm cải xanh. Tiệc nửa chừng thì rổ rau hết sạch, thằng bạn chết nhát hay giỡn mấy cái lá lên, dò xét, “cha, không biết ăn vô có chết dại không đây?” nhưng

vẫn ăn liền láu, khen bùi, khen chát, khen mùi lá non sao mà thơm râu.

Ông già Hết Nói coi bộ vui. Anh có cảm giác ông già luôn lặng lẽ nói cùng đám trẻ, rằng không cần ngôn từ cũng chuyển tải được tình người, rằng trên đời vốn chẳng có rác, cây cỏ cũng vậy, cũng không hoàn toàn vô tích sự. Tệ như cỏ cứt heo, cỏ mực mọc bờ ao cũng làm thuốc được. Tự nhiên sinh cây không trái, hay trái thiếu ngon, thì đã có lá, có hoa tặng người. Đất thảo thơm nên người thảo thơm, cây cỏ thảo thơm. Ăn lươn um, tụi nhỏ giật mình, nếu thiếu lá nhàu không biết cái món này lặng đến mức nào. Càng ngày, càng có cảm giác ta được nhiều hơn cả được ăn ngon. Có bữa, làm món bì cuốn lá sung, ông già hái mấy cái lá có nhiều đốm trắng, nổi gù lên, một đứa thắc mắc, sao lá mướt rướt mà ngoại chê, lại lựa cái lá thấy ghê...? Ông già không trả lời, đưa cuốn lá sung cho nó, ăn xong, nó vỗ đùi, "ngon quá chừng, ngọt, mà giòn". Bữa nhậu bỗng dậy động vì "triết lý lá sung", thô ráp, xấu xí mà ngon, bùi, cũng như con người ta, ngoại hình không đẹp, không nói hoa mỹ cũng chẳng hề gì, ăn thua là tấm lòng, tất nhiên, triết lý này chẳng thể ứng dụng cho những cuộc thi... hoa hậu.

Suốt mùa hạn, hết bì cuốn lá sung, hết khế chua chuối chát cặp mắt lòng, đến cá lóc nấu cháo nhúng rau đắng đất mọc theo mấy bụi chuối... Và những cô vợ, người yêu của bạn anh lơn tơn đi đào khoai chuối, khoai bán, củ lùn... rồi hớn hờ thổi lửa luộc nồi khoai đầy vun. Có bữa, cả bọn biến thành con nít, khi xắt những trái gòn non, cộng với mấy cái bắp chuối con con chấm muối giấm. Có đứa rưng rưng, vì nó nhớ thời thơ ấu nghèo hay vì trái ớt dầm cay xé?!

Rồi mưa sập soài, kéo theo lê thê những mây đen, sấm chớp. Con đường đến nhà ông già Hết Nói hơi khó đi, nhưng có hề gì khi khu vườn bắt đầu lên tiếng của sự nảy mầm, tiếng của những chồi xanh. Vì cái màu trắng muốt của đọt lựu hay phớt tím của đọt cóc, đọt xoài mà người phải lăn vô bếp chiên bánh xèo. Tuần kế tiếp, ai đó sáng kiến làm cái Lễ kỷ niệm ngày xưa... nghèo, bẻ những đọt rau muống, rau lang, cải trời, rau dền, nhãn lồng... xanh mơn luộc lên chấm với tương kho.

Lúc đó, vài đứa đã nghiệm khu vườn có ông già trầm lặng, vài đứa khoái ngồi trầm ngâm uống trà với ông, nghe ông nói chuyện đời (bằng cái cách riêng của ông). Chuyện nhậu chẳng quan trọng nữa, đôi lúc cả bọn bặm bỗ chạy xe ra ngoại ô, chỉ để ngồi dưới gốc cây vú sữa, nghe chim hót, nghe dứa rụng xuống ao, nghe tay chuối khô xạc xào, nghe khu vườn nói về triết lý của đất. Lúc ấy đã hết năm, cô gái sắp về. Mọi người đùa là biết đâu cô sẽ dặt về một anh chàng Hà Nội. Biết đâu cô chẳng về nữa. Một năm khiến anh thay đổi nhiều, thì cô ấy, biết đâu... .. Tôi viết những dòng này như lời nhắn đến người yêu của anh bạn tôi, nếu chị không về nữa, chắc hẳn khu vườn sẽ có tới hai người Hết Nói, họ trồng lung tung những cây cỏ (tưởng như) dại, để chờ đợi, để giữ tròn lời hứa với một câu nói dở, hãy vì em...". Đây có thể tôi thi vị hóa bạn tôi, cũng có thể anh quên mất chuyện đó rồi, anh gắn bó với ông già, khu vườn chỉ vì ông già, khu vườn. Vậy thôi.

Đãi Bạn

M

hỏ bạn lấy chồng, ngày cưới tôi không xin nghỉ được, đêm đãi bạn buộc phải đi. Bữa đó mưa đủ kiểu, khi tôi ra xe thì mưa nhỏ, lâm râm, bụng nghĩ, ông trời thương mình rồi. Nhưng ông trời ngạo nghễ cười, sức mấy mà ta chiều bậy, vậy là mưa ào tới, nó đón tôi ở một khúc quanh trên đường, rồi thì dùi dặt mưa, mưa dìm con đường lún mãi vào làn nước. Tới nhà bạn thì ướt ngoi ngoáp.

Tới nhà bạn, ngồi lau tóc, bỗng nhớ ra, hình như lâu lắm rồi mình không đi những buổi tiệc kiểu này. Bà con, bạn bè cưới thì đợi đúng giờ cái thiệp tới nhà hàng, nhào vô ăn. Nhiều lúc ra về mà quên coi cô dâu mặc áo cưới màu gì. Lần gần nhất là thằng em cô cậu lấy vợ, cũng đã ba năm trước. Một buổi tối đãi bạn lạt lẽo. Thứ ăn đặt sẵn ở nhà hàng. Dàn âm thanh cứ dội vào tai vào óc vào tim mấy bài nhạc đám cưới "Ôi vui quá xá là vui..". Ngồi giữa đám đông mà xơ lơ xáo láo, chẳng biết nói gì, có nói cũng không ai nghe được tiếng ai, đành cắn hột dưa chịu trận. Sáng sau thì chảy máu cam.

Nhưng tôi không tiếc gì ít giọt máu đó mà chẳng chịu quay lại những đêm đãi bạn khác. Chỉ là cái cảm giác chán, nhạt, rỗng không, vô vị. Vì vậy mà bạn cũng bất ngờ, khi thấy cái cây làm biếng (tụi nó gọi tôi vậy) đã mọc quá nhiều rễ ra khỏi nhà. Bạn không biết đãi bạn (hay cả ngày nhóm họ) với tôi như mối tình đã phai rồi. Gặp lại một cái tên quen thuộc, nhưng diện mạo và tâm hồn gã đã khác xưa. Cho nên ngồi ngay trong lòng gã tôi đi thương nhớ gã.

Nhớ cái hồi gã hay làm tôi xao xuyến bởi những cái thiệp mời nhỏ xíu, nằm gọn trong lòng tay. Người cầm thiệp đến thường là bạn trong xóm, rất thẹn thùng, dặt thêm, dãi bạn, nhớ tới chơi nghen. Sao mà không, chỉ hai tiếng "đãi bạn" thôi đã làm lòng tôi rộn lên rồi, đã gợi lên biết bao nhiêu hình ảnh. Những miếng mận, cóc, ổi nhỏ xíu, trái xoài nhỏ xíu được đính quanh trái khóm đã được gọt vỏ, tía tót rất đẹp bày ở giữa bàn. Còn có mấy đĩa hột dưa, mấy đĩa bánh bò, bánh bông lan, bánh kẹo. Bọn tôi, vừa bước qua thời con nít, nhưng lại chưa đủ chững chạc (!?) để dự tiệc cưới chính thức nên được giành cho một buổi tối xí xốn, cắn hột dưa, mời nhau miếng mận nhỏ xíu, thẹn thùng hỏi, "bạn tên gì *lận*?". Tụi con trai thì chỉ một bài, "bạn ở đâu *lận*, sao tui thấy bạn quen quá *hà*". Sau đó, để nuốt cục mắc cỡ vào bụng, cả bọn uống... nước ngọt, uống đến môi đỏ rục lên (do nước rẻ tiền, nhiều phẩm màu, chứ lúc đó làm gì có pepsi, hay coca cola), sau đó nhà bếp sẽ mang cháo khuya ra. Và bọn tôi ra về, lao xao dài theo xóm, lẫn trong tiếng chó sủa vang là tiếng đàn ca vắng từ đám cưới. Bài "tình anh bán chiếu" liêu xiêu dăng dặc theo gió làm xốn xang những đứa trẻ mười tám tuổi, cái ngày mình lấy chồng, có ai đến hát bài này để nuôi tiếc một cuộc tình thầm lặng không?

Trong ký ức tôi, cái gã mang tên "đãi bạn" là hiện thân của những bồi hồi. Từ nhận thiệp mời, là chộn rộn lo không biết hôm đó mình... mặc bộ đồ gì, tặng bạn món quà gì. Mà những món quà xưa đó nhớ lại buồn cười không chịu nổi, bức tranh sơn mài nhỏ đôi uyên ương đậu nhánh mai, quyển album hình, hay có khi là cái... đồng hồ treo tường rẻ tiền, nhiều tới mức đôi vợ chồng son chẳng biết làm gì với

chúng. Quà vớ vẩn, cho một buổi tiệc vớ vẩn nhưng là tất cả sự xao động. Nên buổi tối trước cưới cả ngọn gió cũng xốn xang. Man mác. Bâng quơ. Phải rất dịu dàng mới bắt được một cái nhìn buồn, mới thấu nỗi lòng gửi vào tiếng ca, mới nhận ra người đang ngổn ngang với chính mình. Ai đó sắp từ giã những ngày rong chơi, ai đó sắp xa mãi mỗi tình cảm, ai đó vớ vẩn tự hỏi bao giờ thì đến lượt mình mang thiệp mời đi khắp xóm. Và ai đó ngồi nhìn người đang day diết hát bài chia biệt, chỉ cần người ấy ngoái nhìn lại phía sau lưng, sẽ gặp một ánh mắt thiết buồn.

Nhưng người đó không quay lưng lại. Và nhỏ bạn tôi đòi uống rượu. Đó là cái ký ức rõ ràng nhất của những đêm đái bạn, tất nhiên, cũng phải kể thêm lần đầu chạm tay *ai* ở lối rẽ vào nhà. Lãng mạn, thơ mộng đã man.

Cho nên bây giờ tôi chỉ biết ngồi... cắn hột dưa để nhớ về "gã" mà tôi yêu hôm xưa. Tối nay, "gã" ngồi uống bia trong lúc vài ca sỹ của dàn nhạc thuê về ca mấy bài tình éo uột mà mặt trơ trơ. Mưa tạnh lâu rồi. Tôi định về. Nhưng thằng bạn học cứ rủ ở lại thêm chút nữa, chút nữa, chút nữa thôi. Coi bộ nó say, nên đòi hát. Và lần đầu tiên kể từ khi biết nhau, một thằng kỹ sư cơ khí khô khan, héo hắt với cặp kính cận dày như đít chai, tôi mới nghe bạn hát. Dở ẹt. Vì ghen ngào, "*Tôi đưa em sang sông. Chiều xưa mưa rơi âm thầm...*".

Trời ơi, hình như cái "gã" mang tên "Đái Bạn" vẫn còn là cái "gã" mơ mộng, man mác, dù thời gian đã làm "gã" thay đổi, sang trọng, bệ vệ, xa cách hơn. Nhưng mãi mãi, "gã" vẫn làm người ta bồi hồi, xao xuyến, vẫn mang ý nghĩa của một đêm đưa tiễn, người tiễn người, người tiễn mình, ta tiễn

ta.... Muộn rồi, nhưng có còn dịp nào nữa để hát "*người ta đã có đôi rồi, chiếu chăn đâu ấm bằng người tình chung*"?

Tôi ngồi liếm đôi môi rát, mai mình sẽ chảy máu cam. Nhưng trong cái tiệc đãi bạn tối này, có người chảy máu trong lòng nữa kia.

Xin Lỗi Lục Bình

B

iên giới cuối tháng 3. Cái nắng như thiêu đốt, trời đứng trôn, không một chút gió. Những vạt đồng rạ cháy khô, cỏ cháy khô, vài đàn bò ốm o trốn nắng dưới tán thốt nốt cũng đã xác xơ. Ruồi nhặng chập chờn. Những rặng núi xa xa, trọc lóc. Mấy bóng người ít ỏi nhoè nhoè đặng xa, như đã bị nắng đông lại, chỉ còn sóng sánh một chút, trước khi bất động. Hai lần đến đây đều vào mùa khô, nhưng còn muốn đến lần ba lần bốn, cũng dưới nắng này. Để đứng bên đường nhìn sự hoang hoải, héo úa, vắng vẻ, buồn buồn.

Không thể giải thích được tại sao mình có niềm đam mê kỳ cục vậy. Cũng như không thể phân trần tại sao mình thích dải đất miền Trung hơn miền Bắc, và nếu có cơ hội nào mình thà đi... Ấn Độ, Lào, Cam Pu Chia hay Ai Cập hơn Mỹ, Châu Âu. Dường như cái nghề viết ngớ ngẩn đã sinh ra ý thích ngớ ngẩn. Mê những hoang tàn, hiu hắt, trơ trụi, nơi thiên nhiên khắc nghiệt, nguyên sơ. Ưa đồi cát hơn rừng cây, say đồng cỏ hơn đồng lúa, thích ngắm những cánh khô hơn hoa đang nở. Hay đó chỉ là một kiểu "đứng núi này trông núi nọ", thừa mưa sông nước đồng bằng nên ngóng về phía hắt hiu? Từ chối sự hoàn mỹ, sang trọng để đến với thô sơ, giản dị? Ngán ngấm đám đông, chạy trốn đám đông?

Tôi ngồi trong căn chòi xập xệ chờ người đàn ông vá lại cái bánh xe đã xẹp lép của mình, và đưa ra những lý do khiến mình lê lết trong nắng, trên đất khách. Cái gì đã xui mình? Tôi nhìn quanh, một cái thau nước dùng để dò chỗ thủng đã

ngã màu đen thui, đặc quánh. Vài phụ tùng tháo lắp xe đã gỉ sét. Cách một tấm liếp bằng gỗ tạp có tiếng võng kèn kẹt, một đứa bé nào đó hát hời hời. lát sau, em bơ phờ ảm một em bé khác ra xi đá, nước đá chậm chạp rơi xuống, ít ỏi như vừa ra khỏi cơ thể đã bị nắng cô đọng lại. Trên trán hai đứa mồ hôi đầm đìa, tóc ước bê bết. Hỏi mẹ em đâu, con bé làu nhàu, đi tiếp nấu đường thốt nốt bên xóm. Nó đặt em ngồi xuống đất, lúi húi bưng ra một chén nước cơm khuấy với đường nguội ngợ, bữa ăn cho em bé khi mẹ vắng nhà.

Tôi bỗng nghĩ, hay là tôi thích những chỗ khắc nghiệt, tàn phai này có phải để lấp đầy những yếu đuối mặc cảm của mình. Để có cảm giác như đang phiêu lưu lặn lội vào đời sống, một người viết có thực tế. Để thấy mình giàu có hơn dân ở đó, để thấy cực nhọc, khổ đau không nhằm nhò gì so với họ, để thấy cái đất mình sống cũng không đến nỗi nào, đất đai phì nhiêu, kinh rạch chằng chịt, thiên nhiên ưu đãi, quê mình vậy là tốt rồi, dù ở đó đôi khi bắt gặp trên gương mặt người không có tình người.

Tôi nhớ những con bò chỉ da bọc xương chết khô trên những đồng cỏ cháy ở miền Trung trong bản tin tối. Tôi nhớ hình ảnh những em bé chong đèn cóc học bài. Tôi nhớ có lần uống trà với một ông già, ông nhăn, mầy viết cái "Lục bình" tao không chịu, lục bình trôi nổi dập vùi, khổ muốn chết mà đẹp khi khô gì...". Lúc ấy tôi cười.

Và bây giờ thì tôi không cười. Có lẽ, ông già kia nói đúng, tôi sẽ phải xin lỗi lục bình vì cái ý thích đã muốn nó phải lên đênh, cũng như xin lỗi những con người gồng mình

sống trên những vùng đất khắc nghiệt mà tôi cho là tuyệt đẹp.

Những con người đã bị tôi quên lãng, vì bận suốt soa tấm tắc những cỏ những cây những núi những cát. Họ, mới là kỳ quan của cuộc đời này.

Xin lỗi!

Nước Chảy Về Đầu

C

hào nhau lúc thị trấn lên đèn, một mình em trở về thành phố. Bốn mươi cây số. Bạn ái ngại cho đứa con gái đường xa vạn dặm, một mình, trong đêm tối...

Em nói em lang thang hoài, quen rồi, không sao đâu. Nhưng nói thẳng ra, em thích lênh đênh trên đường một mình như thế này thì hóa ra quái dị trong mắt của người ta. Bởi cô đơn chẳng phải là nỗi khiếp sợ của người đời sao?

Cứ một năm vài ba đợt em phải tham gia đoàn công tác đi huyện, mỗi đợt kéo dài bốn, năm ngày. Sớm đi, chiều về. Cực chẳng đã, mưa quá, hay nắng quá, hay khúc đường hiểm trở nhiều ổ voi ổ gà quá, em mới chui vào xe ô tô của mấy ông trong đoàn. Em nói em say xe, nên không thích. Sau đó mọi người phát hiện ra em chưa bao giờ say bởi bất cứ gì, (kể cả say người), em đành nói em không quá giang để rồi chờ đợi mệt mỏi, tự dưng không quyết định được chuyện đi ở, tự dưng để người khác giữ chân mình, em không thích. Người trong đoàn không nói gì, nhưng tia nhìn hơi khó chịu, hơi mỉa mai, "người ta nhà văn, nên phải ngạo mạn, lập dị như vậy...". Em buồn cười, lên xe máy đi tuốt.

Bởi có nói đến Tết thì chẳng ai hiểu được, một mình trên đường là nỗi cô đơn tuyệt vời nhất. Bồng bênh. Phiêu diêu. Cảm giác không ai theo kịp mình, thấy mình như con bướm cứ chập chờn, chập chờn, không ai nắm bắt được. Vậy là không cần diễn, không cần đối phó, vậy là gương mặt cứ

mềm ra, ngày ngày, vậy là ý nghĩ mông mênh, vu vơ không ra đầu cuối, đang nhớ người này, sức nhớ người kia, đang nghĩ tới màu tím của những bông dứa cạn bên đường thì cái vệt xanh của vạt cỏ ống phớt qua, kéo theo những bông lau già bạc phơ phất.

Đây mới là mình. Cái cảm giác đó em chỉ có khi... ngủ. Nhưng vì ngủ sâu nên không ý thức được, không ngây ngất, vui sướng được. Cảm giác đó cũng đôi khi xuất hiện lúc em chen chúc giữa cái chợ đông người. Người lúc nhúc, nhưng ai nấy đều phải bươn tới, phải tất bật, phải giữ cái túi mình đề phòng bọn bắt lương, phải cãi cọ đôi co để giằng lại chút tiền nhỏ nhoi. Chẳng ai nhìn lâu vào một cái gì, mắt họ lướt đi trên những món hàng đẹp đẽ, và em được tự do.

Nhưng ở đó, em không có được ngọn gió này, bờ cỏ này, vạt nắng cháy nắng, cánh đồng hoang vắng, đìu hiu kia. Theo vòng bánh xe quay, ý nghĩ của em cũng trôi theo, đến nỗi em còn không theo kịp mình. Những cây lúc trở bông trắng xoá bên đường, *cái cây quý này hồi nhỏ má hay đâm với muối để bó chân mình*. Một hàng cây so đũa đang mùa ra trái, *mấy chị lỡ thời chắc chạnh lòng, trời ơi, so đũa còn có đôi, huống chi...* Một khúc cây nhỏ treo cái chai nhựa tòn ten trước một quán hàng nhỏ, *ui trời, đây chắc là "biển hiệu" bán xăng, bà con mình nhiều khi cũng quá trời sáng tạo, treo bèo cả trên bờ*. Và con heo dờ ềm ủi đất bên sông, cái xuống ngập lé đé trong nước, những đứa trẻ tha thểu ngoài sân, bắt chuồn chuồn, cái panô vô "khu dân cư văn hóa", những người đàn ông chạy xe ôm chờ khách cháy da dưới nắng, người con gái đội rổ rau nước còn chảy ròng ròng đầm vai, tổ chim trên lưng lẳng trên đường dây điện rồi... những hình ảnh xui mình vừa nghĩ ngược về tuổi ấu

thơ lại ngắn gọn chuyện hiện tại, chuyện tương lai của... đất nước, chuyện người với người, chuyện bữa cơm trong nhà người, chiều nay...

Và trong đêm tối mịt mùng đêm nay, những con đường cũng không vì thế mà mất đi vẻ biến ảo, lung linh. Em không vì cây cỏ bên đường chìm vào đêm mà thôi nghĩ. Bởi đêm không sao giấu che được sự không công bằng (mà dưới ánh sáng ban ngày, cái - sự - không này bày đầy ra), ở ánh đèn nhỏ le lói trong nhà này và rực rỡ chói lóa trong nhà khác; ở chần chiếu rách nhà này và chần nệm ấm ở nhà khác; ở những xóm nghèo chìm lặng như thuở hồng hoang và những khúc chợ đầy tiếng chạm cốc lạnh canh lẫn trong tiếng karaoke vống lên trong tối. Nghĩ chán về sự công bằng (vốn không bao giờ có), em day sang những vì sao trên trời, vệt đèn pha của người đồng hành, những cô gái đứng bên vệ đường thẹn thò chờ người yêu tới, mùi cỏ đêm ngai ngái, gió đêm trong trẻo, mát lành... Tất cả những thứ đó em thường nghe thấy, nhưng trong cái thế bị nhìn, trong lúc đang đối phó, và cho dù em tự nhủ mình đang sống rất thật với lòng, nhưng mặt vẫn kênh lên, mắt vẫn tỉnh bơ, nên cảm giác với chung quanh cũng ráo tạnh. Bây giờ, chỉ một mình trôi đi, thấy mọi thứ cùng mông lung với mình, đẹp mà lạ, như mới gặp lần đầu, ngọt lành, mọng mị.

Sông dường như vẫn thường trôi như vậy.

Bạn gọi điện thoại, hỏi, về tới đâu rồi? Em ngỡ ngác, không biết bạn ơi. Bạn nhắn trong điện thoại, trời đất, đi tới đâu cũng không biết nữa, đầu óc để đâu. Em cười, và nghĩ, cho tôi làm nước chảy chút nữa đi, làm ơn.

Và nước thì đâu thềm quan tâm mình chảy về đâu...

MỜ MỜ NHÂN ẢNH

Đáng lẽ tên nhân vật này là Nguyễn (lúc này Nguyễn là tên thịnh hành, chẳng phải các vị lãnh đạo cao cấp của mình hầu hết đều là Nguyễn đó sao, chẳng phải quá chừng đông nhà văn, nhà thơ trên đất nước này đều là Nguyễn đó sao!), nhưng nghĩ lại, gọi là Harry Potter là hợp lý. Lý do: chẳng ai gắn bó với kính như chàng phù thủy dễ thương nổi tiếng này. Câu chuyện như sau: bữa nọ, vì yêu thầm nhỏ bạn xinh đẹp, Harry quyết định bỏ kính qua một bên, cho... có vẻ đẹp trai, phớt đời, sương gió. Chàng ta mặc cảm với cặp kính một sách của mình. Chàng ta dùng bùa chú nhốt cái kính vào chiếc hộp có 2 tỉ ổ khóa với 2 tỉ chìa khóa được trộn lẫn vào nhau.

Từ giã một cuộc đời rực rỡ, Harry bắt đầu sống với đôi mắt xuống cấp trầm trọng, mờ mịt, tầm nhìn xa chưa đầy... một mét. Hồi nào giờ Harry chưa nhìn đời lung linh như vậy. Bây giờ thì tha hồ mơ mộng. Những phố, những nhà bỗng chênh chao như trong khói nắng. Qua sông, thấy sông chìm lãng dăng dưới sương. Rác xao xác trên đường cũng chẳng khác gì lá vàng đang hát khúc ca về cội. Đời ít màu sắc, không chói gắt, mọi hình khối trở về với sự đơn giản nhất, ít chi tiết nhất. Quá hay.

Chàng phù thủy suốt ngày chỉ lo học hành, đánh đấm đã biết thần thờ, mộng mị. Mắt lúc nào cũng dụ dằng, mơ màng. Coi đá bóng, ti vi cách chừng hai mét nhưng chỉ thấy áo trắng, áo đỏ chạy tới chạy lui. Vài người bỗng đẹp lên một cách ngỡ ngàng vì được lược bỏ một số chi tiết thừa,

chẳng hạn như mặc áo chim cò, quần thì rách lai, tóc tai bờm xờm...

Bỏ kính, tai Harry tự dưng cực quá chừng. Nó phải lắng nghe, cảm thụ, phân tích những xấu đẹp của đời. Không ám ảnh bởi vẻ đẹp của người ca sĩ, của sân khấu lộng lẫy, tim Harry chẳng thềm run rẩy trước một tà áo xẻ cao, chỉ còn nao nao vì thanh âm thuần khiết của những bài hát quá chừng hay. Harry bồi hồi phát hiện ra mình có khả năng nhận biết tiếng từng bước chân trên những bậc thang, phân biệt được những tiếng cười ở phía xa xa, có cái cười nhiều thanh âm vỡ, lạc đi, có tiếng cười lạt nhách, có tiếng cười hể hả, phơ phớt, xúng xoảng và có tiếng cười buồn như cái ho khan... Tiếng cười mở ra những phận người.

Mắt mờ, Harry sống chậm hơn. Cậu thường mở cửa sổ, nghe gió run rẩy trong vòm cây bên dưới, những viền lá chạm vào nhau khẽ khàng, rứt rứt, tê dại như lần đầu tiên người ta chạm môi nhau. Cách một bờ rào, xóm hẻm đã không còn ở đó nữa, hiện thực hơi lùi lại... Những mái nhà lem nhem khói, chắp vá bằng những tấm tôn, tấm nhựa rồi nùi bông chỉ là bức tranh màu nước, hơi xa, chỉ tiếng chửi thề, tiếng trẻ con rượt đuổi nhau, tiếng rao, xoong chảo khua, tiếng khạc nhổ... là xao động. Giống như có người bịt mắt Harry, cậu nghe hơi thở phập phồng nóng bừng sau gáy, ngửi được mùi dầu gió trên tay, cảm nhận được khuôn mặt đó, nhưng cậu không thấy, hay thấy bằng cách khác, bằng tinh tế, bằng nhạy cảm, bằng nỗi nhớ, bằng tâm hồn của chân tóc và đầu những ngón tay.

Bằng cả những giác quan còn lại. Cái mũi xấu xí cũng thôi mặc cảm. Nhờ nó, và mùi bắp nấu, Harry biết bên hẻm,

người đang sắp ngửa với cuộc mưu sinh. Bên ấy, khói đang lên, những ngọn khói ban đầu thì mảnh, khẽ khàng, dùng dằng, sau cuộn lên day diết. Lên cao, gió khuấy loãng khói chỉ còn là những cái gợn xanh xao. Cậu ta nhìn thấy khói, bằng ký ức những ngày rỗng không, viết không xong, đọc sách không xong, chán người và cậu đã ra đây nhìn khói. Trong khói có mùi bắp nấu ngọt lành.

Cái kính dày như đít chai vẫn nằm im trong hộp. Từ khi rời nó, Harry hiền lành kỳ lạ, dịu dàng kỳ lạ, trên môi cậu luôn sẵn một nụ cười. Cứ thấy lơ mờ bóng người lại nhoẻn cười, vì lẫn lộn những người quen và không quen, không cười thì sợ phụ nhau. Nên một bữa tụi phù thủy hắc ám đi ngang qua chàng phù thủy nhỏ, bỗng hết hồn khi thấy cậu ta cười cực kỳ thân thiện, dễ thương. Cả câu đùa chú tàn khốc nhất cũng không làm cho kẻ ác rối bời như một nụ cười thương yêu, nồng hậu.

Cả Harry cũng ngỡ ngàng nhận ra, không nhìn đời khắc nghiệt bằng mắt nữa, bỗng dừng lại những vết thương lòng.

Xe Đêm

Má dặn, đi xe nhớ đừng ngồi trước, phía trước nguy hiểm lắm, nhưng cũng đừng ngồi mị đằng sau, cũng... ghê. Có người buồn cười, những vụ tai nạn nghiêm trọng gần đây, trước sau gì cũng tan nát. Trời kêu ai nấy dạ. Má nổi quạu, mình phải tránh cái chỗ ông trời hay kêu chó.

Vậy thì ngồi giữa. Có một chỗ núp ông trời nên chịu cực tí, chân không duỗi thẳng được, băng ghế chưa đến một sải tay nhưng chen chúc đến bốn người. Một bà già, một chị phụ nữ dẫn theo đứa con chừng mười tuổi dồn người thứ tư ép sát vào thành xe. Mỗi khi muốn xoay trở, người thứ tư xếp vai mình ra đằng trước. Chị ta ghét cái chỗ ngồi này, như ghét những chuyến xe đêm, ghét trạng thái mụ mị, vật vờ, tối tăm của nó.

Ngó ra những ngọn đèn mê mải bên đường, người thứ tư xem đồng hồ. Đoạn đường tỉnh lẻ - Sài Gòn xa khủng khiếp. Đứa bé tựa vào vai mẹ, ngủ ngon lành. Phía sau lặng ngắt, không phải vì tất cả đã ngủ mà họ đang vật vã với cơn say xe. Trong cái vũng đêm chênh chao, nghe tiếng mấy cái túi ni lông cứ sột soạt, mùi nôn oẹ chua khắm, mùi dầu gió hăng nồng, và khói thuốc lá bắt đầu trộn lẫn các thứ mùi với nhau, sánh đặc. Anh tài xế chống lại cơn buồn ngủ bằng một thứ được gọi là nhạc trẻ, kiểu như "Không yêu đừng nói lời cay đắng"... Loại này chống buồn ngủ hiệu quả, vì không gây tức anh ách, cũng khiến người ta phì cười.

Nhưng hai người phụ nữ ngồi bên cạnh thì chẳng tức, chẳng cười, cũng chẳng quan tâm không khí quặn mùi. Họ đang nói, và lúc này đây nói cũng là một cách thiền, bỏ sự đời qua một bên. Giọng bà già giòn tan, chị phụ nữ thì ngập ngừng, day diết. Trong những câu nói qua nói lại, lúc nhát gừng, ngăn ngụt, lúc chảy tràn, họ nhắc tới bệnh viện, và bệnh ung thư. Chị phụ nữ lo lắng, giọng nói đôi khi hụt đi khi nhắc tới những từ như: “xét nghiệm”, “đơn thuốc”, “hóa trị”. Bà già gạt đi, tay cứ xua xua như có con muỗi vo ve trước mặt, cuối mỗi câu, bà già hay đệm mấy chữ, ‘Hồng sao. Đừng lo. Dễ ợt...”. Bà nói bà ra vô bệnh viện như cơm bữa, bà rành sáu câu, bà nuôi bệnh ung thư trong mình nè, nhưng sống *phé re*, bà đi hóa trị như đi du lịch. Nhưng giọng chị phụ nữ cứ như tái đại đi, yếu ớt, nghe như tuyệt vọng, con cái còn nhỏ quá, dì Sáu à, con sợ...

Đâu đó nghe tiếng thở dài. Xe đêm thường chở theo nó những tiếng thở dài, những người sắp, đã và đang đối đầu với bệnh tật. “Cô bác xuống bệnh viện nào?” luôn là câu hỏi của nhiều tài xế chạy đêm, họ biết con đường nào ngắn nhất, tiện nhất để đưa khách đến đó. Thường, khách có nhu cầu khám và chữa bệnh nhiều khi chiếm hơn một nửa chuyến xe, còn lại là những người buôn bán, về quê hay đi học... Ít có ai đi công cán mà chung chạ xe đêm. Chỉ những con bệnh tình lẻ tẻ tồi chày trôi về thành phố, để sớm hôm sau họ có mặt ở các bệnh viện, phòng khám thật sớm, vạ vật chờ mở cửa, vạ vật chờ lấy được toa thuốc, kịp về chuyển xe tối lại, ở thêm một bữa, là gánh nặng tiền trọ, tiền ăn...

Những chuyến xe ngược về tình lẻ lại xốn xang những tiếng thở dài, ai vừa phát hiện ra bệnh mới, ai vừa qua cuộc điều trị rồi, ai còn lơ lửng chờ kết quả xét nghiệm cuối cùng...

Và bà già tươi giòn kia, chắc chắn bà không kịp về chuyến xe tối mai, vì phải nằm lại trong căn phòng trắng toát, vật vã, héo rũ sau đợt hóa trị. Người thứ tư nhìn bà đã bắt đầu thiu thiu ngủ, nghĩ thầm. Nghe có chút đau nhói. Chị ta ghét đi xe đêm, ghét sự thao thức, ghét người bạn đường đang sắp ngã đầu vào vai mình, tóc bà rủ vào cổ mình, nhờn nhờn. Một mái tóc kỳ lạ, đen rợn, lúc ghé quán ăn khuya bên đường, đi ngang qua chỗ bà ngồi, người thứ tư không thể gỡ cái nhìn của mình ra khỏi màu tóc đó. Tự hỏi, ở tuổi này, người ta còn gì để nắm níu, để tha thiết mà phải dùng tóc giả che giấu đi mái đầu đã xác xơ vì chống chọi cùng căn bệnh hiểm?

Tự hỏi, bên bờ sống – chết, bà làm đẹp để làm gì và để cho ai? Tự hỏi và tự trả lời, người thứ tư biến thao thức của mình thành một trò chơi trên ti vi. Chắc bên sông còn ông già người yêu cũ, bà muốn giữ hình ảnh mình đẹp mãi trong ông; chắc hồi trẻ bà có theo đoàn văn công; chắc bà không muốn nhớ tới tình trạng bệnh tật của mình, khi mỗi ngày nhìn tóc rơi xuống đất. Hay bà mặc cảm xấu xí, người thứ tư nghĩ tới điều đó khi mớ tóc giả của bà già trong cơn gà gât, đã tuột xuống tay chị ta. Những ánh đèn bên đường quét qua khuôn mặt mệt mỏi xanh xao, lướt nhanh trên mái đầu hiu hắt chỉ còn dăm ba sợi tóc của bà. Người thứ tư xếp vai mình, xoay người, trùm lại tóc cho người bạn đường. Thương, mà vẫn ước một tấm khăn vấn đầu, đỡ phần cảm hơn nhiều. Vô tình chạm tay, bà già giật mình, thảng thốt,

ngồi thẳng dậy, người thứ tư nói khẽ, "*tóc của dì tuột ra, con sửa...*" Bà gật đầu, không còn chút ngái ngủ nào (chuyện tóc tai quan trọng đến thế sao, người thứ tư lại tự hỏi), ngó qua người phụ nữ đang thở đều, bà thì thầm, "*con nhỏ có thấy... không?*" Người thứ tư lắc đầu, không đâu. Bà già cười một cái xào, tuồng như nhẹ nhõm lắm, nhưng giọng càng về cuối càng chua xót, ngậm ngùi, "*sợ con nhỏ thấy, rồi nó lo. Tội nghiệp, ở cùng xóm với dì mà, hiền lắm. Cô coi, bệnh tật nó đâu có chữa ai. Con nhỏ trẻ vậy...*"

Người thứ tư nghe một cơn lạnh buốt phà vào mặt, chị ta dựng cái áo khoác ngang mày. Nhưng tối như vậy, có rưng nước mắt thì cũng đâu ai thấy, che chi mắc công.

Chị ta so vai lại. Chỗ ngồi bỗng rộng thênh thang, bởi có người thấy mình nhỏ bé.